

NĂM THỨ 7 - NGÀY 1-8-1963

BACH

KHOA

trong số này

VIỆT ANH Ai Lao : mối đe dọa lớn cho hòa bình Đông Nam Á • ĐOÀN VĂN AN lịch sử triết lý Zen ở Ấn Độ • TRẦN VINH ANH nói chuyện sử với ông Phạm-Văn-Sơn • VÕ QUANG YẾN vũ trụ và sinh vật • LAI SINH đàm thoại với Staline • MỘNG TRUNG nhạc Việt ở xứ người • VÕ PHIẾN thăm chị buổi chiều • LÊ ĐÌNH PHẠM PHÚ phiêu hành • LUÂN HOÁN hình ảnh của mẹ • HOÀNG KHANH vết tích • NGUYỄN NGÃ chúng nó • TÚY HỒNG thờ dài • NGUYỄN VĂN THINH — LAM PHƯƠNG trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc • DẠ THẢO người tìm tuyệt đối • **SINH-HOẠT** : qua các hàng sách : NGUYỄN NGU Í đọc « Quan niệm và sáng tác Thơ, theo lời thi nhân và học giả phương Tây » của Đoàn-Thêm • thuật buổi nói chuyện : « Phụ Nữ với hôn nhân » của bà Nguyễn-Thị-Huệ

158



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỀ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẼP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIÈC NỨT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHÂM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THÈ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 73s

BÁCH

KHOA trong số này

Số 158 ngày 1-8-63

VIỆT-ANH sự bố trí lực lượng ở Ai-Lao, mối đe dọa lớn cho hòa bình ở Đông-Nam-Á	3
ĐOÀN-VĂN-AN lịch sử triết lý Zen ở Ấn-Độ	11
TRẦN-VINH-ANH nói chuyện sử với ông Phạm-Văn-Sơn	17
VÕ-QUANG-YẾN vũ trụ và sinh vật	27
LAI-SINH đàm thoại với Staline (dịch Milovan Djilas)	35
MỘNG-TRUNG nhạc Việt ở xứ người	45
VÕ-PHIẾN thăm chị buổi chiều (truyện)	57
LÊ-ĐÌNH-PHẠM-PHÚ phiêu hành (thơ)	72
LUÂN-HOÁN hình ảnh của mẹ (thơ)	73
HÒANG-KHANH vết tích (thơ)	74
NGUYỄN-NGÃ chúng nó (thơ)	74
TÚY-HỒNG thử dài (truyện ngắn)	75
ĐẠ-THẢO người tìm tuyệt đối (thơ)	87
NGUYỄN-NGU-Í (đọc) « quan niệm và sáng tác Thơ theo lời thi nhân và học giả phương Tây » của Đoàn-Thêm — « Phụ nữ với hôn nhân » (thuật buổi nói chuyện của bà Nguyễn-Thị-Huệ)	89 92
NGUYỄN-VĂN-THINH — LAM-PHƯƠNG trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc	101

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Vấn đề tranh chấp Nga Hoa</i>	TIÊU-DÂN
<i>Ý niệm về Thề : các kiểu và các vẻ đẹp</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Heidegger và Thi ca</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Trần-Thới-Hanh, thi-sĩ trào phúng miền Nam</i>	NGUYỄN-VĂN-HẦU
<i>Vấn đề Giải-thoát trong Nguyên-thủy và Đại-thừa Phật-giáo</i>	THANH-THUYỀN
<i>Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-kiểu ở Pháp</i>	MÔNG-TRUNG
<i>Nghĩ thêm về thiên tài Nguyễn-Du</i>	VŨ-HẠNH
<i>Vài nét về một số nhà văn hiện đại của Châu-Mỹ La-Tinh</i>	TRANG-THIÊN
<i>Người bê ghi (truyện dịch Mỹ-Latinh)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Một vài kỷ niệm về nhà văn Nhất-Linh</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Cái quan tài của Trúc-Anh (truyện-ngắn)</i>	VŨ-HẠNH
<i>Mùa hoa xoan (truyện ngắn)</i>	VÕ-HỒNG
<i>Cái vóc tre (truyện ngắn)</i>	LƯƠNG-THẾ-NAM
<i>Một chỗ cho người tàn tật (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN

Sự bố trí lực lượng ở Ai-Lao môi đe dọa lớn cho hòa bình Đông-Nam-Á

TRONG tháng 6 vừa qua, ta thấy Pathet Lào dồn lực lượng tấn công thành phố Attapeu là một thị trấn do quân đội hữu phái đóng ở phía Tây Bắc thị xã Kontum cách biên thùy Lào-Việt chừng 60 dặm. Điều đó chứng tỏ là Pathet Lào đã dồn quân xuống miền Nam, từ xưa đến giờ vẫn được coi là một khu vực thuộc quyền kiểm soát của Hoàng thân Boun Oum và lực lượng hữu phái của ông. Chúng ta đều biết ở vùng này dọc theo biên giới Lào Việt từ Tchepone đến Attapeu có con đường Hồ-Chí-Minh mà Việt-Cộng đã từ lâu rồi vẫn dùng làm con đường vận chuyển người và vũ khí từ miền Bắc vào xâm lược miền Nam. Con đường này đi từ Vinh xuống Đồng Hới rồi qua Tchepone bằng xe hơi. Từ Tchepone trở xuống có nhiều đoạn cũng có thể dùng xe hơi; nhưng đến phía Bắc Attapeu, khoảng giữa tỉnh

ly này và Saravane, con đường chia ra làm rất nhiều chi nhánh xuyên thẳng vào vùng biên giới Lào Việt. Bắt đầu từ đây việc vận chuyển vũ khí, hàng hóa đều phải do sức người. Cũng chính ở những trạm vào khoảng này, lính Việt-Cộng nhận được những bộ quần áo đen để đổi lại những bộ quần áo Pathet Lào mà họ đã mặc và từ đó xâm nhập thẳng vào miền Nam Việt-Nam. Điều trên chứng tỏ là miền Nam Lào có một tầm quan trọng sinh tử đối với cuộc chiến tranh chống cộng ở Việt-Nam Cộng-Hòa. Thực ra, thì Pathet Lào đã xâm nhập miền Hạ Lào đã từ lâu (ngay từ trước khi có hiệp định Genève 1962 về Lào), nhưng họ vẫn để những cứ điểm như Saravane, Attapeu... cho quân đội hữu phái chiếm đóng mà chỉ tìm cách kiểm soát những vùng xung quanh; nhất là những khu vực gần con đường Hồ-Chí-Minh, họ lại càng giữ chặt

SỰ BỒ TRÍ LỰC LƯỢNG Ở AI LAO, MỖI ĐE DỌA...

chê lắm, không để cho đối phương có thể dò xét hoặc đột kích phá hoại. Vì thế cho nên, tuy rằng Tây-Phương biết rõ có con đường Hồ-Chí-Minh, mà vẫn không sao trưng được những bằng chứng cụ thể về sự hiện diện của quân đội Việt-Cộng ở vùng này. Hai bên con đường đó được canh phòng rất cẩn mật có lẽ do cả 2 lực lượng hỗn hợp Việt Cộng — Pathet Lào và muốn phá hủy thì ít ra phải dùng tới lực lượng của một sư đoàn quân đội Hoa-Kỳ.

Vì thế cho nên, mặc dầu có nhiều lời khai của các tù binh bắt được trong các trận đánh ở Việt-Nam mà các báo thường ngày nhắc tới, mặc dầu lực lượng ta đã ráo riết bỏ trí ở vùng này, con đường đó vẫn còn tồn tại và vẫn còn là một đe dọa lớn cho nền an ninh của Việt-Nam Cộng-Hòa. Ngày nay, với việc tấn công Attopeu, phải chăng Pathet Lào muốn hoàn toàn kiểm soát vùng biên thù nguy hiểm này, không muốn để cho thế giới tự do có một cửa sổ dù là hé mở vào những hoạt động của Việt Cộng, bạn đồng minh của họ.

Từ khi xảy ra cuộc tái chiến ở Lào giữa các lực lượng Trung lập hữu phái và Pathet Lào, tình hình Lào càng ngày càng trở nên trầm trọng, vì Pathet Lào với sự giúp đỡ ngầm ngấm và công khai của Việt-Cộng và Trung-Cộng đã mở rộng khu chiếm đóng của họ và đã dồn một phần lực lượng xuống miền Nam mà trước kia họ vẫn ở thế yếu. Cuộc chiến tranh để giành ưu thế ở Lào đã làm cho lực lượng

của phe Trung lập bị yếu đi rất nhiều và rút cuộc vẫn chỉ còn có hai lực lượng đáng kể đối diện nhau là lực lượng tả phái (Pathet Lào) do tướng Sinkapo chỉ huy và lực lượng hữu phái do tướng Phoumi Nosavan lãnh đạo. Thủ tướng Souvana Phouma đã dần dần mất hết uy thế mà ông đã có khi còn được Pathet Lào ủng hộ và dần dần ngã sang phe hữu. Chứng cứ là hai lực lượng Trung-Lập và thiên hữu nhiều khi chiến đấu trong cùng một hàng ngũ với nhau trái hẳn với tình trạng hơn một năm trước đây. Và đối thủ của thủ tướng ngày nay chính là người em cùng cha khác mẹ của ông, hoàng thân Souphanouvong. Sự biến chuyển tình hình ở Lào rất đáng lo ngại cho tình hình Việt-Nam. Điều đó chắc chắn không ai có thể làm ngơ mà không biết tới, nhất là ngày nay chúng ta đang đi vào một cuộc chiến tranh sinh tử đối với Cộng Sản, kẻ thù số một của dân tộc Việt-Nam.

Chúng ta càng cần phải biết sự thực ở nước láng giềng phía Tây-Bắc của đất nước chúng ta.

Sự thực cho ta thấy rằng trong việc bỏ trí lực lượng, Pathet Lào đã kiểm soát tới gần 2/3 đất đai của đất nước Ai-Lao. Lực lượng của họ có bao nhiêu thực ra cũng khó mà đoán được. Có người cho rằng họ có chừng độ 40.000 quân. Nhưng còn những lực lượng dân quân du kích của họ ở những vùng « hậu địch » thì ai mà ước lượng nổi. Lại còn những lực lượng của Việt-Cộng hoặc giả trang



Việt-Nam Cộng-Hòa dưới vĩ tuyến thứ 17 cho tới tận phía Nam Attapeu sát gần biên giới Lào-Miên. Trong khu vực này, lực lượng của họ kiểm soát chặt chẽ vùng núi non hiểm trở dọc theo biên thùy, bao quanh một vài vị trí vẫn còn do lực lượng hữu phái chiếm đóng như Tchepone, Attapeu, Saravane. Nói tóm lại, cho tới nay, Pathet Lào kiểm soát suốt dọc vùng biên giới phía Bắc với Trung-Cộng và Bắc-Việt và cả vùng biên giới phía Nam với Việt-Nam Cộng-Hòa. Họ đang cố gắng kiểm soát cả vùng biên giới Lào-Miên và tại một vài vùng ở phía Tây Bắc Lào họ còn tiếp xúc được cả với miền Đông-Bắc Thái Lan là nơi có nhiều Việt kiều thân cộng cùng một số người Lào mà ở đó mầm mống Cộng-Sản đang phát triển mạnh khiến chính phủ Thái-Lan phải lo ngại và đề phòng ráo riết.

Pathet Lào, hoặc giả trang làm công nhân làm đường hay thường dân, sẵn sàng chiến đấu ngay khi cần đến. Ta cũng phải kể đến những lực lượng Việt - Cộng đóng ở vùng biên thùy phía Bắc, sẵn sàng thay thế Pathet Lào để quân này vận chuyển đi tấn công nơi khác. Thành ra lực lượng Pathet Lào là bao nhiêu, thực ra khó lòng kiểm soát được, 40.000 chỉ là số quân mà người ta có thể đếm được thôi. Lực lượng đó chiếm đóng phần lớn Bắc Lào, từ phía Đông sông Mékong chạy vòng suốt dọc biên thùy Hoa-Việt. Vùng chiếm đóng đó đi gần sát 2 thủ đô Luang Prabang và Vientiane, qua miền Đông-Chum rồi kéo dài xuống phía Nam suốt dọc biên thùy

Đứng trước sự lan tràn của lực lượng Pathet Lào thân Cộng, ta thấy lực lượng phe Trung lập của Hoàng Thân Souvana Phouma và tướng Kong-Le có gì ? Lực lượng đó hiện nay chỉ còn có chừng độ 12 hay 13 ngàn người. Trong vụ đụng độ với Pathet Lào ở vùng cánh đồng Chum, Kong-Le đã bị thua thiệt nhiều, phải rút quân ra đóng ở vùng núi non xung quanh cánh đồng Chum và Van Vieng (Cách Vientiane chừng 80 cây số về phía Bắc, trên con đường đi Luang Prabang). Những cuộc đào ngũ bỏ chạy sang phe Pathet Lào hoặc sang phe hữu phái đã khiến cho lực lượng của tướng Kong Le giảm sút đi rất nhiều nếu hoàng thân

Souvana Phouma không vội mau chậm dứt nội chiến để điều đình với phe Pathet. Như vậy là hiện nay quân đội của phe Trung lập chỉ còn đóng ở mấy cứ điểm sau : Phong Saly ở phía cực Bắc (xung quanh là vùng Pathet Lào), một số vị trí quanh vùng Cánh đồng Chum và Van Vieng. Lực lượng Trung lập chỉ còn có như vậy thôi, mặc dầu trong thời gian gần đây, Mỹ đã cố gắng tiếp tế vũ khí, quân nhu, đạn dược cho phe này để mong họ hồi sinh và cứu vãn con bài Souvana Phouma mà Tây phương nhất tâm ủng hộ. Từ khi xảy ra cuộc xung đột với Pathet Lào và sự thất bại chua cay của Kong - Le, ta thấy phe Trung-lập, đứng trước sự thực phũ phàng, càng ngày càng thiên sang hữu. Bọn Trung-lập tả phái do đại tá Deuane cầm đầu thì đã đứng hẳn về phe Pathet Lào từ lâu (những vụ bắn máy bay tiếp tế Hoa-Kỳ đều là do bọn này gây ra). Đền khi xảy ra cuộc xung đột, chính họ đã bắn vào phe Kong-Le trước tiên. Nếu không được lực lượng hữu phái tiếp tay, thì có lẽ lực lượng của tướng Kong - Le đã bị tan rã. Vì thế ta không nói gì làm lạ khi thấy phe Kong-Le càng ngày càng thiên hữu, nhất là khi sự thiên hữu này có lợi cho phe tự do. Nó chứng tỏ rằng không thể nào có được một thái độ trung lập hoàn toàn đứng ở giữa không nghiêng về phe nào có trung lập được. Trung lập tức là phải nghiêng về phía họ. Nếu không thì tất là khuynh hữu, khuynh Tây phương và do đó sẽ bị họ đá phá kịch liệt. Ba phe ở Lào, rút cuộc trên

thực tế chỉ còn có 2 phe : hữu và tả đối diện nhau mà thôi.

Vậy ta hãy thử xem lực lượng của phe hữu như thế nào. Từ ngày có cuộc ngưng bắn thực sự giữa quân đội Pathet Lào và quân đội Hoàng gia Ailao do tướng Phoumi Nosavan cầm đầu, hữu phái dần dần chỉnh đốn lại hàng ngũ và nhờ vẫn tiếp tục viện trợ Mỹ mà quân đội đó đã diễn khuyết được những thiệt hại do mấy cuộc thất trận gây ra. Lực lượng quân đội hữu phái hiện nay ước lượng chừng 60.000 người, võ trang đầy đủ. Con số đó có phần chính xác chứ không co dãn như con số của Pathet Lào, vì lẽ quân đội của tướng Phouma thường trấn đóng ở các thành thị dọc theo sông Mékong và tập trung trong các đồn trại tách rời khỏi những nơi ở của dân chúng nên quân số của họ có thể kiểm soát được dễ dàng. Quân đội đó đóng suốt dọc sông Mékong từ Ban Houei Sai ở phía Bắc gần sát biên thùy Miên-Điện, Thái-Lan, đến sát biên giới Lào Miên ở Phía Nam. Quân đội đó cố gắng kiểm soát suốt dọc biên thùy Thái-Lan, những điểm tập trung lớn là : Ban Houei Sai, Luang Prabang, Vientiane, Paksane, Thakhet, Savanakhét, Paksé. Gần đây, quân đội hữu phái lại trở lại chiếm đóng Seno, một căn cứ của Pháp do cả hai hiệp định Genève 1954 và 1962 quy định. Ngoài những cứ điểm lớn trên trục sông Mékong ra, quân đội của tướng Phoumi còn chiếm đóng một vài vùng đồng ruộng khá phì nhiêu xung quanh Saravane, Seno, Paksé, vùng trung lưng sông Se Bang (Hạ Lào) và

trần ngự trên các trục giao thông chính. Giữa những cứ điểm đó, còn nhiều khoảng trống khiến cho Pathet Lào vẫn có thể len lỏi vào được. Chứng cứ là họ vẫn gửi được cán bộ sang quây rối ở vùng Đông Bắc Thái-Lan.

Ngoài ra còn có những chiến khu người Mèo ở lọt giữa trong vùng chiêm đóng Pathet Lào, rất sâu vào trong nội địa. Hiện nay có chừng 5.000 hay 6.000 cây súng người Mèo đang kháng chiến chống Lào cộng ở những dãy núi phía Bắc giữa Luang Prabang và Săm - Nưá. Trước kia họ cũng có một ít ở gần vùng Đông Chum nhưng đã bị Pathet Lào quét sạch. Lực lượng của họ tuy ít nhưng rất thiện chiến. Họ lại toàn ở vùng núi nên hiểm trở, khó lòng có thể đánh bật ra được, họ thường xuống quây rối các đường giao thông gây cho Pathet Lào nhiều khó khăn đáng kể. Hiện nay họ vẫn được các phi cơ vận tải Hoa-Kỳ tiếp tế lương thực đạn dược, nên họ cũng được võ trang khá đầy đủ. Tuy họ không trực thuộc lực lượng phe hữu, nhưng được các sĩ quan Mỹ huấn luyện và chỉ huy, lại có tinh thần chiến đấu dẻo dai và bền bỉ nên cũng đã gây khó khăn không nhỏ cho Lào cộng và Việt cộng trên con đường tiếp tế ra ngoài tuyến tiền của họ.

Đó là sơ lược sự bố trí lực lượng của ba phe ở Lào. Ta thấy rõ lực lượng của Pathet Lào càng ngày càng lớn mạnh một cách đáng lo ngại, có thể nguy hại lớn cho hòa bình của Đông Dương và Đông Nam Á. Chỉ riêng họ thực sự kiểm soát dọc biên

thùy Lào Việt cũng đủ cho ta thấy rõ mối nguy cơ đó. Con đường Hồ-Chí-Minh sẽ được bảo vệ chắc chắn và Bắc-Việt dễ dàng đưa quân qua ngã đó vào giúp đỡ Việt-cộng ở Miền Nam, mưu toan xâm lược và cướp chính quyền ở phần đất này của thế giới tự do. Mặc dù Việt-Nam Cộng-Hòa đã có đầy đủ phương tiện đòi phỏ, nhưng việc kiểm soát của Pathet Lào ở bên kia biên giới Lào Việt cũng là một mối lo thường xuyên bên cạnh sườn Tây Bắc của chúng ta. Ấy là chưa kể việc Lào cộng và Việt cộng hiện nay đã thâm sang Thái - Lan ngầm hoạt động, gây chia rẽ giữa các dân tộc sống trên đất Thái, tiến tới làm yếu tiềm lực của nước này và hy vọng tách Thái-Lan ra khỏi hàng ngũ chống cộng.

Do những âm mưu xảo quyết của cộng sản đó, mà vấn đề Lào càng ngày càng trở nên quan trọng trên bàn cờ quốc tế. Cho tới nay ta vẫn thấy cả Nga lẫn Mỹ đều có thiện chí muốn duy trì và củng cố nền hòa bình và trung lập ở Ailao. Nhưng còn Trung-cộng? Nước này đang mâu thuẫn trầm trọng với Nga-Sô vì vấn đề chiến tranh và hoà bình. Nga-Sô muốn hòa bình và Trung lập ở Lào, thâm ý là muốn để ngăn chặn bước tiến của Trung Cộng xuống phía Nam. Còn Trung cộng thì lại muốn đẩy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng ở Đông Nam Á nói chung và ở Lào nói riêng vì họ cho rằng đó là phương tiện duy nhất để cho cộng sản có thể đoạt được chính quyền ở vùng này. Trung lập đòi với họ chỉ là một giai đoạn quá

độ rất ngắn để tiến tới cách mạng và cướp chính quyền trong cuộc tranh chấp ý thức hệ ngày nay giữa hai ông không lồ cộng sản, liệu Nga-Sô có thuyết phục nổi Trung Cộng không? Nếu Trung Cộng cứ nhất định đi theo đường của họ trong công cuộc xích hóa toàn thế miền Đông Nam Á, thì đó là một đe dọa trầm trọng không những cho nền độc lập của nước Lào mà còn cho cả nền an ninh của Viễn-Đông và hòa bình toàn thế giới nói chung. Vấn đề Lào không thể giải quyết trên bình diện quốc gia, liệu các cường quốc thuộc thế giới tự do có lợi dụng được mâu thuẫn Nga Hoa đang bệt khởi mạnh hơn lúc nào hết để chặn đứng âm mưu xâm lược của Trung Cộng ở Đông Dương và Đông Nam Á không? Có một điều mà ai

cũng phải nhận thấy rằng cơ hội này là một cơ hội rất tốt để cho thế giới tự do xoay lại thế cờ ở Á Đông. Nếu ở Âu châu, Anh Mỹ đã nhận cuộc hội đàm Nga-Sô Trung Cộng thất bại để tiến tới một hội nghị ngưng thử vũ khí nguyên tử thì ở Viễn-Đông, các nước đồng minh chắc cũng lợi dụng mâu thuẫn đó để ngăn chặn âm mưu hiệu chiến của Trung Cộng. Không được Nga-Sô hưởng ứng chắc, Bắc-Kinh không dám mạo hiểm tiến xa hơn xuống vùng Đông Nam Á, mặc dầu ở đây Trung Cộng đã châm sẵn những ngòi lửa chiến tranh. Trước sự nứt rạn của khối cộng đó, liệu Tây phương có những hành động gì làm cho tình hình Đông Nam Á sáng sủa thêm không?

VIỆT-ANH



- Đừng có đánh giá trị hột tiêu theo cái vóc nhỏ thó của nó; hãy ném nó đi, rồi bạn sẽ cảm thấy nó cay chùng nào.

Tục ngữ Á-Rập

MỘT CUỐN SÁCH CẦN THIẾT CHO CÁC EM
THI BẰNG TIÊU-HỌC VÀ THI VÀO ĐỆ-THẤT

TOÁT YẾU CÁC MÔN HỌC LỚP NHẤT

của **Ô. TRẦN-VĂN-THUẬN**
Hiệu trưởng trường
Bình-Thới — Phú-Thọ

● TOÁT YẾU CÁC MÔN: công dân, giáo dục, đức dục, việt sử, địa lý, cách trí, vệ sinh.

● BÀI HỌC sáng sủa, dễ học, soạn theo những tài liệu mới mẻ nhất, đúng với chương trình hiện hành của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

GIÁ : 35 \$

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BANG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG - SAIGON

LỊCH - SỬ TRIẾT-LÝ ZEN Ở ẤN-ĐỘ

TRONG bài trước chúng ta đã thấy : Zen là một hệ-thống tư-tưởng, một triết-học và cũng là một tôn-phái Phật-giáo phát-xuất từ Ấn-Độ, rồi được truyền-bá phát-triển ở các nước Á-Châu như Trung-Hoa, Việt-Nam, Nhật-Bản v.v... Vậy lý-do phát-xuất, lịch-trình tiến-triển, ảnh-hưởng của Zen đối với Phật-giáo lúc còn ở Ấn-Độ như thế nào ? — Đó là những vấn-đề mà chúng ta cần phải đề-cập đến trong bài này.

Không nói chắc ai cũng biết rằng : Ấn-Độ là một xứ thuộc về nhiệt-đới, khí-hậu rất nóng-nực khó chịu. Vì sự nóng-nực ấy nên người ta rất khó-khăn mà tiếp tục làm lụng công-tác suốt ngày, nhất là ở những buổi trưa mùa Hè nóng-bức, và cũng vì thế nên phần đông dân-chúng Ấn-Độ thích nghỉ-ngơi, đi tìm những cây cao

bóng mát bên đồng ruộng, hoặc vào trong núi sâu để tránh cái mạnh-hỏa ác-liệt ấy.

Trong số người đi tránh nóng đó, gồm có những hạng người triết-sĩ và những kẻ tu hành theo đạo Bà-la-môn. Các hạng người này cũng như đại-đa-số quần chúng Ấn-Độ, họ đến ngồi dưới bóng cây hoặc trong rừng vắng, trước hết là để tránh nóng, nhưng về sau họ dần dần chế ra những cách-thức tế-tự thần linh, dạy về mọi người những phương-pháp tế-tự ấy ; rồi cũng từ đó, họ lần lượt đi sâu vào các vấn-đề siêu-nhiên, nghĩ ra các phương-thức triết-học, và xướng-lập lên các tôn-giáo với những hình-thức tổ-chức, phương-pháp tu-tập và nghi-lễ giáo-điều khác nhau.

Thật ra mà nói thì cách-thức ngồi ngay-thẳng trên những đám cỏ xanh, dưới

những bóng cây cổ-thụ cao lớn, nhánh lá sum-sê mát-mẻ để nghỉ-ngơi, trầm-tư mặc-tưởng và để suy-nghi quan-sát chân-lý, thật là một phương-pháp hợp-lý hữu-ích ; đó là chưa kể đến vấn-đề xa-lánh được trần-gian phức-tạp, tránh khỏi cái nóng-nực khó chịu của trời đất đem lại sự thanh-thản mát-dịu trong lòng. Phương-pháp ngồi tĩnh-tọa dưới gốc cây cổ-thụ hoặc trong rừng sâu mát-mẻ này, dần dần được cải-cách biến đổi thành ra phương-pháp Tọa-thiền (Zazen).

Theo thuyết lý của đạo Bà La-Môn thì người ta cho rằng : mọi sự mọi vật trong trời đất này đều phát-sanh từ một vị Thần tối-cao duy-nhất mà họ mệnh-danh là Brahman (Phạn). Nếu muốn thể-nhập vào thể-tánh của vị Thần này thì điều-kiện cần-thiết là phải ngồi tĩnh-tọa để trầm-tư mặc-tưởng, tư-duy chân-lý.

Từ nơi thuyết-lý này, về sau trong triết-học An-Độ lại có chia thành 6 phái với những khuynh-hướng tư-tưởng khác nhau. 6 phái Triết-học ấy là : 1) Mimamsa (Di-mạn-sa), 2) Vedanta (Phệ-đàn-đa), 3) Vaisesika (Thắng-luận), 4) Nyaya (Chánh-lý), 5) Samkhya (Số-luận), 6) Yoga (Du-Già). 6 phái Triết-học này là những hệ-thống tư-tưởng thuần-túy của Ấn-Độ, nên người ta thường gọi là « Ấn-Độ Lục-phái Triết học » :

Trong 6 phái Triết-học kể trên, có phái Yoga là thường nhấn-mạnh và khuyến-khích mọi người tu-tập theo phương-pháp tĩnh-tọa, trầm-tư mặc-tưởng, tức là phương-pháp Tọa thiền. Cách thức Tọa-thiền Zen của phái Yoga này có nhiều điểm gần giống với phương-pháp Zen của Phật-giáo, nên người ta suy luận rằng :

có lẽ phương pháp Zen của Phật-giáo cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều của phương pháp Yoga. Dù thế nhưng nếu so sánh thì chúng ta thấy : Zen của Phật-giáo tiến bộ hơn Zen của phái Yoga nhiều, kể cả hình thức và nội dung. Hơn nữa, về ý nghĩa, mục đích, cũng như phương pháp đều được cải thiện, phong phú, cao vượt hơn nhiều. Người đã xướng đạo lên công việc cải thiện ấy là đấng : Phật Thích-Ca, cho nên Ngài được xem là vị tổ của Zen Phật-giáo.

Đức Phật Thích-Ca tên thật của Ngài là Siddhatha (Tất-Đạt-Đa), con của vua Suddhodana (Tịnh-Phạn-Vương), ở thành Kapila (Ca-Tỳ La). Trước khi đi xuất gia tu đạo, Ngài có một người vợ là Bà Yasodhara (Gia-Du-Đà La) và có một người con là Rahula (La-Hầu-La). Dù là một Hoàng Thái-tử, hằng ngày sống trong cung điện, đầy cả nhung lụa, vàng bạc, châu báu, danh vọng, nhưng Ngài vẫn luôn luôn bất mãn và suy tư, vì cảm thấy mọi sự mọi vật trong đời này là vô thường thống khổ. Ngài muốn tìm một con đường giải thoát mình và người ra khỏi những vô thường thống khổ ấy, vì thế lúc 29 tuổi, đơn thân độc mã, Ngài vượt thành đi xuất gia tìm đạo giải thoát.

Sau khi đi xuất gia, Ngài tìm đến núi Rajagaha, kề cận với kinh thành của nước Magadha. Ở đó, Ngài gặp được 2 vị đạo sĩ danh tiếng là ông Alara Kalama và ông Uddaka Ramaputta. Hai vị đạo sĩ này thường tu tập theo phương pháp Tọa-thiền, trầm tư mặc tưởng để cầu sau khi chết được sanh lên các cõi Trời, hưởng thọ mọi điều sung sướng hạnh phúc.

Trải qua 6 năm, đức Phật Thích-Ca đã chuyên tinh thực hành theo phương pháp Tọa thiền của 2 vị đạo sĩ ấy, không bao giờ giải đãi thời khuấy. Nhưng về sau Ngài tự nghĩ : Ta đi xuất gia tu hành là để tìm một con đường giải thoát cho nhân loại chúng sanh thoát ly ra ngoài vòng luân hồi khổ thống, chứ không phải đi tìm hạnh phúc cho cá nhân mình ở đời sau. Vì thế dù có tiếp tục tu hành theo phương pháp của 2 vị đạo sĩ này, kể cả hướng pháp khổ hạnh, đầy đọa xác thân cũng chỉ vô ích mà thôi. Do đó Ngài rời bỏ họ mà ra đi để tìm một con đường khác.

Một mình lang thang từ núi này qua núi khác để tìm các vị danh sư, nhưng những vị danh sư này cũng chẳng khác gì với 2 vị trước, làm cho Ngài chán nản vô cùng. Đường đi của Ngài không định hướng ; phương pháp tu tập của Ngài chưa tìm ra. Tuy vậy, Ngài vẫn cảm nhận một cách chắc chắn rằng : lối tu hành khổ hạnh, đầy đọa xác thân, cũng như lối tu Thiền để cầu sanh thiên sau khi chết, chẳng có ích lợi gì cho mục đích giác ngộ giải thoát cả.

Đã không thể tìm Thầy học đạo, hướng ngoại tìm cầu thì phải tìm chính trong mình vậy. Vì trực-nhận như thế, nên Ngài liền vội vàng đến rừng Gaya, ngồi dưới gốc cây Bodhi (Bồ-Đề) cao mát để tĩnh tọa, bắt đầu một cuộc trầm tư mặc tưởng, hướng nội tìm cầu. Trong khoảng thời gian tĩnh tọa, tu thiền nhập định ấy, các Ma vương dục vọng thường đến quấy nhiễu phá phách Ngài, nhưng Ngài vẫn điềm nhiên bất động, không hề thay đổi trạng thái.

Đến khuya ngày 8 tháng 12, trong khi đang tọa thiền nhập định, trầm tư mặc tưởng như thế, thì đột nhiên lòng trở nên nhẹ nhàng êm tịnh, tinh thần thanh thoát tinh vi hơn xưa, Ngài mở mắt ra nhìn vũ trụ và thấy một ngôi sao mai sáng tỏa trên không trung. Trong giây phút ấy Ngài giác ngộ trí tuệ vượt hiện ánh hào quang chiếu sáng khắp nơi. Ngài đã đắc đạo và trở thành một đức Phật, đầy đủ cả từ bi, trí huệ, hùng lực và giải thoát.

Sau khi đức Phật đã thành tựu quả vị Phật đà, Ngài lấy hiệu là Thích-Ca Mưu-Ni. Và từ đó, Ngài thường đem những chỗ giác ngộ của mình giáo hóa cho mọi người cũng đồng giác ngộ như thế. Trong khi thuyết pháp giáo hóa, Ngài thường khuyên các hàng đệ tử hãy tinh tấn tu tập theo phương pháp Zen để đoạn trừ các vọng niệm phiền não, thể nhập vào tự tánh thanh tịnh tâm, tức là Phật tánh của mình.

Dựa vào các đoạn lịch sử trên chúng ta thấy rằng : đức Phật Thích-Ca sở dĩ được thành đạo chứng quả là vì Ngài đã thâm nhập Thiền định ở dưới gốc cây Bồ-Đề. Cũng vì thế nên người đời thường quan niệm : Đạo Phật là đạo phát xuất từ Thiền định. Ở Việt-Nam chúng ta cũng thế. Người ta thường gọi các vị Đại đức tu hành theo Phật-giáo là Thiền sư như Mãn-Giác Thiền sư, Vạn-Hạnh Thiền sư, Khuông-Việt Thiền sư v.v...

Cũng nên nhớ thêm rằng : Trước khi đức Phật Thích-Ca thành đạo, Ngài tu tập theo phương pháp Thiền định đã đành, đến sau khi thành đạo Ngài cũng luôn luôn tu tập Thiền định như thế. Vì thế tâm hồn của Ngài lúc nào cũng

bình-tĩnh, cử-động của Ngài bao giờ cũng khoan-thai điềm-đạm. Không những thế, đến lúc 80 tuổi, trước khi thị-tịch, Ngài cũng đã an-nhập vào một cảnh-giới Thuyền-định rất sâu-xa. Căn cứ vào đó chúng ta có thể nói: Cuộc đời đức Phật là hiện-thân của Thuyền-định; đạo-giáo của Ngài cũng là kết-tinh hòa-hợp bởi Thuyền-định. Người ta không thể nào tách rời đời Ngài, đạo Ngài ra khỏi Thuyền-định, tức là Zen được.

Thật thế, nhìn xem trong 3 tạng kinh-điển của Phật-giáo chúng ta thấy: không có một lời dạy nào của Phật, cũng như không có một kinh-sách nào không phát-xuất từ Zen (1). Đó là nói về giáo-lý, còn giáo-hạnh thì chúng ta thấy: không có một phương-pháp tu-hành nào của Phật giáo mà không xây-dựng trên tinh-thần căn-bản của Zen. Điều này không những chỉ có các hàng Phật-tử mới thấy rõ mà thôi. Đến như các nhà học-giả Âu-Mỹ cũng đã nhiều lần công-nhận như thế. Họ nói: Cũng như sự lễ-bái cầu-nguyện là cách-thức chính-yếu của các tôn-giáo khác, Zen là phương-pháp tu-tập căn-bản của Phật-giáo. (2)

Phật-Giáo sau khi đức Phật Thích-Ca nhập-diệt, trên hệ-thống tư-tưởng được thay-đổi biến-chuyển rất nhiều. Sở dĩ có sự thay-đổi biến-chuyển ấy, là vì mỗi vị đệ-tử Phật — Các vị Cao-Tăng Đại-Đức — phần nhiều đều tùy theo chỗ học-hiểu và chứng-ngộ của mình, mà lập lên những tôn-phái với những tư-tưởng-hệ khác nhau. Tuy vậy, tổng-quát mà nhìn thì những tư-tưởng-hệ ấy có thể gồm thâu trong 2 phái chính-thống là Hinayana và Mahayana. (3)

Phái Hinayana, tức là Tiểu-Thừa hay Nguyên-Thỉ Phật-Giáo thường đặc-biệt chú-trọng đến phương-pháp tu Thuyền. Vì theo chủ trương của phái này thì những người tu-hành hàng ngày thường xuyên tu-tập về Zen sẽ được gần-gũi với đạo-quả giải-thoát giác-ngộ hơn là những người chuyên-trì đọc-tụng kinh-

(1) Trong khi đức Phật thuyết-pháp, Ngài thường dùng hai cách Nhập-định thuyết pháp và Xuất-định thuyết-pháp. Nhập-định thuyết-pháp tức là chỉ cho những kinh-điển ghi chép lại lời thuyết-pháp của đức Phật trong khi Ngài còn ở trong định. Xuất-định thuyết-pháp là chỉ cho những kinh-điển ghi-chép lại lời thuyết-pháp của đức Phật sau khi Ngài đã xuất-định. Tất cả kinh-điển của Phật-giáo nếu không ở vào loại này thì cũng ở vào loại kia. Vì thế tất cả đều phát-xuất từ Định, từ Zen.

(2) They (Western observers) say that as prayer is the center of other religions, Zen is the base of religious life in Buddhism). Trích trong cuốn « Essence of Zen Buddhism and its historical development » của Bác sĩ R. Masunaga, Giáo-sư ở Viện Đại-Học Komazawa, Tokyo.

(3) Hinayana dịch là Tiểu thừa, Mahayana dịch là Đại thừa. Ngoài danh từ Tiểu thừa và Đại thừa ra, thông thường trong các kinh sách cũng gọi là Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ, hoặc Bảo thủ phái và canh tân phái. Hiện tại Phật giáo ở các nước Ấn-Độ, Tích-Lan, Miến-Điện, Thái-Lan, Lào, Cao-Miên là đại diện cho phái Tiểu thừa. Phật giáo ở các nước Trung-Hoa, Nhật-Bản, Triều-Tiên, Việt Nam v.v..., là đại diện cho phái Đại thừa. Về hình thức thì chúng ta thấy: Những vị tăng già của phái Tiểu thừa Phật giáo thường đắp y vàng, đi khất thực, chuyên tịnh tu niệm; còn những vị tăng già của phái Đại thừa Phật giáo thì thường mặc áo trắng bằng màu đen, đỏ, lam, không đi khất thực mà chỉ tu học ở trong chùa và thường đi giáo hòa chúng sanh, tham gia vào mọi công tác xã hội. Câu « Hòa quang đồng trần » là đề chỉ cho hạnh nguyện của các vị tu hành theo Đại-thừa Phật-giáo.

điển. Những người tu-tập Zen sẽ giữ được tính- bất truyền thống của đức Phật và sẽ được sự tôn-kính cúng-dường của mọi người. Phương pháp tu-tập Zen này rất được các giới Phật-tử yêu-chuộng, và vì thế cũng được truyền-bá sâu rộng ở các Quốc-gia theo với hệ-thống Tiểu-thừa Phật-Giáo.

Đến như phái Mahayana, tức là Đại-Thừa Phật-Giáo cũng có một sự chuyên-trọng về phương-pháp tu Thuyền như thế. Theo quan-niệm của Đại-Thừa thì 3 tạng kinh-điển của Phật-Giáo được xem là những tài-liệu văn-hóa, những thể-nghiệm của cuộc đời đức Phật. Vì thế 3 tạng kinh-điển cũng không có gì khác hơn là phương-pháp tu Thuyền, hay nói một cách khác là được phát-xuất từ Thuyền-định. Đây là một điểm giao-nối, một sự đồng-nhất trên quan-niệm giữa Tiểu-thừa và Đại-thừa vậy.

Có một sự thật mà ai cũng phải thừa nhận rằng : dù là Tiểu Thừa hay Đại-Thừa, nhưng tất cả kinh điển đều là ghi chép lại những lời thuyết pháp của Đức Phật trong khi đang còn tọa thiền (in meditation), hoặc liền sau khi đã xuất Thiền (immediately after meditation stem). Cũng bởi lẽ đó nên trong đoạn chú giải trên chúng ta đã thấy : cách thức thuyết pháp của đức Phật có chia làm hai là Nhập định thuyết pháp và Xuất định thuyết pháp.

Ở đây chúng tôi xin đưa ra vài thí dụ để chứng minh cho sự thật này. Thí dụ như kinh Prajnaparamita sutra là phát xuất từ định Raja samadhi (Đại định hoặc là Vương định), kinh Saddharmapundarika sutra là phát xuất từ định Vô-lượng-ngĩa (Unlimited meaning samadhi), kinh Gandavyuha sutra là phát xuất từ định Hải-Ấn tam muội (Ocean imprint samadhi), kinh Mahaparinirvana sutra là phát xuất từ định Bất động tam muội (Immovable samadhi) v v...

Cho biết rằng : tất cả kinh điển của Phật giáo đều phát xuất từ đại định của đức Phật. Vì lẽ ấy Tiểu thừa cũng như Đại thừa Phật giáo, tất cả đều rất chú trọng đến phương pháp tu tập Zen. Tuy nhiên, trong phương-pháp tu-tập Zen của Đại-thừa về sau cũng có chia thành 2 hệ thống là Đại-thừa Zen (Mahayanameditation) và Bồ-tát Zen (Bodhisattva meditation). Công việc phân-chia Zen thành 2 hệ-thống này là yếu-tố làm cho Zen thêm dôi-dào phong phú về nội-dung và hình-thức, và cũng là lý-do làm cho Zen được phát-triển phổ biến ở Trung-Hoa mà chúng ta sẽ có dịp nghiên cứu đến trong bài tiếp theo đây.

ĐOÀN-VĂN-AN

Kỳ tới : *Lịch-sử Triết-lý Zen ở Trung-Hoa.*

★ Ta có thể chữa lành vết thương do lưỡi kiếm gây nên, nhưng ta không thể chữa lành vết thương do lưỡi con người gây phải.

Tục ngữ Trung- oa

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : v.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

Nói chuyện sử với ông Phạm-Văn-Sơn

(xin xem Bách-Khoa từ số 157)

Khi dẫn thuyết của Arousseau ra để làm nền tảng mà dựa lên, Ông Phạm-Văn-Sơn viết: « Ngày nay căn-cứ vào thuyết của Léonard Arousseau, người ta gần như quyết-định rằng người Việt-Nam bấy giờ tức là người Lạc-Việt thừa xưa sinh tụ ở Nam-Bộ Trung-Quốc sau này trôi dạt xuống lưu-vực sông Nhị, sông Mã.» (1, Trang 528). Chữ « bấy » trong bài chắc là do in nhầm, vì « bây giờ » thì ở đây mới có nghĩa. Nhưng các chữ chúng tôi viết nghiêng ở đây, chắc phải do người viết cố ý dựa trên sự thực để viết nên. Những chữ đó diễn tả một thái độ mà chúng tôi không tin là đúng, là có thực. Nói thế khác, ông Phạm-Văn-Sơn đã khẳng định một điều cũng rất là táo bạo. Và chúng tôi dẫn chứng.

Để thấy lời ông Phạm-Văn-Sơn là không có căn bản, chúng tôi dẫn ra đây bài « Tiến trình hình thành của dân-tộc Việt-Nam », của Linh-mục Nguyễn-

Phương, đăng trên tạp chí Đại-Học, số 32 tháng 4 năm 1963 làm một bằng chứng; mặc dầu có nhiều điểm chúng tôi không đồng ý với tác giả bài này. Nhưng vậy cũng chưa hết. Trước đây rất lâu, cũng đã có người bác thuyết của Arousseau và người này không xa lạ gì đối với giới học khảo sử. Khi đọc bài « Le Tonkin ancien » của Madrolle đăng trên Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, số XXXVII, để dẫn thuyết của ông ta, chắc hẳn ông Phạm-Văn-Sơn có thấy Madrolle chê thuyết của Arousseau là không có tinh thần khoa học và Madrolle bác thuyết của Arousseau ở nhiều điểm.

Đưa ra hai trường hợp trên đây, chúng tôi chỉ muốn nói rằng không phải là « người ta gần như quyết-định » giống như ông Phạm-Văn-Sơn cả, nghĩa là không phải ngày nay mọi người đều chỉ bằng lòng với thuyết của Arousseau như

ông. Đồng thời chúng tôi cũng làm chứng rằng rất khó để nói rằng một ức thuyết đã được coi như là « quyết-định », và càng khó hơn nữa, khi bảo rằng mọi người quyết-định, như mạch văn của ông Phạm-Văn-Sơn cho chúng ta hiểu.

Không những thế, khi đọc bài của chúng tôi trong hai số Bách-Khoa đã nói trên, để cùng chúng tôi thương xác, chắc ông Phạm-Văn-Sơn cũng đồng ý rằng chúng tôi đã đứng về phía những người không tán thành thuyết của Arousseau; vậy ít ra trên giấy trắng mực đen đã có ba người không quyết-định như ông nghĩ, và ngần ấy thiết tưởng cũng đủ làm cho câu văn khẳng định của ông viết mất hết sự xác thực.

Chúng tôi không theo Arousseau, vì trong thuyết của ông chúng tôi nhận ra có nhiều điểm khác với những dữ kiện lịch sử mà chúng tôi có được, lại cũng không giải đáp được những vấn nạn mà một số người khác đã nêu lên. Chúng tôi chưa tin, hoặc không tin các thuyết khác cũng vì những lý do gần tương tự. Ở điểm này chúng tôi triệt để áp dụng việc dẹp bỏ óc thoái bại và tự ti mặc cảm, để khỏi bị mù quáng đề cao một cách quá đáng người trước, đến nỗi không dám chỉ ra những sai lầm của họ và, cuối cùng mình lại rơi vào những cái người đi trước đã sai lầm. Cho nên, chúng tôi vẫn chủ trương, dù tự mình chưa tìm ra được một câu trả lời nào khả dĩ thỏa đáng trong việc xác định nguồn gốc dân tộc Việt-Nam, chúng tôi vẫn hoài nghi những thuyết đã có, và vẫn không nhìn nhận một vài thuyết, tất nhiên có lý do, và quyền

không tin hợp lý ấy, chúng tôi thiết tưởng mọi người đều có.

Vẫn chưa hết sai lầm. Đọc bài « Gia đình Bách-Việt trên lịch sử Việt-Nam », từ đầu cho đến trang 528 chắc đọc giả cũng nhận thấy như chúng tôi là : ông Phạm-Văn-Sơn cho rằng : người Man-di (theo ông thì danh từ này cũng có thể hiểu như là Giao-chỉ, Lạc Việt, Bách-Việt, Việt-Nam được) không phải thuộc giống người Hán (Trung-Hoa chính tông) và, ông quả quyết rằng : người Việt-Nam ngày nay là thuộc giống Indonésiens có pha lẫn với Mông-Cổ. Vậy mà, đến cuối trang 528, ông lại viết một đoạn văn, nó có công dụng là phá đổ lập trường ông, hạ giá luận lý của ông và làm ông tự mâu thuẫn với mình. Ông viết :

« Nhưng giản-dị hơn, nếu ngày nay ta so sánh người Tàu và các giống người Anh-Đô-Nê với người Việt-Nam ta ngày nay ở Đông-Nam Á-Châu, dầu người có sắc da trắng hay đen, già hay trẻ, trai hay gái, người Việt-Nam ngày nay vẫn có hình thái giống người Tàu hơn người Anh-Đô-Nê. » (1, trang 528).

Đem mổ xẻ đoạn văn trên, chúng tôi thấy nội dung có thể hiểu là : so người Tàu và người Indonésiens với người Việt-Nam ngày nay, thì dù sao đi nữa, người Việt-Nam cũng vẫn giống người Tàu hơn, về hình thái, chứ không phải giống người Indonésiens. Nhưng như vậy có phải là câu kết luận đúng ý người viết không ? nhất định là không. Chủ đích của người Việt chắc không phải vậy, nghĩa là không bảo rằng một thứ dân có gốc ở chỗ này mà lại đi giống

một thứ khác gốc, hơn là mang những tính chất của gốc tổ của mình. Và chắc người viết cũng không dụng tâm so sánh để xem giữa người Việt-Nam và người Indonésiens, ai giống với người Tàu hơn, vì như thế lại càng thêm vô lý.

Thật khó để hiểu rằng kết luận, cũng như lập trường của ông Phạm-Văn-Sơn là như thế nào. Ông đã tận tâm cố sức minh chứng người Việt-Nam ngày nay là thuộc giống Indonésiens, chứ không thuộc giống nào khác; thế rồi, chưa đợi xem có ai chống lại không, dùng một cái, chính ông đứng ra đập đổ công trình của mình, ông gạt phắt tất cả đi để hạ bút viết đoạn văn so sánh trên kia vừa dẫn. Nghĩa là thỉnh lĩnh ông phủ nhận ngay lời nói của ông.

Theo thiên ý của chúng tôi vấn đề hình thái cũng rất quan-trọng, vì giống nghĩa là gì? nhất định phải có nhiều yếu tố, mà trong các yếu tố để giống chúng tôi tưởng rằng yếu tố hình thái phải đứng đầu vì lẽ « Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh ». Tại sao người Việt-Nam thuộc giống Indonésiens, như ông Phạm-Văn-Sơn nói, mà lại không giống gốc tổ mình bằng giống người Tàu? Cho rằng có một sự pha trộn sâu đậm giữa hai giống Hoa-Việt đi nữa, thì giống pha cũng khó lẫn mất hẳn gốc. Đây chính là một sai lầm do cách lập luận và luận lý thủy chung phản lại nhau của ông Phạm-Văn-Sơn, và do sự mâu thuẫn này, chúng ta khó để có thể nói dứt khoát rằng bây giờ lập trường của ông là như thế nào. Vậy, bây giờ theo lối luận lý và theo nguồn tư tưởng đó của ông, chúng tôi, những người Việt-Nam ngày nay, sẽ có

nguồn gốc nào, con thuyền nguồn gốc Việt-Nam ông sẽ cho đậu vào bến nào, Indonésiens hay Trung-Hoa? Chúng tôi chỉ mới tìm hiểu lập trường của ông Phạm-Văn-Sơn mà thôi, chứ chưa hề đề nghị ra một ức thuyết nào, vậy mà xem ra cũng đã có lắm điều rắc rối.

Một điểm nữa, tưởng cũng nên nhắc lại ở đây, đây là danh từ Âu-Lạc, mà thói quen vẫn cho là để chỉ vào vùng đất Bắc-Việt ngày nay. Tên này được nhắc đến khá nhiều, và không nhất định gọi như nhau, mỗi sách nói một tên, làm như đây là tên của nhiều vùng đất vậy. Sau đây là vài thí dụ :

— *Hoài nam tử* nói đến một vùng có tên là « Tây Âu » (không có chữ Lạc), vùng đó có dân gọi là Việt, có vua tên Dịch-Hu-Tống.

— *Quảng-châu ký* lại nói đến một vùng « Âu-Lạc » (không có chữ Tây) tức vùng đất thuộc An Dương-Vương.

— *Sử ký* nhắc đến vùng « Tây Âu Lạc » (một nước dân có thói quen ở trường), khi sách này nhắc lại lời phân trần của Triệu-Đà gửi cho Hán đế.

— *Tiền Hán thư* lại giống *Hoài nam tử*, khi nói đến vùng « Tây Âu » (không có chữ Lạc) và, cũng là vùng dân có thói quen ở trường.

— Sách *sử cũ* chúng ta thì nói nhiều đến Âu-Lạc, vùng này được coi là một quốc gia, có vua là An-Dương-Vương và chính là đất cổ Việt.

Do những điều dẫn ra đây, thật khó để kết luận rằng tất cả các tiếng ấy, đều dùng để chỉ vào một vị trí nào nhất định

trong không gian. Càng khó hơn nữa, nếu quả quyết rằng đây chính là vùng Bắc Việt ngày nay. Theo thiên ý của chúng tôi chữ Tây Âu hay Tây Âu-Lạc ngụ ý chỉ vào một thứ dân Âu, hay Âu-Lạc, dân này ở về phía tây của một địa điểm nào đó, như phía tây của nơi Triệu-Đà chiếm cứ chẳng hạn. Và dân này thuộc về Triệu-Đà, khi ông ta biệt lập ở miền nam Ngũ-Linh. Cũng như khi người ta nói đến Đông Việt, thì ngụ ý chỉ giống người Việt ở phía đông vậy, hay Bắc Địch cũng thế, nghĩa là cũng một ý nghĩa tương tự. Chữ Tây trong *Hoài nam tử*, trong *Sử ký*, và *Tiền Hán thư* phải có một ý nghĩa chứ? Và ý nghĩa ấy ắt không ngoài việc chỉ một phương trong bốn phương. Quả quyết rằng Âu-Lạc chính là đất Bắc Việt ngày nay, chúng tôi thiết tưởng không thể là một khẳng định hợp lý. Vấn đề Âu-Lạc và Thục-Vương, nếu chúng ta không quên thì đã được nhiều người trước nhắc đến rồi, vả vẫn chưa ngã ngũ ra sao cả, cho nên giá trị chỉ về vị trí trong không gian của chữ Âu-Lạc thật là tương đối, mọi lời nói quả quyết thực ra chỉ nằm trong giá trị của một lời ước đoán mà thôi.

Về chữ « Việt » cũng vậy. Khi đọc vào các bản văn viết bằng Hán tự, chúng ta sẽ thấy có hai chữ « Việt » được dùng, chữ thường dùng nhất là chữ « Việt » có nghĩa là vượt qua, chữ kia là chỉ vào vùng đất Lương-Quảng, hoặc cũng hiểu như một trợ từ, thì ít được dùng hơn. Sự kiện đó chứng rằng chữ « Việt » không mang một ý nghĩa như ông Phạm-Văn-Sơn đã gán cho. Chúng tôi cũng không thấy có bằng chứng nào để có thể kết luận với ông ở điểm: chính

người Việt Nam chúng ta đã đặt ra chữ « Việt », chứ không phải do người Trung-Hoa. Tuy thế, chúng tôi thấy kiến giải cho chữ « Việt » là ngụ ý vượt qua, vượt sông, hay bên kia sông chẳng hạn, có lý hơn. Chữ Việt này được sử cũ của chúng ta dùng đến nhiều, và như thế chữ ấy sẽ không chỉ vào một dân Việt nào nhất định, mà chỉ vào những dân cư ngụ bên kia sông Dương Tử, Bắc-Việt chẳng hạn, là những giống người Việt bên kia bờ Dương-Tử giang đối với người Tàu. Nhận chữ « Việt » nào đi nữa, chúng tôi cũng không thấy nó mang ý nghĩa có tính cách thân thiết, gần như là thiêng liêng đối với dân tộc như ông Phạm-Văn-Sơn đề nghị.

Chúng tôi, đã hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp trả lời ông Phạm-Văn-Sơn về những điều ông hỏi, và hẳn ông nhận thấy là một phần nào đã tỏ ra thỏa đáng. Tuy nhiên chúng tôi cũng cần phải nói thêm đôi điều, trước khi bước sang cùng luận lý với ông về vài điểm trong phần thứ hai.

Sự hoàn toàn phủ nhận các tìm tòi, các công trình khảo cứu của những người đi trước chúng tôi, như ông Phạm-Văn-Sơn gán cho, là một điều chúng tôi chưa hề làm. Chẳng hạn trong việc nói rằng ở đất Việt-Nam bây giờ, xưa kia đã có các giống người như Mélanésiens, Indonésiens, Mông-Cổ, Lạc-Việt v.v... cư ngụ, chúng tôi cũng nhận như vậy, và phần đầu của bài này đã nói lên rằng chúng tôi không phủ nhận gì cả. Với các sách sử của Trung-Hoa có ghi chép về Giao-chỉ, về Lạc-Việt, điểm nào có nghi ngờ thì chúng tôi xét lại, khi thấy cần thiết, ngoài ra chúng tôi lại còn nhờ vào những

sách đó để đối chiếu mà tìm ra những sai lạc trong sử cũ của chúng ta nữa là khác. Như thế chúng tôi chứng tỏ chúng tôi không hề nói những gì người Trung-Hoa ghi chép trong sách của họ, về những điều nói đó đều sai lạc. Các cách giải thích về cổ vật, về các di tích của những giống người đã sống trên đất cổ Việt, chúng tôi cũng không bảo rằng sai, nghĩa là chúng tôi không hề chối bỏ những gì người trước đã để lại khi họ nghiên cứu về dân Lạc-Việt, hay là chủ nhân của các di tích và cổ vật.

Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa ông Phạm-Văn-Sơn và chúng tôi, và cũng chính do đây mà ông Phạm-Văn-Sơn đã vội vàng kết luận rằng chúng tôi đã bác bỏ hết các công trình, cũng như các thuyết của những người trước, đây là chúng tôi đã không tìm được liên lạc gì rõ rệt giữa các thứ người đã nói đến trên kia, nói cách khác, giữa các giống người đã từng cư ngụ trên đất cổ Việt thời xưa, tức chủ nhân các cổ vật mà người ta đã tìm thấy, với người Việt-Nam ngày nay.

Chúng tôi đã để ý đến những nghi lễ có tính cách tôn giáo, mà chúng ta biết được qua những hình vẽ trên cổ vật, hay những tục lệ như tục trọng trống đồng của dân Lạc-Việt thời xưa, nhưng chúng tôi không tìm thấy dấu vết gì chứng tỏ rằng người Việt-Nam ngày nay, có những nghi lễ với tính cách tôn giáo, hoặc như lễ Tiwah, hay tục trọng trống đồng như nơi dân sống trên đất cổ Việt thời xưa. Do đó, chúng tôi không thể theo những người trước trong việc quả quyết về vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt-Nam như họ. Chúng tôi không tán thành cho rằng người

Việt-Nam đã có một nguồn gốc xa xôi như thế, và chủ trương rằng người Việt-Nam mới hơn, gần hơn, nghĩa là không do những giống người đã sống trên đất này từ thời tiền sử mà thành nên.

Một sự tình cờ đã khiến chúng tôi nhận và đồng ý với ông Phạm-Văn-Sơn, mà chúng tôi chắc chắn là do sự vô tình, hoặc là do luận lý sai, nên ông đã nêu ý kiến mà chúng tôi nói đồng ý đó lên; đây là sự giống nhau về hình thái (và nhiều điều khác nữa, như phong tục, lễ nghi...) giữa người Việt - Nam ngày nay với người Trung-Hoa. Thực vậy, người Việt-Nam không giống dân nào về những điểm ấy cho bằng giống người Trung-Hoa. Sự giống nhau như vậy, hẳn là có lý do và, đến đây chắc ông Phạm-Văn-Sơn không còn thắc mắc tại sao chúng tôi chủ trương khác ông, nghĩa là không chịu cho đất Lương-Quảng là của người Việt-Nam, mặc dù chúng tôi biết ngày trước đất ấy đã có thuộc về một giống Việt.

Lịch sử cho biết đất Lương-Quảng là nơi, trước kia, có giống man di cư trú và đến đời Tần-Thủy hoàng, rồi khi Triệu-Đà xưng đế, cho mãi đến sau này, khi đất ấy trở thành thuộc quyền người Trung-Hoa, nó vẫn chưa bao giờ trở thành đất của người Việt - Nam, trên phương diện nào cũng thế. Tính chất đặc Trưng-Hoa của Triệu-Đà hẳn không có gì đáng cho chúng ta nghi ngờ, cũng như chủ quyền người Trung-Hoa trên mảnh đất Lương-Quảng vậy. Điều này còn rất hợp với những lý lẽ của ông Phạm-Văn-Sơn về cái lý mạnh được yếu thua. Cũng nên nói thêm ở đây rằng: ch

dù người Việt - Nam có là một trong Bách-Việt, và đã từ Phúc-Kiến, Triết-Giang mà đến vùng Bắc-Việt bây giờ, thì đất tổ chúng ta cũng ở tận hai tỉnh ấy, tại sao ta lại chỉ đòi có đất Lương-Quảng? Các sử gia trước đã không biết như vậy chăng?

Dựa vào sự đòi hỏi: người Việt Nam bây giờ cần phải đòi lại đất Lương-Quảng, chúng tôi thử làm chút suy luận như sau. Vì đất Lương - Quảng là của người Việt (trong Bách - Việt), người Việt-Nam chúng ta là một thỉ Việt (trong Bách-Việt), vậy thì bất cứ đất ấy là của Việt nào, cũng là của chúng ta, và chúng ta cần lấy lại. Rồi sau đây, bất cứ đất nào khác ngoài ra mà có giống Việt ở ngày trước, người Việt-Nam chúng ta ngày nay cũng có quyền đòi lại cho chúng ta. Đi xa hơn chút nữa, vấn luận lý theo chiều hướng đó, người Hoa-Kỳ, người Anh, người Úc chẳng hạn, vì có cùng một nguồn gốc, như thế người Úc và người Hoa-Kỳ cũng nên đòi lấy đảo Anh. Rồi các dân vốn có cùng một gốc trên thế giới, đều dựa vào cùng một lý ấy để đòi đất cả, chắc là như thế đối với ông Phạm-Văn-Sơn cũng đều là hợp lẽ và nên làm cả hay sao?

Lập trường của chúng tôi sở dĩ ngược lại với ông Phạm-Văn-Sơn, nguyên do chỉ là ở vấn-đề nhìn nhận nguồn-gốc dân tộc Việt-Nam không giống nhau. Cho nên bàn dài dòng về điểm đó cũng không đi đến đâu. Tất nhiên ông Phạm-Văn-Sơn không buộc chúng tôi nhìn nhận như ông đã nhìn nhận, về phía chúng tôi cũng thế. Sự chấp nhận hay không sẽ tùy ở mỗi người, và tùy ở những bằng chứng làm cho một thuyết

nào trở thành đúng với sự thực, và, mọi người, trên phương-diện khoa học đều có thể nói lên sự hiểu biết của mình, phơi bày ra những tìm tòi của mình, thái độ ấy có ích nhiều cho mọi người, dù công trình của mình đáng giá nhiều hay ít, được người khác khen hay chê cũng vậy. Lẽ dĩ nhiên sẽ được đông đảo người nghe theo và chú ý khi những điều ấy gần nhiều với sự thật, hay khi mình trình bày những sự thật, và bị chỉ trích về những chỗ sai lầm khi mình vương phải lỗi lầm, dầu vậy cũng không có hại gì. Giá trị của một điều được nêu lên trước dư luận là ở chỗ sai hay đúng, chứ không phải do ai là kẻ nêu điều ấy lên, và thái độ của người bình phẩm, chắc chắn nên là xây dựng, hơn là có tính cách khác.

Phần thứ hai mà chúng tôi đã chia theo nội dung của bài ông Phạm-Văn-Sơn, rồi nói đến ở đây, chỉ là một đoạn dùng lý-luận để bàn chuyện, chứ không ăn nhập gì vào mục-đích bài này. Chúng tôi nghĩ bỏ đi cũng không sao. Nhưng vì ít khi có dịp được trực-tiếp nói chuyện với ông Phạm-Văn-Sơn trên mặt báo như thế này, và cũng vì để tránh cho ông phải cùng chúng tôi thương-xác thêm một lần nữa, cho nên chúng tôi thêm vào bài những dòng sau đây, vì thà kéo dài thêm vài trang mà giải quyết xong được mọi vấn-đề thì vẫn hay hơn.

Chúng tôi bắt đầu phần thứ hai này bằng một nhận xét về lập luận của ông Phạm-Văn-Sơn, lối lập luận như thế này ở đầu chúng tôi đã có nói tới.

Đọc đoạn văn ở cuối trang 531 và sang đầu trang 532 (1), chúng ta được biết nhiều điều thật mới lạ. Mới lạ ở chỗ

nó đặt ngay lên những trang mà ông Phạm-Văn-Sơn đã viết trước, một nét mực xóa bỏ thật đậm.

Thoạt đầu, ông Phạm-Văn-Sơn cố đem thật nhiều bằng chứng để bảo cho được là : đất Lưỡng-Quảng thuộc về chúng ta mà trước kia đã bị mất về tay người Tàu, do đó ngày nay chúng ta có quyền đòi lại. Nhưng đến đây, ông lại đem lý lẽ mạnh và người liễu ra, để làm có đòi Lưỡng-Quảng. Nói như ông, thì cần gì phải hoài công đọc thuyết này thuyết khác, cần gì phải khảo sách Tàu, sách Tây cho bận trí, cũng không cần dẫn chứng những điều rắc rối về nhân chủng học, dân tộc học, khảo cổ học, ngôn ngữ học... vì đây là đã làm một việc phí công, mà kết quả vẫn không hơn gì lấy ngay cái lý lẽ mạnh. Thật thế, chúng ta chỉ cần vin vào một có độc nhất : đất trên địa cầu là của địa cầu, xưa hay nay cũng vậy, mạnh ai nấy chiếm, được thì giữ làm của mình, mất thì là của người. Và rồi chúng ta tha hồ đem quân đánh các nước khác, và mọi nước đều cũng làm như ta. Trong trường hợp đó, chúng tôi lấy làm tiếc rằng vua Quang-Trung đã không dự định đánh lấy hết nước Trung-Hoa, vượt đi xa hơn nữa, rồi cuối cùng biết đâu nước ta chẳng sang đến bờ Đại-tây-dương. Nếu ngài có dự định như thế, chắc hẳn ngày nay chúng ta còn lấy làm vinh dự hơn là chỉ định đánh có mảnh đất Lưỡng-Quảng.

Tuy nhiên chúng tôi thiên nghĩ rằng : người hiểu biết thì bất cứ khi nào cũng nên nghĩ đến điều nhân, điều nghĩa ; hành động ý mạnh, lấy thế cá lớn nuốt cá bé,

và những cử chỉ liễu lĩnh thì ít thấy ở họ, mà chỉ thường xảy ra nơi những kẻ không hiểu thế nào là lẽ phải trái và không thèm đếm xỉa gì đến giá trị của óc não mà thôi.

Nhưng chưa hết. Sau khi để thì giờ lý luận theo lối kẻ mạnh như vậy, ông lại viết chen vào giữa đoạn văn trên câu « Cái thù truyền kiếp mất đất về Bắc-phương,... », thực là đáng thương cho câu này khi phải đứng lạc lõng giữa một đoạn lý luận như trên đã nói. Cách thức luận lý như vậy của ông Phạm-Văn-Sơn chúng tôi tạm mệnh danh là lối luận lý « thủy chung bất nhất ».

Cách trình bày những sự kiện, cũng như lối luận lý của ông đã dẫn chúng tôi đến kết luận sau đây. Ông Phạm-Văn-Sơn tưởng như khi viết xong không hề đọc lại xem ông đã viết những gì, do đây có những sai lầm nghiêm trọng như đã nêu lên trước đây, mà ông chẳng hề hay biết gì cả, đây là mới nói đến những sai lầm ngay trong bài ông viết. Hoặc giả, lúc viết ông không chủ đích hẩn hoi, ông không biết mình đang làm gì, biết gì cứ nói hết theo dòng tư tưởng tuôn chảy, chẳng kịp soát lại xem luận lý như vậy, có thể kết luận theo ý đó được hay không ? Đây cũng là một lý do nữa, khiến chúng tôi phải nói lên câu : Lẽ ra chúng tôi không trả lời ông.

Chỉ trong có mười một trang giấy, mà ông đã phạm nhầm những lỗi lầm như vậy, thử hỏi nếu kéo dài hơn nữa, thì chúng tôi phải chịu đựng thêm biết bao nhiêu điều nát óc, và rồi chúng tôi phải đánh giá bài viết ấy như thế nào ?

Cả một đoạn dài ông Phạm-Văn-Sơn viết ở trang 532, chúng tôi thiết nghĩ, ai cũng trả lời được một cách không có gì khó khăn. Chỉ cần ông nêu lên những bằng chứng tỏ ra rằng: trong bất kỳ thịnh thời nào của một quốc gia, nhân dân của quốc gia đó cũng có thể bị người nước khác đến chiếm lãnh thổ của mình được cả. Chúng tôi không muốn nói nhiều về điểm này, vì như thế, chúng tôi sẽ phải nêu lên trước độc giả tất cả mọi yếu tố, mọi chi tiết của một nước như Trung-Hoa chẳng hạn, trong những lúc thịnh mà vẫn bị mất đất hoặc bị xâm chiếm bởi ngoại nhân, cũng như trong những lúc suy mà lại vẫn không mất tấc đất nào. Chúng ta muốn biết điều đó, thiết nghĩ nên đọc ngay sử sách Trung-Hoa. Chúng tôi chỉ cần nêu lên một điểm là, sự thắng bại của một quốc gia, của một dân tộc, tùy thuộc vào nhiều yếu tố, vào nhiều điều kiện. Nước Việt-Nam cũng có thể cung hiến cho nhiều điều để nhận xét về điểm này, trong lịch sử của dân tộc Việt-Nam. Cho nên không thể dựa trên một vài khía cạnh nào đó để vội vàng kết luận về một trường hợp thua, hơn nào, vì như thế chúng tôi e không tránh khỏi sự phiến diện.

Chúng tôi cũng không đồng ý với ông Phạm-Văn-Sơn về cái lý lẽ mạnh của ông, khi ông viết: « thà mang tiếng là thực-dân đế-quốc còn hơn là làm con giun, con dế trước sự khinh-khi của thiên-hạ. » (1 trang 533). Theo thiết nghĩ của chúng tôi thì đây là thái độ không phải của người khôn, mà là của kẻ liều lĩnh, háo danh, ít suy nghĩ hơn thiệt. Thái độ ấy chỉ có thể dùng cho một vài cá nhân, chứ không phải là thái độ chung ai cũng nên theo.

Thái độ như vậy là thái độ: được làm vua, thua làm giặc; chúng tôi thiết tưởng tư tưởng ấy ngày nay đã bị đào thải, vì nó chỉ nảy sinh khi người ta làm việc mà sắp thất bại; đây là lời an ủi của những kẻ gần cùng đường, chứ không phải của người anh hùng.

Chắc chắn khi hạ bút viết câu cuối cùng của bài « Gia-đình Bách-Việt trên lịch sử Việt-Nam », ông Phạm-Văn-Sơn muốn ngụ ý nhắc nhở chúng tôi dẹp bỏ óc thoái bại và tránh sự tự ti mặc cảm. Chúng tôi đã biết điều ấy, và những gì từ đầu bài này cho đến đây là chứng cứ tỏ rằng chúng tôi không nói sai. Tuy vậy chúng tôi thiết nghĩ, ông Phạm-Văn-Sơn là người nên suy nghĩ nhiều về lời khuyên của ông hơn ai hết. Nếu gạt bỏ được óc tự ti mặc cảm, thì ai cũng thấy Madrolle đã chê Aurousseau, và còn nhiều người nữa bài bác thuyết này, trái lại vì không dẹp bỏ được óc thoái bại và

• SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIAO ĐIỂM

Đã có bán :

● **SỨ MỆNH VĂN NGHỆ HIỆN**

ĐẠI tiểu luận của Albert Camus — Trần-Phong-Giao dịch — Nguyễn-Mạnh-Côn giới thiệu — Bán tới ngàn thứ Ba gần hết.

● **TRƯỜNG CA** thơ ngũ ngôn và lục bát của Lý-Minh.

● **HOA THIÊN LÝ** tập truyện tình cảm thời đại của Duyên-Anh.

không tránh được óc tự ti, cho nên vừa nghe đến tên của nhà bác học đã vội vã cúi đầu khâm phục, bởi thế cái sai của người sờ sờ ra đây mà mình lại kính cẩn ca tụng, không thềm suy xét.

Ông Phạm-Văn-Sơn đã gọi tên chúng tôi để hỏi, bài nói chuyện sử này là đáp lại lời đòi hỏi và ý định của ông muốn cùng chúng tôi thương xát. Chúng tôi đã phải nói khá dài dòng cho đầy đủ nhiều điều, chúng tôi nghĩ rằng như vậy là đủ, vì mỗi bên dựa lên trên một nền tảng, một gốc rễ khác nhau, thì dù có nói mấy lần cũng không ích gì hơn nữa.

Viết bài này chúng tôi chỉ nhằm làm thỏa mãn một ý muốn của ông mà thôi, và vì ông hỏi chúng tôi trước

công chúng, cho nên chúng tôi cũng trả lời ông trước công chúng.

Nhận thấy nói chuyện như thế đã là quá nhiều, chúng tôi xin chấm dứt và tin tưởng rằng ông Phạm-Văn-Sơn sẽ không bao giờ quên là lập trường của ông cũng như chúng tôi vẫn khác hẳn nhau, do đây vấn đề Lương-Quảng tự nó đã có câu trả lời. Còn nếu ông muốn cùng chúng tôi thảo luận về vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt-Nam, thì chúng tôi thiết nghĩ điều ấy không có trong bài này. Và nếu có cuộc nói chuyện về đề tài ấy, chắc chắn nhiều người sẽ hưởng ứng hơn, và không phải là một cuộc nói chuyện chỉ có ông và chúng tôi, mà là với cả những người trước, cũng như với cả người sau sẽ tới nữa.

TRẦN-VINH-ANH



★ Rối loạn ở khắp cả, khi trách nhiệm chẳng ở nơi nào.

G. Le Bon

ĐÃ XUẤT BẢN

**Trao đổi Văn-hóa
Việt-Nam và Nhật-Bản**

*Biên khảo của
ĐOÀN-VĂN-AN
Tiến-sĩ Văn-chương*

- Nội dung phong phú ● Trình bày trang nhã
- Sách dày 150 trang ● Giá 25 \$

CÓ BÁN TẠI :

- Tòa soạn Bách-Khoa
- Nhà sách Sống-Mới, Saigon
- Nhà sách Minh-Đức, Đà-Nẵng
- Các Chùa lớn ở Thủ-đô và các Tỉnh

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135, Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)
Téléphones : 24.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vitthel Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en . O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

● VÕ-QUANG-YẾN ●

TỜ tuần báo khoa học có tiếng và rất đứng đắn bên Anh là tờ Nature đầu tiên loan tin người ta đã khám phá ra được nhiều loại rong hóa thạch trong các viên vãn thạch từ khoảng không gian rơi vào quả đất. Sau đây, hãng dầu xăng Esso cho biết một hóa sư của hãng bên Hoa-Kỳ, bác sĩ Warren G. MEINSCHEN, cũng chứng minh được nhiều chất hữu cơ trong viên vãn thạch Orgueil là từ một nguyên thủy sinh vật mà ra. Vấn đề sinh vật ở ngoài quả đất từ lý thuyết dần dần trở thành một môn khảo cứu rõ ràng.

Tờ Pétrole Progrès, cơ quan của hãng Esso ở Pháp, trong số 52 (1) kể rõ công tác của ba nhà bác học Bartholomew NAGY, Warren G. MEINSCHEN và Douglas J. HENNESSY. Các nhà khảo cứu này đã trình bày ngày 16-3-1961 ở viện Hàn lâm khoa học tại New-York một thuyết minh chứng tỏ vật tích của sự sống ở ngoài

VŨ TRỤ VÀ SINH VẬT

vũ trụ. Sau khi phân tích tường tận một mẫu vãn thạch lấy từ viên Orgueil ra với những dụng cụ cực kỳ tối tân, ba nhà bác học Mỹ nhận thấy nhiều chất hydrôcacbua ở trong vãn thạch giống hẳn các chất hydrôcacbua ở trong các sinh vật hiện sống trên mặt đất và trong các lớp nham thuộc đệ tứ kỷ. Các ông kết luận viên vãn thạch đã từ một thiên thể có tiền triển sinh vật học mà lại. Vấn đề được lặp lại và bàn rộng thêm trong tờ Planète số 8 (2) và chính ngay giáo sư NAGY cũng lên tiếng giảng giải công tác của mình (3). Hơn nữa, cuộc khám phá của ba nhà bác học Mỹ sau này được nhiều nhà khảo cứu khắp các

(1) Claude Georges BOSSIÈRE : Le messager de l'espace.

(2) Charles-Noel MARTIN : Oui, la vie existe ailleurs.

(3) Bartholomew NAGY : Dans une eau extra-terrestre...

nước xác nhận : bác sĩ Frank STA-PLIN ở Canada, giáo sư SKUJA ở Upsala (Thụy-Điển), giáo sư ERDT-MAN ở Stockholm, bác sĩ ROSS ở British Museum (Anh), giáo sư PAPP ở viện đại học Viena (Áo), bác sĩ CHOLNOKY DE PRÉTORIA (Nam-Phi), giáo sư PALIK ở Hung-Gia-Lợi và bác sĩ TIMOFEEV ở Leningrad.

Theo giáo sư NAGY thì chỉ có hai lời giải :

— Hoặc sự sống đã hiện ra nhiều chỗ trong thái dương hệ với một tiến triển hóa học giống nhau ;

— Hoặc sự sống đã di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác trong thái dương hệ mà vẫn luôn giữ kỹ tính đơn thuần của mình.

Vấn đề sinh vật trong vũ trụ dính líu đến cuộc khảo cứu tìm hiểu nguyên thủy của loài người, một câu hỏi mà từ lâu đã làm bận trí biết bao nhà bác học, đáng được chú ý đến một cách tường tận hơn.

Trận mưa sao băng

Trong khoảng không gian, ngoài các ngôi sao, các hành tinh, vệ tinh to lớn, còn có biết bao mảnh đá to từ bằng ngón tay cái cho đến cỡ một cái nhà luôn luôn di chuyển, làm thành những con sông đá vô hình mà trên con đường chạy quanh mặt trời, quả đất phải băng qua. Trung bình mỗi ngày quả đất lướt qua vài trăm ngàn tỷ cây sò vuông những con sông đá ấy. Cuộc đụng chạm gây nên những trận mưa đá mà nhiều viên cọ xát với thượng tầng khí quyển bốc

cháy làm thành sao băng. Có những đêm như tối hôm 12-8-1902, trận sao băng đã biến bầu trời thành một cuộc đốt pháo bông vĩ đại và tuyệt diệu. Nhưng bụi vũ trụ lắm khi không cháy trong khí quyển và, nếu không có khí trời che chở, hằng ngày khoảng 5 ngàn tấn đổ xuống mặt đất, trong khoảng 4 tỷ năm nay có thể phủ thành một lớp dày vài thước. Thật ra, chỉ có một ít viên thạch, kích thước không quá nhỏ mới đạt đến mặt đất, gây nên những trận mưa đá thường nghe nói trong sử sách từ ngày xưa và được nhiều người chứng kiến. Những viên xưa nhất rơi cách đây khoảng 5 trăm triệu năm, như ở bên nước Canada, người ta dùng phi cơ chụp ảnh thấy rất rõ ràng những lỗ hồng rộng hàng chục cây sò. Ở trong bãi sa mạc Arizona bên Hoa-Kỳ, lỗ Meteo Crater rộng 1200 thước, sâu 180 thước và bao quanh một lớp bờ cao 45 thước. Người ta tính viên viên thạch phải nặng nhiều triệu tấn mới gây nên một lỗ hồng lớn như vậy. Viên viên thạch rơi ở Xibêri bên Nga hôm 30-7-1908 cũng đã được người ta nói đến nhiều : tiếng động nghe cách 1000 cây sò ; tại chỗ, một vùng đường kính 30 cây sò bị tàn phá, cây cối bị bẻ gãy và lật gốc, hiện nay còn lại 200 lỗ hồng rộng từ 1 đến 50 thước. Viên viên thạch lớn nhất còn để lại dấu tích, rơi cách đây 2 triệu năm bên Nam-Phi, gây nên một lỗ hồng đường kính 100 cây sò, làm rạn vỏ quả đất và chò xi ra vật chất đang nóng chảy trong ruột quả đất. Vật chất này khi

người đông đặc lại như các lớp đá từ các ngọn núi lửa chảy ra.

Hiện nay người ta đã khảo sát khoảng 130 viên vãn thạch rải rác khắp các tầng bảo viện: có viên chỉ là đá, có viên là kim loại, có viên lẫn lộn đá và kim loại. Trong số những viên vãn thạch đã được khảo sát có 19 viên đặc biệt ngoài đá và kim loại còn mang thêm nhiều hạt than là những chất có nguyên thủy hữu cơ. Theo thành phần các cầu chất, người ta phỏng đoán những viên này không bao giờ được đưa lên nhiệt độ cao. Đáng khác, những viên này đều có chứa nước, mà theo nhà bác học BOATO ở viện đại học Chicago thì tỷ lệ các chất đồng vị hytri (khinh khí) trong nước ấy lại không giống tỷ lệ ở nước quả đất. Giáo sư NAGY còn đi xa hơn: theo ông, nước trong các viên vãn thạch ấy giống nước ở các đáy biển hồ, nghĩa là có một lớp nước ngăn cách với khí trời. Trong số 19 viên vãn thạch có than, 4 viên được chú ý đến nhiều nhất là các viên Orgueil 1864, Ivuna (Trung Phi) 1938, Alès (Pháp) 1806 và Tonk (Ấn-Độ) 1911. Đặc biệt viên rơi ở Orgueil (thuộc quận Tarn-et-Garonne bên Pháp) ngày 14-5-1864, được nhà hóa học S. CLOEZ phân tích ngay. Ngoài 18 loại khoáng chất, ông còn tìm ra được 6,41% chất hữu cơ. Sau đây, nhà bác học F. PISANI cũng đạt được kết quả tương tự. Năm 1869, nhà hóa học có tiếng người Pháp M. BERTHELOT bắt đầu khảo cứu phần hóa chất hữu cơ và tách ra được nhiều hytrôcacbua. Nhưng

người sau cùng có ý kiến khảo sát sâu rộng thêm về viên vãn thạch Orgueil và đi đến những kết luận quan trọng là giáo sư NAGY.

Quang phổ khối kế

Quê quán ở Hung-Gia-Lợi, ông hiện nay là giáo sư môn hóa học phân tích ở viện đại học Fordham ở New-York. Ông khảo cứu đặc biệt về thành phần của dầu hỏa và cách súc tích dầu hỏa trong các lớp nham. Đưa bàn với ông HENNESSY, giáo sư môn hóa học hữu cơ ở cùng viện đại học về dự định phân tích vãn thạch Orgueil, ông được hưởng ứng ngay. Cả hai nhờ một nhà chuyên môn về môn vi phân tích hytrôcacbua là ông MEINSCHEIN giúp sức. Ông này khảo cứu ở Trung tâm Esso Research ở Linden (New Jersey) về nguyên thủy dầu hỏa. Ông rất thông thạo về cách giải thích các hytrôcacbua trong thú vật, thảo mộc và trong các lớp nham.

Dầu hỏa thô lấy ở mỏ ra là một nguồn nguyên liệu quý báu cho các hóa sư vì dầu hỏa chứa ít nhất cũng 1000 hóa chất khác nhau. Hiện nay, người ta chỉ mới tách ra và thức biệt được có 200 chất, nhưng trung bình mỗi năm, đồng thời với kỹ thuật phân tích tối tân, người ta lại đưa ra được ánh sáng 6, 7 chất mới. Những hóa chất hữu cơ là nguyên liệu cho biết bao tổng hợp nhưng phân tách ra khỏi nhau không phải là một việc dễ. Vì vậy, trong các phòng thí nghiệm của các hãng dầu hỏa, máy móc luôn luôn cần phải được sửa sang, biến

đôi để cho thành tinh xảo hơn. Nhiều máy khác lại được phát minh ra; trong số này, máy quang phổ khối là một, thường dùng để phân tích các chất đồng vị. Người ta biết những chất đồng vị giống nhau hoàn toàn, chỉ có khác nhau chút ít ở trọng khối nhân vì số nơtrôn khác nhau (4).

Dựa trên tính chất này, năm 1909, nhà vật lý học có tiếng người Anh J. J. THOMSON đã đặt ra một máy để tìm các chất đồng vị. Một ít lâu sau, một nhà vật lý học người Anh khác, F.W. ASTON (giải Nobel hóa học 1922), kiếm cách làm tinh xảo thêm máy này và tìm ra được hai chất đồng vị oxi (dưỡng khí). Các nhà chuyên môn còn sửa chữa thêm và ở Hoa-Kỳ, người ta đã tách ra được chất đồng vị urani 235 dùng trong quả bom nguyên tử thứ nhất.

Mạnh mẽ với máy quang phổ khối, ba nhà bác học NAGY, HENNESSY và MEINSCHHEIN nuôi hy vọng tách các phần tử hữu cơ của viên vãn thạch Orgueil. Khó khăn đầu tiên là viên vãn thạch chứa quá nhiều nước nên kết quả không được chính xác. Liên đây, giáo sư HENNESSY tìm ra được cách cất nước ở viên vãn thạch mà

không làm hư hỏng các phần tử hữu cơ. Kết quả thật là mỹ mãn. Các ông đã tách ra được một số hydrôcacbua chứa từ 15 đến 25 cacboni, trong ấy số hydrôcacbua $C_{18}H_{38}$ và $C_{23}H_{48}$ lớn gấp 5 và gấp 4 lần chất hydrôcacbua $C_{22}H_{46}$. Lại thường là bơ ăn cũng chứa 6 lần $C_{18}H_{38}$ (n-octadecan) và hai lần $C_{23}H_{48}$ (n-tricôsan) hơn $C_{22}H_{46}$ (n-đôcôsan). Từ đây dễ bước qua kết luận: các hydrôcacbua trong viên vãn thạch đã có sinh vật tổng hợp nên!



Từ trái qua phải: Douglas J. Hennessy, Warren G. Meinschein và Bartholomew Nagy

Như trong bất kỳ một khám phá nào mới lạ, phản ứng rất mãnh liệt khắp nơi. Người không nghi hoặc tài năng các hóa sư hay tính cách chính xác của phương pháp phân tách nhưng người ta chỉ trích nhiều về cách thông diễn các kết quả. Ông Brian MASON chuyên môn về vãn thạch, cho các chất hydrôcacbua trong vãn thạch có thể không phải do một cuộc tổng hợp sinh hóa học mà ra.

(4) Ví dụ 5 chất đồng vị của calci đều mang cùng số nguyên tử 20 vì đều có 20 prôtôn trong nhân; nhưng nếu chất calci thông thường, có rất nhiều ở trạng thái thiên nhiên, mang 20 nơtrôn thì 4 chất calci đồng vị kia mang hoặc 22, hoặc 23, hoặc 24, hoặc 28 nơtrôn.

Nhà hóa học Harold C. UREY (giải Nobel hóa học 1934) người đã tìm ra được chất đồng vị của hytri là đơtêri, chuyên môn vừa về các chất đồng vị vừa về vãn thạch, thì lại muốn chờ thêm tài liệu vì không ai biết các viên vãn thạch từ đâu mà lại.

Hành tinh Phaê tông

Sau đây, giáo sư NAGY và nhà cộng sự BITZ còn tìm ra được nhiều axit mỗ trong viên vãn thạch Orgueil. Thành phần các axit này không giống các axit hiện có trong sinh vật mà là giống axit tìm được trong các nham thạch kết tảng trong vỏ quả đất. Đáng khác, giáo sư MELVIN CALVIN (giải Nobel hóa học 1961) ở viện đại học California, lại tìm ra được nhiều loại purin trong các vãn thạch có than. Các kết quả này hướng dẫn các nhà khảo cứu lên một cuộc học hỏi khác: xem xét các mẫu hóa thạch hữu cơ trong các viên vãn thạch. Tới nay, bác sĩ G. CLAUS và giáo sư B. NAGY đã tìm ra được, chỉ riêng trong viên vãn thạch Orgueil, 29 loại hình thể khác nhau. Trong số này có 15-20 mẫu đã tìm ra được trong các viên khác. Bên cạnh những tính chất lý hóa, người ta đặc biệt chú ý là nếu đem đốt thì các mẫu này đều hóa ra than, dẫn chứng một cấu tạo hữu cơ.

Ngang đây, một câu hỏi được đặt ra, vô cùng quan trọng nếu người ta chịu nhận những kết luận của ba nhà bác học NAGY, HENNESSY và MEINSCHEN : các viên vãn thạch bắt nguồn từ đâu ? Đến cuối thế kỷ thứ 18, người ta còn tin vãn thạch là

do sấm chớp đánh vào các hạt bụi trong khí quyển mà cầu nên. Nhiều người lại cho đây là vật chất từ các miệng núi lửa được phun mạnh ra khỏi quả đất, biến thành vệ tinh ít lâu ồi lại rơi xuống mặt đất. Tuy nhiên, từ năm 1790, nhà vật lý người Đức E. CHLADNI đã có ý nghĩ các viên vãn thạch từ ngoài quả đất mà vào. Ở Pháp, các viên vãn thạch từ trên trời rơi xuống chỉ được chính thức công nhận sau khi mà vật lý học J. B. BIOT trình bày một thuyết minh tại viện Hàn lâm khoa học ở Paris về trận mưa đá ở L'Aigle hôm 26-4-1803. Hơn 3000 mảnh hôm ấy đã rơi trong một diện tích nhiều cây sò vuông, với những tiếng động rầm trời nghe khắp các tỉnh lân cận. Ngay sau đây, nhiều người lại cho các viên vãn thạch là do các ngọn núi lửa trên cung trăng phát ra. Ngày nay, người ta còn hết tin thuyết này và cho cái lỗ hổng trên cung trăng không phải là những miệng núi lửa mà chỉ là vết tích các viên vãn thạch đã rơi vào đây như ở mặt đất.

Những nhà bác học thế kỷ thứ 19, ngoài thuyết cung trăng, còn tìm nguyên thủy vãn thạch ở các sao chổi. Năm 1866, nhà bác học người Ý G. SCHIAPARELLI, giám đốc đài thiên văn Milan bên Ý, chứng minh bằng toán học trận mưa sao băng Anh tiên (5) theo ngay sao chổi Swift-

(5) Người ta đặt tên những trận mưa sao băng theo tên chòm sao trong ấy người ta thấy sao băng rơi: vì vậy có những tên trận mưa sao băng Sư tử (1833-1885), trận mưa sao băng Bạch dương (1885), trận mưa sao băng Thiên-long (1933), trận mưa sao băng Anh tiên (1866.)

Tuttle. Ông và nhiều nhà thiên văn khác sau này lại nhận thấy nhiều trận mưa sao băng khác đi theo các sao chổi Tempel, Halley, Biela,...

Các sao chổi ở đâu mà sinh ra ? Theo học thuyết hiện nay đang thịnh hành, người ta tin xưa kia giữa sao Hỏa và sao Mộc có một hành tinh đặt tên là Phaê tông. Vì một duyên cớ không rõ, hành tinh này bị vỡ ra, gây nên vãn thạch bay chạy tứ tung trong thái dương hệ, đập lên cung trăng, quả đất, bắn vào các hành tinh khác. Một số vãn thạch lớn không rời khỏi quỹ đạo, vẫn chạy xung quanh mặt trời ở chỗ hành tinh Phaê tông lúc trước : ngày 1-1-1801, nhà bác học G. PIAZZI, giám đốc đài thiên văn Palermo bên Ý, thấy được viên đầu tiên, đường kính 770 cây số, đặt tên là sao Nông thần. Sau đây lần lượt các sao Vũ nữ (490 cây số), sao Táo thần (386 cây số)... được tìm ra. Năm 1942, người ta biết được tất cả 1539 ngôi sao nhỏ ấy mà khoảng 200 ngôi lớn hơn 200 cây số, và đoán còn hằng trăm ngôi sao khác chưa thấy được. Còn khí quyển hành tinh Phaê tông thì cắt khúc biến thành sao chổi, bản chất toàn là khí. Có lẽ các nhà bác học hiện đại đang hướng cuộc khảo cứu trên đường này. Hiện nay, dùng phương pháp phóng xạ đo các viên vãn thạch thì người ta biết được các viên này được cầu nên cách đây 4 tỷ năm như quả đất ta, mà thời gian từ lúc hành tinh Phaê tông bị vỡ ra đến nay nhiều lắm cũng chỉ 1 tỷ năm mà thôi. Như vậy có nhiều thì giờ để sinh vật có thể nảy nở nhất là khi người ta biết đời sống

trên mặt đất, bắt đầu với những mẫu hữu cơ tí hon, chỉ có từ 2-3 tỷ năm nay.

Sinh vật có ở trong vũ trụ không ? Đây là câu hỏi đang gọi trí tò mò của biết bao người hiện nay. Ngoài công tác của giáo sư NAGY, người ta đang bàn tán xôn xao về các khám phá của nhiều nhà bác học khác. Trong số các ý kiến đã nêu ra, chỉ xin trích một vài hàng trong cuốn số 4 của tập Science et Technologie de l' Espace (6) mà tờ Planète số 9 đã nhắc lại (7). « Trước 20 năm, nhân loại sẽ tiếp xúc với những loại thông minh mạnh lớn ở ngoài quả đất. Các loại thông minh này có thể không phải là những sinh vật hữu cơ mà là những bộ máy biết suy nghĩ. Ta có thể tin là chúng đã dò xét ta rồi. Ta có thể tưởng tượng là chúng đã chế ngự ta. Ta có thể sửa soạn một biên cò như vậy... »

MACGOWAN, tác giả "những hàng trên không phải là một nhà văn dự tưởng mà là một trong những người chỉ huy kho binh khí Redestone bên Alabama (Hoa-Kỳ), nơi người ta chế tạo những hỏa tiễn nhiệt hạch. Thế là đủ để chỉ tính cách nghiêm chỉnh của thuyết minh, đủ để chúng ta suy nghĩ thêm về vấn đề trong khi chờ đợi một kết luận đích xác và rõ ràng.

VŨ QUANG-YÊN

(6) Roger A. MAGGOWAN : Sur la possibilité de l'existence d'intelligences extra-terrestres.

(7) Louis PAUWELS et Jacques BERGIER : Des intelligences extra-terrestres ?

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - YANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

**TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LÃNG**

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.**

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

**GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG**

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.**

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

**BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
VON : 288.750.000.000 PHẬT LÃNG
Assurance France Asiatique
Assurances Toutes Branches
Capital : 288.750.000 000 F**

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913



MILOVAN
DJILAS

LAI - SINH
lược dịch

ĐÀM THOẠI VỚI STALINE

Lời người dịch.— Vào những năm 1955-1956, trong lúc Milovan Djilas biên-soạn một tác-phẩm tự-thuật cuộc đời của mình, ông thầy nảy ra cái ý viết riêng về những cuộc nói chuyện giữa ông và Staline. Nhưng ông bị nhà cầm-quyền Nam-Tư cầm tù và không nghĩ đến vấn-đề ấy nữa. Mãi đến tháng 1 năm 1961, được tha, Djilas mới bắt đầu thực-hiện ý-định ngày trước. Bản thảo tác-phẩm mang tên Conversations With Staline được gởi ra, xuất-bản ở ngoại-quốc. Nhà xuất-bản L'air du temps phát hành tác-phẩm vào tháng 6 năm 1962, do Yves Massif dịch ra tiếng Pháp, nhan đề Conversations avec Staline.

Trong tác-phẩm này, Djilas kể lại những cuộc tiếp xúc giữa ông và Staline trong khoảng thời-gian từ năm 1944 đến 1948.

Tác-phẩm được phân chia làm ba chương rõ-rệt, mang những tiêu-đề *Phân-khởi* (Enthousiasmes), *Hoài-nghi* (Doutes) và *Thất-vọng* (Désillusions), ba chương phản ảnh ba giai-đoạn ý-thức của Djilas trong quá-trình diễn-tiến của ý-thức này, đã đưa Djilas từ chỗ lý-tưởng hóa con người Staline và chế-độ Nga-Xô Việt đến chỗ chán-chường vì những điều tai nghe, mắt thấy.

Theo nhà xuất-bản L'air du temps, Djilas không chỉ làm một tập ký-ức, không chỉ nói về một quá-trình diễn-biến tư-tưởng của mình mà ông còn làm một bản cáo-trạng nghiêm-khắc đối với nhà độc-tài quá-cô Staline và chế-độ Nga-Xô.

CHƯƠNG I

Phần khởi

PHÁI bộ quân sự ngoại quốc đầu tiên được gửi sang Nam-Tur, ở bên cạnh bộ tổng-tư-lệnh Quân đội Giải phóng Nhân dân, là một phái bộ Anh. Phái bộ này được thả xuống bằng dù ở vùng giải-phóng trong tháng 5 năm 1943. Chỉ vào chín tháng sau, vào tháng 2 năm 1944 thì phái bộ quân-sự Nga-Xô mới đến.

Sau khi phái-bộ Nga đến chẳng bao lâu thì chúng tôi đặt vấn-đề gửi một phái bộ quân-sự Nam-Tur sang Mạc-Tur-Khoa; vấn-đề này càng cần bởi vì trước đó Nam-Tur đã gửi qua Anh-quốc một phái-bộ quân-sự tiếp xúc với bộ tổng tư-lệnh quân-đội Anh. Nguyễn-vọng khẩn thiết được cử một phái bộ sang Mạc-Tur-Khoa đã nảy ra trong các cuộc thảo-luận của bộ tư-lệnh tối-cao gồm các ủy-viên ban chấp-hành trung-ương Đảng. Tôi nhớ là chính Tito đã đề-cập trước hết đến vấn-đề này với đại-tướng Karneiev, trưởng phái-bộ Nga-Xô; dù sao một điện-văn của chính phủ Nga đã quyết-định dứt-khoát sự việc ấy. Đối với người Nam-Tur việc cử một phái-bộ sang Mạc-Tur-Khoa có nhiều ý nghĩa, do đây phái bộ dự định đi Nga khác với phái-bộ đã qua Anh, khác về tính-chất thành phần cũng như về đối-tượng, mục-đích.

Ai cũng biết rằng chính Đảng Cộng sản Nam-Tur đã tổ chức phong-trào kháng-chiến, chống lại quân đội chiếm

đóng Đức, Ý và bọn tay sai ở Nam-Tur. Trong khi chăm lo về các vấn-đề của xứ-sở giữa thời chiến-tranh ác-liệt, Đảng Nam-Tur vẫn tiếp-tục tự xem là một bộ-phận của phong-trào Cộng sản quốc-tê, không thể tách rời với Nga-Xô « tổ-quốc xã hội chủ-nghĩa ». Suốt thời-gian chiến-tranh, Chính-trị bộ của Đảng (Politburo) tìm mọi cách để giữ vững sự liên-lạc với Mạc-Tur-Khoa bằng điện-đài. Ban đầu, Chính-trị bộ liên-lạc với Quốc-tê Cộng-sản (Komintern); điều này có ý nghĩa là đồng thời Nam-Tur cũng giữ sự liên-lạc với chính-phủ Nga.

Tuy nhiên, đã nhiều lần có sự hiểu lầm giữa Nga và Nam-Tur mà nguyên nhân là Nga không thông cảm với những điều-kiện đặc biệt của chiến-tranh và cách mạng Nam-Tur.

Chính-phủ Nga không thể hiểu tất cả ý nghĩa chân xác của cuộc cách-mạng Nam-Tur nghĩa là không thể hiểu sự kiện này: đồng thời với phong-trào kháng-chiến, chống quân đội phát-xít chiếm đóng, một cuộc cách mạng đã diễn-tiến ở Nam-Tur.

Sở dĩ có quan niệm sai lầm, ấy vì chính-phủ Nga-Xô sợ Đông Minh Tây phương, và nhất là Anh quốc, có thể tức giận Nga lợi dụng thảm họa chiến tranh ở các nước bị chiếm đóng để phát-triển cách-mạng và củng cố ảnh hưởng Cộng-sản. Chiến tranh và cách mạng ở Nam-Tur là một hiện tượng mới. Cũng như trường hợp thường xảy ra khi có những hiện-tượng mới cùng loại, cuộc chiến đấu của những người Cộng-sản Nam-Tur không phù

hợp với các nguyên-tắc và lợi ích tối cao của chính-phủ và quốc gia Nga-Xô.

Mạc-Tur-Khoa cũng không nhận định được tính chất đặc-biệt của chiến-tranh ở Nam-Tur. Cho dù cuộc chiến đấu của người Nam-Tur (chống phát-xít Đức chiếm đóng) có tăng thêm lòng can-đảm không những của người quân nhân Nga (chiến đấu bảo-vệ chế-độ, chống phát-xít Đức xâm-lược) mà còn của giới chính thức Nga, người ta cũng không cho điều đó là quan-trọng bao nhiêu; giới chính-thức này xem thường giá-trị của cuộc chiến-đấu ấy, dù khi họ so-sánh phương-thức chiến-đấu của kháng chiến quân Nam-Tur với phương-thức chiến-đấu của kháng-chiến quân Nga-Sô.

Ở Nga, kháng-chiến quân hợp thành một lực-lượng thứ yếu của Hồng quân; đây gần như một sự ngẫu-thành và kháng chiến quân Nga không bao giờ trở nên một quân-đội chính-quy. Các lãnh tụ Nga căn cứ vào kinh-nghiệm của họ nên không thể hiểu rằng kháng chiến quân Nam Tur có thể thành-lập một quân-đội, một chính-phủ và với thời-gian còn có thể nổi danh và có những quyền-lợi khác biệt với quyền-lợi của người Nga.

Về vấn đề này, có một sự-việc xảy ra, mà tôi xem rất có ý-nghĩa, có lẽ có ý nghĩa quyết-định nữa. Bây giờ đang ở thời-kỳ cuộc Phản công thứ tư vào tháng 3 năm 1943. Bộ tổng tư-lệnh Nam Tur và các bộ tư-

lệnh Đức điều-đinh với nhau về vấn-đề trao đổi tù-binh; trong thực-tế, các cuộc thương-thuyết nhằm vào mục-đích làm cho người Đức thừa-nhận chế-độ tù-binh đối với những kháng-chiến quân bị bắt và làm cho đôi bên thỏa thuận chấm dứt việc hạ-sát tù-binh và thương-binh. Chuyện này xảy ra vào một thời-kỳ mà từ bộ tổng tư-lệnh đến đại bộ phận quân đội cách-mạng, tới hàng nghìn tù-binh của Nam-Tur, đều lâm vào một tình thế nguy-khôn và chúng tôi muốn tận dụng mọi phương-sách để tranh-thủ một khả-năng cải-thiện tình-thế, dù nhỏ-nhất đến thế nào. Đáng lẽ Mạc-Tur-Khoa phải được thông-báo rõ-ràng về vấn-đề này nhưng chúng tôi hiểu — hiểu một cách xác-đáng — rằng không nên nói tất cả sự thật cho người Nga biết. Sở dĩ chúng tôi dè-dặt như thế, có lẽ vì Tito hiểu rõ Mạc-Tur-Khoa hoặc vì Rankovitch cảm thấy theo linh tính là nên có thái-độ ấy. Cho nên Mạc-Tur-Khoa chỉ được Nam-Tur cho biết một cách đại-lược rằng các cuộc thương-thuyết của Nam-Tur với bạn Đức nhằm vào sự trao đổi tù-binh và thương-binh. Dù sao, Mạc-Tur-Khoa không có một cố gắng nào để giúp chúng tôi cải-thiện tình-hình, trong khi nhân-dân Nam-Tur đã đổ máu thành sông, hi-sinh tranh-đấu; và trái lại, Nga Xô còn trả lời cho chúng tôi với những lời-lẽ rất khô-khan. Tôi còn nhớ Tito đã phản-ứng như thế nào. Bây giờ chúng tôi đang ở trong một nhà máy xay lúa, trước ngày vượt qua sông Nerstva vào

ĐÀM-THOẠI VỚI STALINE

tháng hai năm 1943. Tito đã bảo chúng tôi, sau khi xem thư của Mạc-Tur-Khoa : « Bôn-phận trước nhất của chúng ta là phục-vụ quân-đội và dân-tộc của chúng ta ».

Đây là lần đầu tiên một ủy-viên trong ban chấp-hành trung-ương một Đảng Cộng-sản phát biểu một ý-kiến khác biệt với ý-kiến của Mạc-Tur-Khoa. Đây cũng là lần đầu tiên mà lương-trí của tôi bị kích-động vì nhận-thức này : Quyền tự-do tư-tưởng thiết-yếu cho sự sống còn trong cuộc tranh đấu tử-sinh hiện-thời giữa hai thế-giới đối-ngịch.

Một sự-kiện khác xảy ra vào ngày 29 tháng 11 năm 1943, ở Jajce, trong phiên họp thứ hai của Ủy-ban chống Phát-xít. Trong cuộc họp này, Ủy-ban đã ra một số nghị-quyết có tác-dụng thực-tế là hợp-pháp hóa một trật-tự chính-trị và xã-hội mới ở Nam-Tur. Đồng thời một ủy ban quốc gia được thành lập có quyền hạn của một chính-phủ lâm-thời. Trước đó, trong các phiên họp của ban chấp-hành trung-ương Đảng để dự-thảo các nghị quyết kia, chúng tôi đã quyết-định rằng chỉ sẽ thông-báo cho Mạc-Tur-Khoa biết, một khi mọi việc đã xong. Hiểu các nhân-vật ở Mạc-Tur-Khoa và hiểu nội-dung, đường-lối tuyên-truyền của họ, chúng tôi đã nhận-thức rằng họ sẽ không thông-cảm với việc làm của chúng tôi. Quả thật, Mạc-Tur-Khoa đã phản-ứng đối với các nghị-quyết của chúng tôi một cách lạnh-nhạt đến nỗi vài đoạn trong bản quyết-nghị không được

đài phát-thanh của Nam-Tur Tự-do phổ-biến : đài này được thiết-lập trên lãnh-thổ Nga để phục-vụ phong-trào kháng-chiến Nam-Tur.

Như thế, chính-phủ Nga đã không nhận-thức được hết tầm ảnh-hưởng của quyết-định ấy, một quyết-định quan-trọng nhất của cách-mạng Nam-Tur : với quyết-định này, một trật-tự chính-trị xã-hội mới xuất-hiện trên trường Quốc-tế. Mạc-Tur-Khoa chỉ thay đổi thái-độ của mình và thừa-nhận các nghị-quyết của cách-mạng Nam-Tur mãi sau này, khi đã biết chắc rằng Tây-phương tỏ ra thông-cảm với các việc làm của Nam-Tur.

Mặc dù phải nhiều phen cay đắng trong những thử-thách như thế — mà họ chỉ nhận-chân được ý-nghĩa năm 1948, sau cuộc phân-ly với Mạc-Tur-Khoa — những người Cộng-sản Nam-Tur vẫn cho rằng họ có số-phận gắn liền với Mạc-Tur-Khoa về mặt ý-thức hệ và tự xem là những đồng-chí trung-thành đứng-đắn nhất của Đảng Nga-Xô.

Tinh-thần cách-mạng nhiệt-thành và một số yếu-tố ý-thức khác khiến cho người Cộng-sản Nam-Tur xa cách với Mạc-Tur-Khoa một cách sâu xa, vô phương bổ cứu ; tuy vậy họ vẫn cho rằng thực-tại này (đặc biệt là những thắng-lợi của người Cộng-sản Nam-Tur trong cuộc cách-mạng của họ) là một bằng-chứng về lòng trung-thành và tinh-thần gắn bó của họ đối với chính-phủ Nga-Xô và ý-thức hệ Cộng-sản mà Nga-Xô tiêu-biểu.

Đối với người Cộng-sản Nam-Tur, Mạc-Tur-Khoa không chỉ là một trung-tâm chính-trị và tinh-thần mà còn là nơi thực-hiện một lý-tưởng trừu-tượng, một « xã-hội không giai.cấp ». Viễn-tượng thiêng-liêng và đẹp tuyệt vời của xã-hội này không những làm êm dịu bao nỗi hi-sinh, đau khổ của người Cộng-sản Nam-Tur mà còn làm cho họ thấy cuộc đời có ý-nghĩa.

Đảng Cộng-sản Nam-Tur không những chỉ thực-hiện sự thông-nhất ý-chí hành-động nội-bộ, về mặt ý-thức hệ, cũng như Đảng Nga-Xô, mà còn xem sự trung-thành với các lãnh-tụ Nga như một trong những điều-kiện căn-bản để phát-triển và hoạt-động. Đối với người Cộng-sản Nam-Tur, Staline không chỉ là một vị lãnh-tụ có thiên-tài, được tất cả vâng phục mà ông ta còn tượng trưng chề-độ xã-hội mới mà người ta ước mơ. Sự tôn sùng cá nhân Staline, và tất cả những gì có dính-dấp xa gần đến Nga-Xô, có tính cách thần thánh hóa và tính cách này thường khi được biểu-hiện bằng một hình-thức, một tỷ lệ phi-lý vô cùng. Tất cả hành-động của chính-phủ Mạc-Tur-Khoa đều được xem là có lý-do chính-đáng và được bênh-vực, cho dù đó là cuộc xâm lăng của Nga vào nước Phần-Lan hay là những vụ án, những vụ thanh-trừng ở Nga. Một điều còn lạ-lùng hơn nữa là những người Cộng-sản Nam-Tur tự mình thuyết phục mình rằng các hành-động này của Nga-Xô hợp-lý và thích-thời, và họ tìm cách xua đuổi những ý nghĩ trái lại để giữ vững niềm tin này.

Trong chúng tôi có những người nhiều năng khiếu thẩm mỹ và hiểu biết uyên-thâm về văn chương, triết-lý, tuy nhiên chúng tôi hân-hoan tán thưởng những gì Staline nói, viết từ nội-dung ý tưởng « sâu xa », đến hình-thức phô-diễn « tuyệt mỹ ». Nhiều lần, trong các cuộc thảo-luận, chính tôi đã nhắc lại cách hành-văn trong sáng tuyệt vời, lối lập-luận vô-cùng sâu xa, hình-thức bình luận nhịp-nhàng tuyệt mỹ của Staline và xem bấy nhiêu ưu điểm là những yếu-tố biểu-hiện một sự đại hiên, đại trí. Nhưng lắm lúc, tinh-thần tôn sùng của chúng tôi phát-triển đến mức độ lò-bịch; như bây giờ chúng tôi rất tin-tưởng rằng chiến-tranh sẽ chấm dứt vào năm 1942, chỉ vì Staline đã quả-quyết như thế và khi sự tiên-tri này không ứng-nghiệm, người ta quên nó đi và nhà tiên-tri vẫn không bị sứt mẻ mây-may nào về quyền-uy xuất-chúng, siêu phẩm. Thật ra những gì xảy ra nơi người Cộng-sản Nam-Tur đã xảy ra nơi khác, cho những người khác, trải qua lịch-sử loài người: người ta thường đem số-phận cá nhân và toàn thể nhân loại ràng buộc với cùng một ý-niệm; người Cộng-sản Nam-Tur đã vô tình mô-tả Nga-Xô và Staline theo những ngôn-từ đáp ứng với nhu-cầu cuộc đấu-tranh của chính họ và làm cho cuộc tranh-đấu này hữu lý.

Cho nên phái-bộ quân-sự Nam-Tur lên đường sang Mạc-Tur-Khoa với một hình-ảnh lý-tưởng về chính-phủ Nga-Xô trong tâm não đồng-thời vẫn ý-thức rõ rệt quyền-lợi thực-tề của

xir-sơ. Phái bộ này giống như phái bộ gởi sang Anh ngày trước nhưng đây chỉ là phần hình-thức mà thôi ; với quan-niệm thành-lập phái bộ ấn định thành-phần, phái bộ này ngầm-ngấm là một nhóm lãnh-tụ chính-trị cùng chính - kiến và mục - đích ; nói giản-dị hơn, phái bộ phải có đồng thời tính-cách quân-sự và tính cách Đảng.

*
**

... Bây giờ là đầu tháng 3 năm 1944. Chúng tôi mất nhiều ngày lo việc qui tụ các nhân viên phái bộ và gom lại các hành lý. Các bộ đồng phục của chúng tôi cũ mèm và khác nhau. Vì khan hiếm vải, chúng tôi phải lấy quần phục của các sĩ quan Ý bị bắt, sửa lại làm đồng phục. Chúng tôi cũng cần giấy thông hành để đi qua các vùng do người Anh và người Hoa-Kỳ chiếm đóng và người ta làm giấy thông hành gấp. Những giấy thông hành đầu tiên này của quốc gia Nam-Tư mang chữ ký của Tito.

Mọi người đều đồng ý là phải mang tặng phẩm qua cho Staline. Nhưng tặng phẩm gì đây và lấy ở đâu để tặng ?

Bây giờ bộ tổng tư lệnh đóng ở Drvar, thuộc xứ Bossie, chung quanh toàn là những làng mạc hoang tàn, đã bị cướp bóc và những thành phố nhỏ bị tàn phá. Cuối cùng người ta tìm ra được một giải pháp : Staline sẽ được tặng một khẩu súng chế tạo năm 1941, tại một trong những binh công xưởng của kháng chiến quân ở Uzice. Kiếm cho ra một khẩu súng

như thế không phải là công việc dễ dàng. Từ các làng xã, các tặng phẩm bắt đầu được gởi về rất nhiều : túi vải, cặp da, giày dép và áo quần của nông dân. Chúng tôi chọn những thứ tốt nhất : những đôi dép bằng da sòng và những đồ vật khác cùng một tính chất khôn khéo và thô sơ. Và cũng chính vì các đồ vật ấy có tính chất thô thiên mà chúng tôi quyết định mang đi xem đây là những bảo đảm về thiện chí của nhân dân Nam-Tư.

*
**

... Chúng tôi đến Mạc-Tư-Khoa từ một tháng rồi. Một tháng trời chúng tôi sống trong sự đợi chờ được các lãnh-tụ Nga-Xô, nhất là vị lãnh-tụ tối-cao Staline tiếp kiến.

Biên-cổ lịch-sử này xảy ra vào một buổi xế chiều. Tôi vừa chấm dứt cuộc nói chuyện trước « Ủy-ban liên dân-tộc Slaves » và bắt đầu trả lời những câu hỏi thỉnh toạ. Bỗng có người đến thi-thăm bảo tôi xong cho sớm vì có việc khẩn-cấp đang chờ.

Tôi — hoặc người khác tôi cũng không nhớ rõ nữa — vội vàng xin cáo lỗi với mọi người và lập tức ra đường. Tại đây, tôi và đại-tướng Terziteh trong phái bộ Nam Tư được đưa lên xe hơi. Một đại-tá Nga đã ngồi sẵn trong xe và cho chúng tôi hay rằng chúng tôi sắp được Joseph Vissarionovich Staline tiếp.

... Ngồi trên xe, tôi không kìm-hãm được sự xúc-động. Bao nhiêu nỗi-niềm sôi trào trong lòng tôi. Tôi biết rằng

tôi đang tái mặt, tôi hiểu niềm xúc động hân-hoan nơi tôi gần trở thành sự hoảng hốt lạ-lùng.

Còn gì đáng phân-khởi đối với một người Cộng-sản, sản-phẩm của chiến-tranh và cách-mạng, bằng việc được một người như Staline tiếp kiến; Staline, một người đối với tôi còn là gì khác hơn, ngoài tư-cách một lãnh-tụ trong cuộc đấu-tranh. Staline là hiện-thân của một ý-niệm, một ý-niệm thanh-cao và không thể sai lầm. Staline tiêu-biểu cho cuộc đấu-tranh thắng lợi hiện-tại và tinh thần bác ái giữa con người ngày mai. Và bỗng nhiên tôi lại thấy thêm rằng tôi là người Nam-Tư đầu tiên được Staline tiếp. Niềm vui cảm thấy hòa lẫn chút nào kiêu-hãnh khi tôi nghĩ rằng rồi đây tôi sẽ có thể thuật lại cho các đồng chí của tôi và các chiến sĩ Nam-Tư cuộc đàm thoại hôm nay giữa tôi và Staline.

Thoáng một cái, bao nhiêu cái gì ở Nga-Xô đã làm cho tôi khó chịu đều tiêu-tan; và tất cả những gì động chạm giữa các lãnh-tụ Nga-Xô và chúng tôi bỗng nhiên trở nên vô nghĩa và nhẹ nhàng, trước biển-cô vừa trọng-đại, vừa gây bối-rối đã xảy ra cho tôi. Ở giờ phút này số phận của riêng tôi không đáng kể nữa giữa lòng cuộc tranh-đấu thiêng-liêng; cũng từ đây những nỗi niềm bực-bội của chúng tôi không còn quan-trọng khi chúng tôi nghĩ rằng bao nhiêu nguyện vọng của chúng tôi nhất định sẽ được thực-hiện...

... Đại tướng Joukov đợi chúng tôi ở một văn phòng nhỏ hẹp trong điện Cẩm-Linh. Một nhân viên mời chúng tôi ngồi rồi đi vào mất dạng ở phòng bên. Lát sau, con người đáng dấp nhỏ bé ấy xuất-hiện và mời chúng tôi vào phòng kia.

Tôi đã tưởng phải đi qua vài ba bàn giấy nữa mới tới nơi gặp Staline nhưng khi tôi vừa mới bước qua cửa phòng thì tôi đã thấy Staline từ một cửa hông mé trong tiền đến trước chúng tôi. Molotov cũng có mặt ở đây, đứng trước cái bàn hội-nghị dài; ông có thân hình đồ-sộ, nước da tái xanh, mặc một bộ y phục cắt rất khéo, màu xanh nước biển.

Staline dừng bước, đứng yên giữa phòng trước chúng tôi. Tôi tiến tới trước mắt ông ta và tự giới-thiệu.

Rồi tới lượt Terzitch. Viên tướng lãnh đồng hành với tôi đập gót, nghiêm mình chào và tự giới-thiệu cấp bậc chức vụ quân sự của mình, Staline chỉ đáp bằng một lời giới thiệu cộc-lốc: Staline! Cảnh-tượng thật là hài-hước.

Chúng tôi bắt tay Molotov và mọi người cùng đến ngồi quanh bàn hội-nghị. Staline chủ tọa, Molotov ngồi bên phải ông ta, tôi và Terzitch ngồi bên trái.

... Staline mặc quân phục cấp thông-chê; huy chương độc nhất ông ta đeo ở trên ngực, mé trái là một ngôi sao vàng, huy chương anh hùng Nga-Xô. Tôi không tìm thấy lại nơi ông ta nhân vật Staline uy-

nghi, đường bệ với điệu bộ và cách đi cứng nhắc, thận-trọng, thường thấy trong các tâm hình, trên các phim thời-sự. Staline trước mắt tôi không bao giờ ngồi yên. Ông đùa với cái ông vô hoặc cầm cây bút chì xanh hí-hoáy vòng trên giấy những vấn-đề chính được thảo-luận và số bỏ mỗi vấn-đề được thảo-luận xong.

Một điều nữa làm cho tôi ngạc-nhiên: Staline rất thấp và nặng-nề. Thân mình ông ngắn, hẹp, trong khi chân ông lại dài lòng-không; cánh tay tay, và vai trái của ông có vẻ cứng nhắc, bụng to; tóc ông thưa-thưa, nước da xanh tái, chỉ có đôi gò má là hồng-hào. Về sau này tôi được biết rằng đó là màu da của những người sống ở các bàn giấy; trong giới cao-cấp Nga-Xô, người ta gọi đây là « Màu da ở điện Kremlin ». Răng Staline đen và mọc xô vào trong. Hàng râu mép của ông thưa, cùng một vẻ yếu ớt. Tuy nhiên cái đầu Staline rất dễ nhìn; với đôi mắt vàng và một vẻ mặt cứng-rắn pha lẫn ranh mãnh, người ta tìm thấy ở đây chút gì của một thường-dân, của một nông-dân, của một người cha trong gia-đình.

Giọng nói của Staline cũng khiến tôi lầy lăm lạp. Mới nghe qua, người ta nhận ra đó không phải giọng của người Nga...

... Có một điều tôi không ngạc-nhiên là Staline có vẻ trào-phúng; sự trào-phúng của ông ta thô sơ, đầy tự tín nhưng không phải vì đó mà thiếu tinh tế hay sâu-sắc. Những phản-ứng của Staline rất nhanh - chóng rõ-ràng và

dứt khoát, không cãi chời được; điều đó không có nghĩa là ông ta không nghe kẻ đòi-thoại nói cho đến hết lời nhưng rõ-ràng là ông ta không ưa sự dài dòng giải-thích. Thái-độ của Staline đối xử với Molotov cũng đáng để ý. Người ta thấy rõ là Staline xem Molotov như kẻ cộng-sự thân-cận nhất của mình. Molotov là nhân-vật duy nhất trong Chính trị bộ cùng với Staline nói chuyện xưng « anh, tôi ». Sự-kiện này càng có ý-nghĩa trong khi người Nga, dầu là thân mật với nhau, chỉ thường xưng « ông, tôi ».

Cuộc đàm thoại bắt đầu bằng một câu hỏi của Staline về cảm-tưởng của chúng tôi, đối với Nga-Xô. Tôi trả lời:

— Chúng tôi phân-khởi!

Staline bảo:

— Còn chúng tôi, chúng tôi không phân-khởi, mặc dù chúng tôi đã cố-gắng hết sức để cải-thiện tình-hình ở nước Nga.

Tôi rất chắc — ví cái chữ ấy đã khắc vào ký-ức của tôi — là khi nói câu trên, Staline đã dùng danh từ « nước Nga » chứ không phải danh từ « Liên-xô »; điều này chứng tỏ rằng không những Staline là một trong những động-cơ thúc đẩy tinh-thần quốc gia của nước Nga, mà ông còn chịu ảnh hưởng của tinh-thần này, ông còn nhập thân vào tinh-thần này.

Nhưng tôi không có thì giờ ngẫm-nghĩ nhiều về vấn đề này vì Staline bàn ngay đến vấn đề giao thiệp với

chính phủ Nam-Tur lưu vong (1) ; quay lại phía Molotov ông hỏi :

— Ta có thể bịp người Anh được chăng, để khiến họ thừa nhận Tito, vì Tito đang một mình chiến đấu chống bọn Đức ?

Molotov mỉm cười — nụ cười vừa mỉa mai, vừa vô duyên — trả lời :

— Không, không thể được, họ rất am hiểu tình hình diễn biến ở Nam-Tur.

Cách thức của Staline đi thẳng vào các vấn đề làm cho tôi cảm phục, nhất là vì, cho đến lúc đó, tôi chưa gặp được cách thảo-luận như vậy trong các giới chính-thức của Nga-Xô, đặc biệt trong các cơ quan tuyên-truyền.

Tôi có cảm tưởng rằng bây giờ tôi đã gặp được những người đáng kể, rằng tôi đang ở trước mặt một người vận-trù thực tại một cách cởi mở và thân mật.

Mặc dù Staline không hứa thừa-nhận. Ủy ban quốc gia Nam-Tur với danh nghĩa chính phủ lâm thời Nam Tur, chúng tôi thấy rõ là ông ta quan tâm đến vấn đề và chúng tôi tin ông ta sẽ có sự thừa nhận đó khi có điều kiện thuận lợi.

Khi tôi nhắc đến sự Nam-Tur muốn Nga-Xô giúp cho mượn hai trăm nghìn Mỹ kim thì Staline bảo đây là việc

(1) Trong thời kỳ này Nam-Tur đã có một chính phủ quân chủ lưu-vong được Đồng-minh Tây-phương và Nga-Xô thừa nhận. Phe Tito thì vừa thành lập một chính phủ lâm thời do Cộng-sản lãnh đạo ở trong nước. (Lời người dịch)

nhỏ mọn không đáng kể và nói thêm rằng chúng tôi sẽ không làm được gì quan trọng với số bạc ít ỏi như thế rằng số bạc sẽ được cấp cho chúng tôi ngay. Khi tôi lưu ý ông ta rằng sau khi giải-phóng xứ-sở chúng tôi sẽ hoàn lại Nga-Xô bao nhiêu tiền bạc, quân nhu, vũ-khí đã mượn thì Staline nổi giận : « Đồng chí lãng mạ tôi ! Các đồng chí đang đổ máu mà các đồng chí tưởng rằng tôi sẽ buộc các đồng chí phải trả lại tiền số vũ-khí cho mượn ? Tôi không phải con buôn, chúng tôi không phải những con buôn. Các đồng chí tranh đấu vì lý tưởng chung. Bồn phận của chúng tôi là phải san-sẻ với các đồng chí tất cả những gì chúng tôi có ! »

Nhưng vấn đề đặt ra là quân-nhu, vũ-khí của Nga-Xô giúp đỡ sẽ được đưa sang Nam-Tur bằng cách nào. Hội nghị quyết-định rằng sẽ yêu cầu Đồng minh Tây phương để cho Nga-Xô thiết lập một sân bay ở Ý-Đại-Lợi ; từ căn cứ này Nga sẽ đưa quân nhu, vũ-khí sang Nam-Tur cho kháng-chiến quân. Staline bảo : « Chúng ta hãy thử xem họ có thái độ nào và họ có thể giúp Tito trong chừng mức nào. »

Staline nói tiếp liền sau đây :

— Nhưng chúng tôi không có thể nào giúp đỡ cho đồng chí bằng phi-cơ. Người ta không thể tiếp-tê một quân-đội bằng con đường hàng không, mà các đồng-chí đã có một quân-đội. Chúng ta cần có tàu thủy để làm việc này nhưng chúng tôi lại không có tàu. Hạm đội Hắc hải của chúng tôi đã bị tiêu-diệt rồi. »

Đại-tướng Joukov can-thiệp :

— Chúng ta có hải thuyền ở Viễn-Đông. Chúng ta có đưa các tàu ấy đến một hải-cảng của Hắc hải để vận tải vũ khí và các nhu-phẩm khác.

Staline ngắt lời Joukov một cách tàn nhẫn và cứng rắn. Đột nhiên, tôi thấy một con người khác, một Staline khác xuất-hiện. Ông ta bảo Joukov :

— Đồng-chí nghĩ cái gì quái quỉ vậy? Đồng-chí có thật bình thường trong người không đây? Người ta đang đánh nhau ở Viễn-Đông. Chắc chắn sẽ có kẻ không bỏ qua cơ-hội để đánh chìm các hải-thuyền ấy. Hiển-nhiên là như thế!... Không, phải mua tàu. Nhưng mua của ai? Hiện thời, ai cũng thiếu tàu cả. Thổ-Nhĩ-Kỳ? Người Thổ không có bao nhiêu hải-thuyền và dù sao họ sẽ không bao giờ chịu bán cho ta. Ai-Cập? Ừ, phải đây, chúng ta có thể mua tàu của Ai-Cập. Ai-Cập sẽ bán cho ta... Người Ai-Cập sẽ bán bất cứ thứ gì, chắc chắn họ sẽ bán tàu cho ta vậy...

Đại-tướng Joukov yên-lặng ghi chép nhanh các điều quyết-định của Staline.

... Trong cuộc nói chuyện, Staline bảo ông ta tò mò muốn biết tôi nghĩ thế nào về từng cá-nhân chính khách Nam-Tur. Ông ta bảo tôi phát-biểu ý-kiến về Milan Gavrilovitch, lãnh-tụ Đảng diễn-địa của xứ Serbie, đại-sứ đầu tiên của Nam-Tur tại Mạc-Tur-Khoa.

Tôi bảo :

— Đây là một người tề-nhị.

Staline bình-luận, nói với tôi mà như tự nói với mình :

— Ừ, có những nhà chính-trị tin rằng sự tề-nhị là đức-tính cao nhất về chính-trị nhưng Gavrilovitch cho tôi cảm-tưởng hẳn là một thằng ngu đần.

Tôi nói :

— Nhà chính-trị ấy không có tư-tưởng cao xa, rộng rãi cho lắm nhưng tôi tưởng rằng người ta không có thể bảo đó là người ngu đần.

Sau đó, Staline hỏi tôi xem quốc-Vương Nam-Tur Pierre Đệ-nhị thành-hôn với ai. Khi nghe tôi bảo nhà vua thành hôn với một công-chúa Hi-Lạp thì Staline quay lại phía Molotov, nói một cách ranh-mãnh :

— Anh nghĩ sao, Vyacheslav Mikhaïlovitch, nếu tôi với anh đi cưới một công chúa ngoại quốc? Không chừng sẽ có cái gì hay-ho ra đời chẳng!

Molotov cười, cười ở đầu môi lặng-lẽ... Cuối cùng tôi đã trình Staline các tặng phẩm của chúng tôi. Trong giờ phút ấy, tôi có cảm tưởng các tặng phẩm của chúng tôi thô sơ và khôn khéo. Nhưng Staline không tỏ ra chút gì khiến có thể thấy rằng ông ta cũng nhận xét như thế. Khi thấy những đôi dép nông dân, ông ta kêu lên : Lapti ! (Dép, tiếng Nga).

Về khẩu súng, ông nhắc nó lên xem nặng nhẹ và bảo tôi.

— Súng của chúng tôi nhẹ hơn.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên lâu độ một tiếng đồng hồ. Đêm đã về khi chúng tôi rời khỏi điện Cẩm-linh.

(còn tiếp)

MILOVAN DJILAS

LAI-SINH

Nhạc Việt ở xứ người

Mộng-Trung

(xin xem từ B. K. số 156)

Ngày 3-4 Martigni.— Thế là gánh tốn phí mà người yêu nhạc ở Sion đã hân hoan nhận lãnh nay lại trang trọng chuyển sang cho ban tổ chức Martigni. Ông J. chủ tịch T.N.A.N. ở đây đưa chúng tôi đến khách sạn Martigni và mời chúng tôi cứ tự tiện dùng cơm trưa. Ông cáo lỗi phải về trông nom cửa hàng vì ông là một thương gia. Từ khi qua Thụy-Sĩ đến nay mới lần đầu tiên chúng tôi thong thả dùng cơm khỏi phải chuyện trò cầm khách. Đạo thành phố được vài giờ chúng tôi phải sửa soạn hai buổi trình diễn ; từ 4 giờ 30 tới 6 giờ cho học sinh và từ 9 giờ đến 10 giờ 30 cho thính giả trong thành phố.

Không có buổi trình diễn nào mà chúng tôi phải bực bội và mệt người như chiều nay. Tầng lầu ngay phía trên phòng chúng tôi trình diễn có lớp dạy khiêu vũ, nên đầu anh Trần cổ nói thật to, tôi ngồi gần đây cũng không nghe được rõ bởi tiếng chân học trò theo nhịp đàn dậm rầm rầm từng chập trên sàn gỗ. Một số học sinh từ 14-15 tuổi trở lên cố gắng chăm chỉ nghe với vẻ bất bình còn các em bé hơn thì đưa bỏ ra về đưa ngồi lại khều móc cười giỡn, chúng thiếu lễ phép cũng có và bực vì tiếng động cũng có. Lúc ấy ông chủ tịch vắng mặt, có lẽ ông bận việc buôn bán. Anh Trần chán nản rút ngắn chương trình lại và tôi cũng trình bày vắn tắt rồi chấm dứt buổi nói chuyện.

Tối đến lớp khiêu vũ đóng cửa nên phòng diễn được yên tĩnh hơn. Thính giả đang nghe chăm chỉ thú vị thì lại xảy ra việc rủi ro khác. Lúc ông chủ tịch đang ngon trớn cho phim vào máy rọi thì bóng đèn trong

máy bóng nổ nát văng miếng tứ tung ; rất may nó không bay vào mắt ông. Và cuộc chiếu phim vì vậy mà bị ngưng lại. Chính lúc ấy biệt tài anh Trần càng nổi bật ; anh phải moi óc, ra sức trình diễn những gì ngoài chương trình để trám vào những phút trống cho thính giả đừng chán nản và mệt mỏi. Kiểm mượn một bóng đèn nhỏ vừa với máy chiếu phim vào giờ này không phải dễ nên mãi đến khi buổi trình diễn chấm dứt, thính giả đang trò chuyện với anh Trần thì Ông J. mới trở lại với cái bóng đèn. Dầu đã quá giờ nhất định khán giả cũng ngồi lại xem chiếu phim ; họ đặt nhiều câu hỏi thú vị, sâu sắc. Cuối cùng lòng tin tưởng của họ về tài nghệ anh Trần khiến họ sanh tộc mạch. Có người xin với anh Trần rằng nếu trong vở tuồng Việt có vai đào điên thì anh Trần diễn cho họ thấy qua vì anh ấy đã xuất sắc trong nhiều vai khác. Rồi từ dáng điệu, nét mặt cho đến giọng hát anh Trần đã thành công trong vai đào điên với cái tấm thân 88 ký lô khiến mọi người, đều vỗ tay không ngớt.

Tiệc rượu sau buổi trình diễn không buồn tẻ như lúc ông J. đến rước chúng tôi mà lại rộn ràng vui vẻ, câu chuyện tứ phương lại được nở ra một lần nữa. Trên mảnh đất khác với một nhóm người khác, câu chuyện xưa nay của nòi giống và đất nước Việt lại được khơi nguồn mà người nói cũng như người nghe đều say sưa thú vị. Đến hơn nửa đêm mọi người mới giã từ và hẹn sáng mai đến đưa chúng tôi lên đường.

Ngày 4-4 Saint Maurice. — Xe đến ga Saint Maurice lối 10 giờ trưa. Cô M. nhân viên hội T.N.A.N. ở đây hôm nay trang sức đẹp đến đôi khi cô đến gần chào đón mà chúng tôi vẫn không nhận được mặt cô và cứ hoài nghi không biết phải cô M. mà chúng tôi đã gặp ở Sion cách đây hai hôm chăng. Cô đưa chúng tôi vào hiệu cơm của mẹ cô ở ngay trong nhà ga. Bà C. tuổi hơn năm mươi góa chồng vừa đúng một năm, một mình đảm đang cửa hàng người rất vui vẻ và tốt bụng, chính bà đãi thọ tổn phí trà bánh và tiếp đãi chúng tôi buổi trưa. Cô M. con gái lớn của bà là giáo sư dạy dương cầm, cô rất yêu nghề và chịu khó với học trò. Con gái út bà — em kế cô M. — cũng giỏi đàn nhưng có lẽ thời này dầu ở nước nào chắc cũng khó sống với âm nhạc cổ điển nên cô đành giải nghệ đi làm chiêu đãi viên hàng không. Dùng cơm trưa xong chúng tôi chờ mãi đến gần hai giờ chiều mới có một linh mục đến chào và xin lỗi chúng tôi. Linh mục G. hỏi thăm vội vàng rồi lại xin phép đi kiểm một linh mục khác ; vì linh mục D. có phận sự giới thiệu chúng tôi với khán giả nên cần gặp chúng tôi hơn. Phần linh mục G. phải lo kiểm phòng cho chúng tôi và săn sóc công việc tổ chức buổi diễn thuyết. Lại phải chờ ! Có thể nói trong các nơi chúng tôi đã đi qua, chỉ có ở Saint Maurice là chúng tôi đã hết sức mệt mỏi từ sáng đến chiều mà chưa được nghỉ ngơi, nhưng cũng là nơi chúng tôi gặt được nhiều kết quả đẹp đẽ nhất. Mãi đến gần 3 giờ hai vị linh

Học đường
Saint Maurice



mục mới đến và đã tìm được phòng cho chúng tôi. Linh mục G. xin lỗi chúng tôi một lần nữa và cho biết hôm nay có mấy đội lính đến ngụ tại Saint Maurice, khách sạn thiếu phòng nên mới có sự chậm trễ như vậy.

Tôi cần được nghỉ ngơi còn anh Trần thì phải đi với các ông linh mục cùng mấy cậu sinh viên chuyển nhạc cụ đến trường xem rạp hát, luôn tiện anh Trần sắp đặt máy móc để kịp buổi trình diễn vào 4 giờ rưỡi chiều. Anh Trần trở lại rước tôi với vẻ mệt mỏi nhưng rất hài lòng vì rạp hát đẹp, sân khấu rộng, có đèn màu, đủ máy móc cần thiết và chưa tới giờ trình diễn mà thính giả đã đông nghẹt hí trường.

Học đường Saint Maurice mới được cất xong và làm lễ khánh thành chưa đầy một năm nên đường đi từ đại lộ vào trường vẫn còn gạch đá lom chom và lót bằng những tấm ván dài. Trường rộng lớn như một đền đài (Palais) và trong ngoài đều được để chung quanh vách tường những chất làm cho tường không có tiếng vang « insonorisé ». Linh mục G. mỉm cười với vẻ hài lòng :

— Tôi đã thành công về một điểm tâm lý trong lúc cho cất trường này. Học trò sợ dĩ ưa la lối nhiều vì chúng thích nghe có tiếng vang dội lại. Tôi cho cất theo kiểu này, chúng la chỉ mỗi miệng. Chúng làm thính cũng đỡ ồn ào nhiều lắm.

Bước vào trong tôi không khỏi chóa mắt, từ cánh cửa trường, chiếc cầu thang, tấm vách tường đến miếng gạch lót sàn đều mới tinh và lộng lẫy. Ngoài những phòng ăn, phòng ngủ, lớp học và phòng đọc sách được kiến trúc và trang hoàng vô cùng đẹp đẽ, trong này còn có phòng thí nghiệm các chất hóa học, vật lý học, và sinh lý học, có « bar » cho học sinh giải khát và một rạp hát chứa gần 900 người mà từ tấm thảm lót dưới đất, ghế ngồi cho khán giả cho đến màn treo trên sân khấu đều

bằng toàn một thứ nhưng đồ. Theo lời linh mục G. đây là lần thứ ba sau ngày lễ khánh thành rạp hát của học đường đón nghệ sĩ. Hai lần trước chỉ là kịch và hôm nay tiếng nhạc đầu tiên vang ầm hí trường Saint Maurice là tiếng nhạc Việt-Nam. Các linh mục tiếp chúng tôi rất niềm nở mà các cậu sinh viên cũng sốt sắng không kém. Bốn cậu dành đưa tôi đến phòng thay áo, các cậu đứng đợi tôi ra lại dành nhau đưa tôi lên sân khấu. Tôi cứ thẳng đường mà đi không dám ngoái lại vì biết rằng các cậu đang « thương thuyết » phía sau lưng tôi. Khi một cậu sinh viên gỡ tay người bạn cuối cùng đưa tôi ra sân khấu thì khán giả vỗ tay nổ rạp ; tôi đoán nửa phần sự hoan hô đó do các bạn trai cố ý tặng cho cậu sinh viên đang đứng cạnh tôi.

Trước khi trình diễn, linh mục G. có xin lỗi chúng tôi trước rằng nếu giữa buổi nói chuyện có một số đông học sinh ra về thì chúng tôi đừng lấy làm lạ vì số học sinh đó ở xa cần phải lấy xe lửa cho kịp giờ. Thế mà không biết nhờ trình diễn hấp dẫn hay nhờ thánh giả thích tìm hiểu và biết thưởng thức mà đến giờ chung tắt chương trình từ học sinh, cha mẹ học trò cho đến các vị linh mục, bà phước đều ai ngồi chỗ nấy. Sau này chúng tôi được biết thêm có nhiều cậu bé chưa đến tuổi vào rạp hát đã xin và hứa với các linh mục rằng sẽ ngoan ngoãn luôn nhờ thế các linh mục mới cho vào xem. Có lẽ cuộc trình diễn hấp dẫn đến nỗi các em ấy chịu ngồi im nghe đến mãn cuộc khiến các linh mục rất lấy làm bằng lòng.

Như thường lệ anh Trần sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của thánh giả. Các giáo sư cho phép học trò mình tự ý chọn câu hỏi để có dịp đo sức hiểu biết và thông minh của học trò mình. Bạn không thể tưởng tượng được những em 14-15 tuổi trở lên đưa nhiều câu hỏi ý nghĩa đã đành mà những em bé mới 11-12 tuổi cũng đứng dậy lễ phép đưa tay xin hỏi nhiều câu rất thông minh và có ý tìm hiểu như người lớn. Ví dụ : Nguồn gốc nhạc khí, đối chiếu nhạc Việt và nhạc Nhật-Bản, nhạc miền Bắc Trung và miền Nam nước Việt khác nhau như thế nào ? Khi các kếp hát bội vừa hát và vừa hét (voix de fausset) người ngoại quốc không hiểu đã đành nhưng thánh giả Việt có hiểu nổi không ? Câu này làm cho thánh giả và diễn giả cười ầm lên. Cuộc đối thoại kéo dài hơn 40 phút và cuối cùng cả rạp vỗ tay mời tôi hát thêm một bài thuộc điệu vui vì tất cả các bài tôi hát vừa rồi đều đượm hơi ai oán. Buổi diễn thuyết chấm dứt, thánh giả tràn lên sân khấu khen tặng chúng tôi, xin chữ ký, xem nhạc cụ và hỏi thăm chúng tôi về chế độ học đường ở Việt-Nam. Họ nhờ anh Trần cắt nghĩa thêm sơ qua về văn hóa nước Trung-Hoa, Nhật, Ấn và sự khác biệt trong chữ Việt, Hán và Nhật. Sinh viên học nhạc hỏi anh về cách chép nhạc của người Việt và người Trung-Hoa. Một số thanh niên nam nữ hỏi tôi về tên của những dây đàn tỳ, tên của chúng tôi và của ít giống hoa bên



Hình chụp chung với
học sinh trường
Saint Maurice

nước Việt có nghĩa gì. Họ thành thật bảo rằng : ngang qua ý nghĩa của những câu thơ, cách chuyển âm điệu trong tiếng đàn giọng hát và cách diễn tả tài tình của anh Trần họ thấy văn hóa Việt có một truyền thống sâu sắc đượm nhiều thơ mộng khiến cho họ quý mến người Việt và ao ước có ngày được đặt chân trên đất nước Việt-Nam.

Hai vị linh mục, hội trưởng và nhân viên T.N.A.N. cùng chúng tôi dùng cơm chiều tại khách sạn nhà ga (Hôtel de la Gare). Câu chuyện gần xa lại được tuôn ra lần nữa. Linh mục D. mãi mê về nhạc với anh Trần vì ông hiện đang lo cuộc trưng bày về nước Xiêm (Thái-Lan) trong đó có phần âm nhạc. Đến gần nửa đêm chúng tôi mới chia tay. Các linh mục học nhiều hiểu rộng và yêu đời cũng như mọi người.

Sáng nay chúng tôi sửa soạn hành lý thật sớm rồi đến trường chụp ít tấm ảnh kỷ niệm để còn ra xe cho kịp chuyến đi Nyon. Từng đám học sinh rải rác trên các nẻo đường và những đàn trẻ em do các bà Phước dẫn đầu gặp chúng tôi ngoài đại lộ đều đưa tay gọi chào náo nức. Các bà Phước bắt tay khen tặng và chúc chúng tôi đi bình yên.

Khi chúng tôi đến cổng trường thì khắp các cửa sổ của học đường đều đen những đầu của sinh viên nội trú. Chúng tôi xin phép ông giám đốc trường chụp chung với các linh mục và sinh viên vài bức ảnh kỷ niệm. Sau khi từ giã mọi người, các cậu đưa tôi đến phòng thay áo chiều hôm qua còn cố đi tiễn chúng tôi ra tận nhà ga. Lúc đến quá buồn tẻ mà khi về lại quá vui vẻ.

Ngày 5-4 Nyon.— Nyon là trạm cuối cùng của chúng tôi trong chuyến viễn du này và người tiếp đón chúng tôi tại đây là bà U. chủ tịch hội T.N.A.N. Nyon ; hiện bà đang làm điều dưỡng cho một nhà thương dưỡng trí viện. Bà cùng con trai lớn, cậu A. 17 tuổi đem hành lý chúng

tôi đến hiệu « Beau Rivage », một khách sạn thật to và sang nhất vùng này ở sát bờ hồ Léman. Xong xuôi bà mời chúng tôi trở lại dùng cơm trưa tại nhà bà ở ngoại ô.

Tôi sờ dĩ nói rõ các nơi chúng tôi ăn và ở cùng sở phí của các ban tổ chức mỗi vùng hao tổn với chúng tôi cốt để bạn thấy rằng không những Hội Thanh niên Âm nhạc Thụy-Sĩ đã dự bị sẵn sàng các khoản chi phí cho những nghệ sĩ tứ phương đến trình diễn trong nước họ, mà tư nhân của mỗi vùng đã trực tiếp tham gia giúp đỡ phong trào thanh niên Thụy-Sĩ đang tìm học hiểu bằng cách tiếp rước nông hậu và nuôi ăn ở những nghệ sĩ khi họ đến trình diễn tại đây.

Duyên gặp gỡ của tôi cùng các bà dài theo chuyến đi cũng khá lạ lùng. Từ chị C.M.R. cho đến bà S. ở Tramelan, bà J.E. ở Genève Bà I. ở Sion cho tới bà U. hiện giờ ở Nyon, mỗi bà đều có bốn con. Rồi trừ những nơi như Court, Genève và Martigni, các ông chủ tịch đều là trai trẻ thì chúng tôi được mời ở khách sạn, còn các nơi khác thì từ những vị chủ tịch cùng các nhân viên ban tổ chức cho đến những người tiếp rước lo ăn, ở đều thuộc phái yếu cả. Và như bạn đã thấy, bà nào cũng bận với nghề nghiệp, gia đình, cuồng con mà vẫn đảm đang chu tất trách nhiệm của mình. Các ông cứ lo công việc thường nhật tới đến xem hát để mà hãnh diện và tán thưởng công trình của vợ.

Bà U. làm nữ điều dưỡng, ngày hai buổi đến dưỡng đường mà còn đi học mỗi tuần hai lần cách Nyon hai chục cây số mong trở thành giáo viên, để đời được nhàn và thú vị hơn nghề cũ. Bà lãnh nuôi tạm một cô sinh viên người Đức để cô phụ với bà chút đỉnh công việc nhà ; như thế tiện cho cô học tiếng Pháp và con bà học tiếng Đức mà bà còn dư chút ít thì giờ lo việc tổ chức các buổi diễn thuyết. Ông U. rất hiền từ chất phác và là kiến trúc sư kiêm thầu khoán. Bà và xe của bà đẹp đẽ bao nhiêu thì ông và xe của ông dính toàn bùn đất ; vì suốt ngày chính ông lái xe lo chuyên chở mua sắm các vật dụng cần thiết trong việc xây cất nhà cửa và săn sóc công nhân làm việc.

Món ăn mở đầu bữa tiệc là cháo lúa mì. Tôi tiếc phải chi có lá gừng hay rau om nữa thì món cháo này sẽ giống hệt canh khoai ngọt bên nhà. Cơm nước xong, bà U. cáo lỗi đi làm sớm Ông U. cũng gấp rút đưa chúng tôi cùng cậu con trai đến rạp hát sắp đặt buổi trình diễn để ông đến sờ thầu cho kịp giờ làm việc. Gần 4 giờ chiều chúng tôi mới về đến khách sạn Beau Rivage.

Gió ngàn lạnh lạnh nhưng trời khô ráo, mặt hồ mênh mông phơi phơi nằm giữa cảnh núi đồi hùng vĩ. Sóng biếc rạt rào muôn đời bên đá và nước hồ vạm thuở soi bóng non xanh. Nét dịu dàng nép cạnh bên vẻ hùng tráng, xin đẹp và hòa hợp như một giai nhân tuyệt sắc đứng kề

trang võ tướng oai phong, Bên trong khách sạn được trang hoàng rất sang trọng và đẹp lộng lẫy, ngoài hành lang cũng như trong phòng ăn đầy những chậu hoa xuân hồng thắm và có cả bàn ghế cho du khách ngồi giải lao thưởng cảnh. Thế mà tôi không còn lòng dạ nào nhìn ngắm hay đi dạo đó đây. Qua 8 buổi trình diễn thâu ngắn trong 7 ngày, đêm thức khuya ngày dậy sớm, đi đường xa và phải dự tiệc tiếp khách không ngớt, người tôi đã thấm mệt. Nhớ lại anh Trần đã trải qua 22 buổi trình diễn, 21 ngày đi qua bao nhiêu dặm đường, có lẽ nhờ thiện chí và lòng thiết tha với văn nghệ nước nhà cùng mục đích mà suốt đời anh theo đuổi, đã cho anh đủ nghị lực chịu đựng cực khổ, chớ thật ra ai cũng lo cho anh vì anh vẫn khét tiếng là một... bệnh nhân. Nhưng khi nhớ ra chiều nay là buổi trình diễn cuối cùng chúng tôi thấy nhẹ hẫng người.

Ngược với số thính giả ở Saint Maurice, thính giả đêm nay toàn những người có tuổi. Rất tiếc là ban tổ chức ở Nyon lựa nhằm chương trình về nhạc khí Việt-Nam. Chương trình này có ích cho những nhạc sư, nhạc sĩ, nhạc học giả hay các nhà khảo cứu về nhạc mà không đem hứng thú và sống động nhiều như chương trình về ca kịch Việt-Nam cho số khán giả thường. Tuy vậy họ cũng rất vui sướng đã nghe qua một âm thanh mới, một nhạc ngữ lạ, có thêm một hình ảnh về ca nhạc Việt-Nam. Sau tiệc rượu khuya tôi được biết họ rất thỏa mãn vì đã thấy trước mắt những nghệ sĩ đem hết sức mình diễn tả cho họ thấy qua giá trị và kho tàng nghệ thuật của đất nước mình; một nước mà bên tai họ đã vang tiếng gần hai chục năm treo gương anh dũng tranh đấu dành độc lập. Tiệc tàn, chúng tôi xách nhạc khí đi bộ về khách sạn và sáng ra chúng tôi lại lấy ta-xi. Chở hành lý ra ga chớ cũng không được hân hạnh gì từ Ông bà U. ! Ngoài ý muốn của mọi người, chúng tôi lên đường vào lúc Ông bà U. phải đi làm việc nhưng kể ra trong các cuộc đón đưa tiếp đãi trong chuyến đi này, chỉ có không khí ở Nyon là lạt lẽo nhất; tuy vậy bù vào đó chỉ có ở Nyon là chúng tôi ăn ở sang trọng nhất. Có điều chỉ tại chúng tôi không chịu tận hưởng sự đẽo bùa, mà ban tổ chức Nyon đã dành cho chúng tôi. Chúng tôi từ già khách sạn Beau Rivage trước một ngày theo chương trình ăn ở định sẵn. Về Genève, chúng tôi có chút thì giờ viếng thăm các bạn Việt Kiều để đáp lại lòng tử tế và hâm mộ của các bạn đối với chúng tôi rồi về Balê cho kịp ngày chúng tôi đã định trước.

6-4 Genève. — Sân ga Nyon sáng nay vắng bóng người đưa, chúng tôi được yên tĩnh và có nhiều thì giờ lật tất cả các tờ báo ra xem.

Từ lâu nay có biết bao nhiêu dịp anh Trần đã làm cho nhạc học giả ngoại quốc khâm phục về sự học hiểu và tài nghệ của anh trong lãnh vực âm nhạc và kịch nghệ. Trong nhiều chuyến đi cùng anh ở mọi nơi tôi đã có

nghe và thấy người ta khen tặng anh, nhưng chưa có lần nào anh được nói tới nhiều trong báo chí như lần này.

Báo Journal de Genève ngày 26-3-1963 đã viết :

« Người có một học lực sâu sắc, xư dụng pháp ngữ thông thạo, Ông Trần-văn-Khé hiện là nhân viên của U.N.E.S.C.O. đã trình diễn buổi nói chuyện bữa chiều thứ bảy về kịch nghệ nước Việt-Nam. Một vấn đề thật hoàn toàn mới lạ đối với một số đông thính giả, nhưng nhờ diễn giả vừa là kịch sĩ ca sĩ, nhạc sĩ mà nó được nổi bật lên một cách sáng tỏ... Như chúng tôi đã nói, Ông Trần có tất cả khả năng của một ca sĩ, kịch sĩ, nhạc sĩ để biểu diễn một « One man Show » (một đêm hát mà trên sân khấu chỉ có một nghệ sĩ đủ tài lỗi cuốn khán giả từ đầu đến cuối như Maurice Chevalier chẳng hạn) chỉ một mình mà ông diễn một lớp trong ấy có ba nhân vật, đổi giọng nói và thần sắc một cách hết sức dễ dàng!..

Báo Le Courrier ngày 26-3-1963 ở Genève cũng nhấn mạnh điểm này :

« Được một người thầy như Ông Trần-văn-Khé vỡ lòng cho mình là một thích thú cho người nghe. Vì ông Trần chẳng những là một diễn giả có tài, nói tiếng Pháp không lệch giọng và rất thông thạo mà còn là một nhạc công, ca sĩ, và kịch sĩ nữa; nhờ thế chúng ta được một buổi nói chuyện hào hứng và vui vẻ đầy những chứng minh và ví dụ về đủ các loại...

Tôi chỉ viết lại vài đoạn ngắn trong vài tờ báo để bạn thấy điểm nhận xét về anh Trần của các báo bên Thụy-Sĩ. Trong các tờ báo khác đại để ý tác giả cũng giống như vậy. Nhưng đó chỉ là phần thưởng riêng cho danh dự anh Trần, mặc dầu tôi phải nói một cách thành thực rằng : nếu anh Trần không bỏ cả cuộc đời anh cho âm nhạc Việt, thiết tưởng đến ngày nay nhạc Việt chắc cũng chưa được góp mặt trong nền âm nhạc quốc tế và người ngoại quốc không biết được nguồn gốc, âm thanh và truyền thống nhạc Việt ra sao cả. Thấy những kết quả tốt đẹp do anh đem lại đã gieo vào lòng thính giả ngoại quốc tình quý mến đối với dân tộc Việt-Nam, thấy trong khắp chốn anh đã trình diễn, Việt-kiểu đều được hãnh diện với người ngoại quốc khiến tôi liên tưởng rằng : không phải chỉ có thể mà có lẽ dân tộc Việt cũng chia sung sướng trong phần thưởng danh dự đó. Nghĩ như vậy chắc không quá đáng khi mà người ngoại quốc đã nhìn dân tộc và âm nhạc Việt qua nhân vật của anh Trần bằng những câu sau đây :

Le Dauphiné libéré 27-3-1963 Genève :

« Kết quả mỹ mãn của ông Trần-văn-Khé về nhạc Việt có truyền vào tháng 11 năm 1959 đã thúc đẩy hội Nghiên cứu các vấn đề Á-Đông của nước Thụy-Sĩ nhờ ông năm nay nói về kịch trường của nước Ông. Một lần nữa Ông Trần-Văn-Khé đã làm cho thính giả say mê nhờ chỗ ông hiểu thấu vấn đề do truyền thống gia đình. Ta không thể tóm tắt lại bài thuyết trình đầy

đủ như thế, họa chăng chỉ nhấn mạnh vài điểm chánh của một kịch nghệ cấu tạo khác biệt hẳn với kịch nghệ của chúng ta. Trong đó tất cả đều được qui định một cách tỉ mỉ : nhung phục, màu sắc, tượng trưng dụng cụ, râu tóc, cách hóa trang đi đến chỗ vẽ mặt, màu mè, cách dùng quạt, cách cười, cách nói, cách hát, cách đánh trống, cách đệm chầu, âm nhạc, âm sắc và âm thanh. Tranh cảnh giản dị một cách triệt để khiến cho khán giả đặc biệt chú ý vào cách đóng tuồng của kịch sĩ... Mục đích buổi trình diễn thuyết này là hé mở cánh cửa để vào trong vườn kịch nước Việt mà hái vài đóa hoa theo lời ông Trần-văn-Khê ; người đã làm cho dân chúng Genève mê mẩn tâm thần. Mỗi người đã hái ở đây được một bó hoa đẹp.

Báo La Suisse 24-3-1963. Genève :

« Trong bộ lễ phục Việt-Nam, diễn giả Trần-Văn-Khê tiến sĩ văn chương trường Sorbonne dùng Pháp ngữ rất thông thạo đã vỡ lòng cho một số thính giả ham thích những bí thuật trong kịch trường nước ông. Cố gắng hết sức mình, diễn giả đã chứng minh những bí quyết ấy bằng nhạc khí, giọng hát và điệu bộ với một tài nghệ mà nếu ai muốn so sánh thì sẽ thấy kịch trường Âu-châu là què mùa. Thật thế, khi nghe diễn giả trình bày ba loại hát trong kịch trường Việt-Nam, chúng tôi có cảm giác : vì đi sát phái tả thực mà hiệu lực truyền cảm của kịch nghệ Âu-châu không nẩy nở đến tột độ được. Tại Việt-Nam sự tượng trưng hết sức tế nhị đem kịch nghệ đến một mức rất cao trong cách phô diễn mà chúng ta chỉ đạt được trong thi ca nhờ những đặc trưng chặt chẽ như một nghi thức : màu sắc của y phục, cách dùng quạt, cách cười, cách hóa trang, cách vuốt râu, cách đổi giọng, làm cho ta thấy rõ tâm trạng, bản tính và địa vị xã hội của nhân vật trong tuồng.

Và đây là một trong những bức thư của thính giả gửi đến cho anh Trần. Tôi chỉ trích một đoạn để cho bạn thấy cảm tưởng của người thính giả ngoại quốc đối với nhạc Việt và đối với anh Trần như thế nào :

Payerne 30 Mars 1963 :

... Chúng tôi cảm ơn ông đã đem đến cho chúng tôi một chân dung của đất nước ông và của nền văn hóa xir sê ông và làm cho quê hương xa xôi của ông đến gần quê hương chúng tôi. Được ông khai tâm cho để hiểu thấu kịch nghệ Việt-Nam là một điều rất mới mẻ và làm cho chúng tôi say mê. Chúng tôi theo dõi bài thuyết trình của ông như đi trong một giấc mơ. Chúng tôi có cảm giác như được đưa vào trong bầu không khí đầy màu sắc và âm thanh...

Mãi mê đọc và bình phẩm các bài báo cùng anh Trần mà xe đã đến Genève. Anh C.M.R. ra ga rước chúng tôi như lời hẹn. Tưởng không sao nói hết được lòng sốt sắng của anh C.M.R. ; anh bảo chúng tôi đưa biên lai cho anh lo lãnh hành lý để chúng tôi thông thả đi dùng cơm với anh chị V.B. Đến khi trở lại anh Trần và tôi mỗi người đã có sẵn một phòng hai giường và hành lý đầy đủ. Anh C.M.R. bảo bởi

có lệnh của sở y tế cấm dân thành phố Genève tiếp bạn ở vùng Valais về tại nhà mình vì sợ bị lây dịch ban cua, nên anh đành để chúng tôi ở khách sạn. Tuy phòng có hai giường nhưng nếu mình chỉ cần một giường thì người ta sẽ tính tiền nhẹ hơn giá đã định. Khi chúng tôi về Balê, cô thư ký khách sạn lại không chịu lấy tiền chúng tôi mới hay rằng : chẳng những chúng tôi đã mắc nợ tiền mà còn mắc nợ lòng của anh chị C.M.R. không có cách gì trả được. Rồi chỉ trong một ngày một đêm chúng tôi ở Genève, đi Lausanne và đã hưởng của các anh chị Việt Kiều bao nhiêu là thương mến mặc dầu anh nào chị nấy đều bận con cái và công việc làm ăn. Anh chị C.M.R. không có người phụ mà vừa đi chợ nấu nướng mỗi ngày cho năm sáu chục khách ăn. Người tiếp đãi và dọn ăn hiệu anh thuộc hàng trí thức đang làm nghề thông dịch viên ở nhà hội « Liên Hiệp Quốc » dịch tiếng Y-Pha-Nho ra tiếng Pháp. Genève chỉ có một hiệu ăn này là của Việt-Nam và khách hàng đã có một người dọn bàn rất xứng đáng.

Anh chị V.B. đều là học giả chuyên khảo cứu về tâm lý học.

Sau bữa tiệc toàn những thức ăn Việt-Nam ngon lành, anh chị V.B. đưa chúng tôi đi dạo quanh bờ hồ Léman và xem vùng nhà cửa xưa nhất ở Genève. Nơi đây phố xá không có vẻ gì xưa, đặc biệt và chú ý hơn là chiếc cầu thang cao mà hồi xưa người ta cỡi lừa đi lên được. Đường xe trong vùng thật nhỏ hẹp mà nhà cất thật cao, nhưng nhà ở tầng dưới chắc không bao giờ có được một ánh nắng lọt vào. Vậy mà anh chị V.B. lại còn bảo :

-- Nhà cửa xấu xí thiếu cả tiện nghi mà khách du lịch Huê-Kỳ sang Thụy-Sĩ thì tìm đến đây ngay. Họ thích chỉ vì phải trả tiền thật mắc để ở được trong vùng xưa nhất là đủ sang rồi ». (!)

Gần đây có một khoảng đất trống nằm giữa thành phố mà không ai được cất nhà cửa chi trên đó, vì lẽ trước khi tạ thế bà lão chủ đất để di chúc cấm cất nhà trên đất đó. Bà chỉ muốn để đất trống như vậy cho trẻ em và chó đi dạo mát vì lúc sinh tiền bà yêu trẻ em và ưa chó. Không làm cách nào khác được, người ta dự định đào hầm dưới khoảng đất đó lấy chỗ cho xe đậu (Parking).

Chiều lại anh chị V.B. đưa chúng tôi đến nhà anh C.M.R. dùng cơm theo như « bản hợp đồng » chúng tôi đã ký với anh chị Việt-kiều bên này và như vậy thì chiều mai chúng tôi sẽ qua Lausanne dùng cơm ở nhà anh chị nha y sĩ N. Chúng tôi sẽ lấy chuyển xe « địa rúc » tại đây sau bữa tiệc để về thẳng Balê. Đây bạn xem lần này chúng tôi cũng ký hợp đồng mà chúng tôi không phải trình diễn chi cũng được các anh chị đưa đón, đãi đằng đủ thứ.

7-4 *Lausanne.*— Bữa cơm chiều nay đầy thân mật. Suốt tuần không động đến công việc bếp núc tôi như thấy thiếu cái gì. Chị V.B. và

chị N. không cho, tôi cũng cứ chui vào nhà bếp phụ dọn ăn. Làm bạn thân sung sướng không kém làm người khách quý. Nhà anh chị N. chẳng những có tất cả những thức ăn mặn ngọt của quê hương mà còn có hai câu liễn chữ nho đối xứng nằm song song trên tường mà bên nhà đã gửi tặng anh trong dịp Tết và đó là cặp liễn thứ nhất tôi thấy trong thời gian 10 năm xa quê hương. Anh N. đã đọc ron rớt và giải nghĩa rành rẽ hai câu đối ấy cho mọi người nghe rồi anh cười to thú thật rằng : anh đã hỏi bên nhà để học thuộc lòng chữ và nghĩa hai câu đối đó để lấy « oai » với người ngoại quốc và coi cho được, chớ nếu ai đưa cho anh một câu chữ nho khác anh xin đầu hàng. Dầu sao anh cũng đã hơn tôi.

Mấy anh chị cho biết vì lẽ người Việt ở Thụy-Sĩ rất ít nên thương gia Việt kiều không nghĩ đến việc mở tiệm buôn bán ; vì vậy mà từ y phục, món ăn cho đến sách vở Việt-Nam các anh chị đều phải gửi mua hay mượn may bên Pháp cả. Chẳng những thiếu các nhu cầu về vật chất mà các anh chị còn thêm gặp người Việt nghe tiếng nói người đồng hương và ca nhạc Việt nữa. Biết thế rồi, dầu không có « ký hợp đồng » với các anh chị về khoảng này, chúng tôi đã tình nguyện đàn hát cho mấy anh chị nghe trước khi lên đường. Chỉ trong 10 phút mà các anh đã sẵn sàng băng thâu thanh và máy ghi âm ; còn các chị thì quay điện thoại gọi bạn bè lần lượt tề tựu. Tôi vốn hay bị khớp và nhất là phải ngồi gần những người nghe mình hát. Nhưng khi nhìn dáng điệu im lặng và những ánh mắt mong chờ của các bạn, nhìn cuốn băng màu vàng lăn trên trục máy tôi có cảm giác dậm đường sa mạc đầy cát vàng khô hạn đang chờ những giọt mưa xuân ; lòng tôi bỗng thấy thương người nghe lẫn người hát và ngưng nghịu tiêu tan đi đâu mất. Mỗi tình tha hương giữa người cùng giống được kết chặt, tình quê được rút ngắn trong giọng hò dài từ hơi sa mạc cho đến miền đồng tháp phù sa.

Anh Trần và tôi thay phiên nhau hát, ngâm, đọc thơ và nói chuyện vui cho đến giờ xe sắp chạy chúng tôi mới gấp rút giã từ. Tất cả các anh chị mỗi người đều lên xe riêng đi theo anh chị V.B. tiễn chúng tôi ra ga. Lausanne lúc mười giờ rưỡi khuya. Có lẽ nhân viên hỏa xa cũng lấy làm lạ bỗng nhiên mà thấy đầy những « mặt chệt » tất tả vào ga. Chuyển xe suốt dài tràng giang đại hải mà nhân viên sở hỏa xa lại trách chúng tôi đầu hôm nay không phải là 1er Avril. Ông ta chỉ cho chúng tôi phải lên một toa ở gần đầu xe lửa mà sự thật thì toa về Balê lại ở cuối chuyến xe. Đêm khuya đèn đuốc mập mờ chúng tôi tìm mãi không có toa nào đề chữ Balê như lời của nhân viên nọ. Mãi đến khi còn 8 phút nữa xe sẽ lìa bến chúng tôi hành lý kèn cồng mà phải chạy bộ đến gần cuối xe mới tìm ra toa « Hạng nhất Balê » ! Tôi đã chạy hết sức mình và khi vừa lên xe được chưa kịp lấy hơi thở để nói được tiếng nào thì người xếp ga cũng vừa đóng cửa các toa

xe lại ; rồi khi chị V.B. và chị N. vừa chạy đến nơi thì xe cũng bắt đầu rời bến.

Nhìn xuống sân ga, lần này không phải chỉ có đôi ba chiếc khăn tay mà qua làn cửa kiếng người đi cũng như người tiễn bụi ngùi nhìn những cánh tay của nhau mà không nói được một câu giã từ.

Sân ga Lausanne đêm nay không phải vương vương một chút tình của lòng người ra đi như trên các sân ga khác ; mà là cả một lòng mến thương, trong đó chứa sự hòa hợp, cảm thông của những người cùng một giống, một màu da, một thứ tiếng. Tình thương ấy dầu giữ cho gần hay gửi đi xa, trong mỗi con người đều có nghi ngại và thắc mắc về nó. Dầu trong cảnh sung sướng hay cực khổ, êm vui hay nguy hiểm, lúc sống cũng như lúc chết con người vẫn thường thiết tha tìm cho nó một chỗ nằm.

MÔNG-TRUNG

Thụy-Sĩ — Mùa Xuân 1963

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THĂM CHỊ BUỔI CHIỀU

(xin xem B. K. từ số 157)

Chàng đến nhà tìm Thao, không gặp. Cả Thao và mẹ và em nàng đều đi vắng. Nhà đóng cửa. Nguyên quay về rất miễn cưỡng : hôm đó chàng cần gặp Thao quá.

Quay về đến trước ngõ hẻm, chàng nảy ra cái ý ghé thăm chị Lê. Đã thật lâu chàng chưa hề trở lại. Không ngờ vào đến nơi, cửa lại đóng. Nguyên đọc dòng chữ viết bằng phấn trên cửa : « Đừng gõ cửa. Tôi về nhà quê năm ngày ». Vết phấn đã bị chùi lem luốc. Chàng tự hỏi : Tôi là ai ? Chị Lê hay người con gái kia ?

Một đứa bé gái đang lom khom rửa chân bên lu nước ở nhà đối diện bỗng ngừng lại, tò mò nhìn chàng. Hai người đàn ông còn trẻ, một người ở trần, vắt trên lưng một cái khăn lông, đang trò chuyện trong nhà,

cũng nghênh đầu ngó chàng qua cửa sổ. Nguyên khó chịu : một kẻ đàn ông trước cửa nhà này lại khả nghi đến thế sao ? Chàng quay ra.

Nguyên đi chưa được vài mươi bước thì có tiếng kêu giật lại : « Nè ! Anh » ! Cùng lúc ấy Nguyên vừa trông thấy mẹ Thao đi ngang qua ; bà ta chú ý đến tiếng kêu vừa rồi, ngạc nhiên nhìn theo người con gái phát ra tiếng kêu đến nỗi quên đáp lại cái chào của chàng.

Nguyên quay lại. Người con gái cùng ở với chị Lê tươi cười hỏi : « Anh vừa tới hả ? Buồn quá, tôi mới chạy qua nhà con bạn chơi ». Cô ta mở khóa cửa lách tách, bước vào nhà không hề ngoảnh lại mời chàng. Khi Nguyên theo vào thì cô ta đã vớ được cây quạt giấy, một tay

nắm lưng áo kéo phồng ra, một tay phất quạt lia lịa. Lưng áo lấm tẩm mồ hôi. Cô ta nói ngay :

- Chị Lê không ở đây nữa.
- Chị ấy về quê thật sao ?
- Ai nói với anh chị ấy về quê ?
- Viết ngoài cửa kia.

Người con gái ngạc nhiên, rồi chợt cười giòn :

- Chữ tôi viết đó.
- Tròn khách hả ?
- Việc gì phải tròn !

Mãi nàng vẫn không nói tiếp. Nguyễn hỏi :

- Thề tại sao viết ?

— Tôi về thết đó mà. Về hồi Tết, lâu rồi.

Nàng ngồi xuống ghế, đập chân lên mặt chiếc bàn con thấp trước mặt chàng, buông thõng :

- Về quê buồn thầy mỗ.

Nàng xịu xuống, buồn ngay trước mặt Nguyễn một cách thân mật. Nguyễn nghĩ cô gái thật bừa bãi : nhảy từ ý này sang ý kia một cách tự do, phóng túng, từ thái độ này sang thái độ nọ không có chuyển tiếp, không có chút thận trọng nào. Trong lời nói và việc làm cô ta tha hồ thiếu sót, sơ hở. Bảo là đi vắng năm ngày mà không cho biết kể từ ngày nào !.. Nhưng trông cô ta không bao giờ hối tiếc về những thiếu sót của mình. Chàng tò mò hỏi :

— Dưới Châu-độc không có gì vui sao, cô ?

— Vui chớ sao không ? Quê mình sao lại không vui. Nhưng vui buồn là tại mình đây nè. Thân con gái, chồng con không ra gì, về nhà gặp mẹ, gặp bà... Tự nhiên mình gấu chớ... Sao anh biết tôi ở Châu-độc ?

— Cô nói mà.

— ... ?

— Tôi nghe cô nói hôm tới đây lần trước.

— Tôi không nhớ. Anh này nhớ dai. Nàng ngó Nguyễn, có vẻ bằng lòng, và sẵn sóc đến công việc của chàng.

— Anh tìm chị Lê có việc gì cần thiết không ?

— Không. Chị em, lâu lâu tìm thăm. Cũng như lần trước.

— Thôi, thăm làm gì. Chị ấy vẫn mạnh khoẻ, không muốn anh đến thăm đâu.

— Không muốn, thỉnh thoảng vẫn phải gặp nhau, cho biết chừng.

— Thôi. Chị ấy không muốn anh đến chỗ chị ở đâu.

— Chị ấy bây giờ ở đâu ?

— Tôi không biết.

— Cô nói dối rồi !

— Việc gì phải dối anh ?

— Cô vẫn thường liên lạc với chị ấy. Cô vừa bảo chị ấy mạnh khoẻ !

— Ừ, thì mạnh khoẻ thết chớ. Gặp nhau luôn chớ xa cách gì. Nhưng ai ở đâu mặc kệ, tò mò làm gì.

Nguyên nhìn xuống tầm hình một người con gái mặc áo cộc tay, có thân hình rất đẹp, mắt đeo kính trắng, bức hình lồng dưới tầm kính năm ly đặt trên chiếc bàn con. Cô con gái bảo :

— Bạn tôi đó. Đẹp không ?

— Cô ấy học tới đâu ?

— Ở một tỉnh với tôi đó. Có học hành gì đâu, mới ở dưới tỉnh lên sau tôi một năm. Tại sao anh cười ?

— Cô lên đây lâu chưa ?

— Tôi hả ? Bồn năm *gỏi*.

Lần trước chàng không để ý. Cô gái nói sai hết các chữ *r*. Bồn năm ở Sài Gòn, tiếp xúc với người tứ xứ mà cô ta chưa chữa được lỗi đó. Khi cô ý chữa thì lại chữa sai : *rõ* cửa !

Nguyên dò thử :

— Hỏi ra đi đôi lúá đàng hoàng...

Cô ta cười :

— Đàng hoàng gì ? Đàng hoàng thì ai bỏ xứ *ga* đi. Cha mẹ không cho lây nhau mới tròn đi chớ ? Con trai nhiều đũa nó chó má — Xin lỗi anh ! nhưng phần nhiều nó vậy hết. Đáng lẽ mình hy sinh, bỏ nhà bỏ cửa đi theo nó, sau này có gì nó cũng đùm bọc, chết sống với mình mới phải. Vậy mà chán là nó đá lập tức.

— Rồi cô làm gì. Cũng cõ gắng một lúc đã chớ ?

— Ai cũng cõ gắng chớ chực để ngã ngay vào con đường này sao ? Tôi đi làm thuê làm mướn khổ cực, *gỏi* cuộc cũng không *ga* gì. Đi ở đây

tớ, giúp việc nhà người ta, cái thằng em trai nhà đó dễ ghét, làm tàng, tôi đánh cho nó một trận...

Nguyên cười. Cô ta cắt nghĩa :

— Nó mắng vô lý, tôi cự lại, nó đánh, tôi đánh lại... Hừm ! Tôi vật nó ngã xuống, cho mây thoi vào mặt, chảy máu răng, máu miệng lung tung...

— Thích thiệt. Cô chịu cõ gắng dữ vậy ?

— ... Sau túng quá tôi phải mò đèn một ông cậu. Ông có tiệm may, tôi ở học may. Rồi ông cậu ấy gả làm tôi cho một thằng cha thiếu tá đã có vợ lớn... Thằng chả thiếu tá bảo an, đã hăm tám tuổi, (hỏi đó tôi mới mười tám), nhưng chả coi còn trẻ lắm, lớn con, đẹp trai.

Tết năm đó, tụi tôi về quê ở hai ngày. Chả khéo ăn khéo nói, bà tôi ưng ý lắm. Ở Sài Gòn bồn tháng, tụi tôi đem nhau *ga* Vũng-Tàu nửa tháng thì con vợ lớn nó hay được, tìm tới, làm *gum* lên. Tôi giận quá, bỏ liền. Hỏi đó bỏ *ga* đi chưa biết mình có con với nó nên cũng không thêm đòi hỏi nó đồng nào hết. Tôi chừng về Sài Gòn một tháng mới hay...

Nguyên chăm chú nhìn cái miệng người con gái đang nói.

Hai môi nàng cử-động liến liến, hồn nhiên như môi miệng một đứa trẻ con. Khi dừng lại, hai bên mép hơi xê xuống, trông như chỉ chực cầu nhau. Như thể trông nàng lại càng có vẻ trẻ con, dễ thương.

Người con gái sức ngó vào mắt chàng. Nguyên ngược nhìn về phía khác, nhưng vẫn tiếp tục nghĩ về cái miệng. Có cái gì chân thực, giản dị, hồn nhiên, cởi mở trong hình dáng cử - động của cái miệng ấy, khiến chàng thấy cô ta dễ gần gũi thân mật, và có thể tin cậy.

Tự nhiên chàng đảo mắt ngó qua một lượt khắp gian phòng, người con gái nhận thấy vẻ thương hại trong ánh mắt chàng trước cuộc sống trống trải của mình. Nàng lên tiếng :

— Nhiều lúc *gấu* muốn chết ... Năm trước có vợ có chồng thì Tết về nhà được. Năm sau, bỏ nó *gỏi*, Tết không dám về, nhớ nhà thầy mỗ. Trời ! Tết năm chèo queo một mình, buồn không tưởng tượng được. Từ hai mươi tháng chạp là đã bắt đầu nhớ nhà... Năm *gỏi* tôi *gáng* tới mừng bốn, mừng năm, *gỏi* chịu hết nôi, sáng mừng sáu Tết tôi về. Tôi viết mấy chữ trên cửa đó, định đi năm ngày. Nhưng về dưới đó, bà nội tôi bả cứ theo hỏi đi hỏi lại chuyện chồng con. *Khổ guột* quá. Qua mừng bảy tôi trở lộn lên Sài Gòn . . .

Nguyên đánh một cây diêm đột điều thuốc. Nghe tiếng cây diêm xiết mạnh đột ngột người con gái chợt ngừng lại, như một người nhường bước cho một con mèo, con chó vượt phóng tới trước, ở một lối đi hẹp.

Cây diêm tắt, teo lại ở đàng đầu, nằm giữa nền nhà.

Nguyên nghĩ : người con gái bấy lâu cùng ở với chị mình cũng gần giống

như chị. Có gì đâu. Chỉ cần được một người đàn ông chịu làm chồng nàng cho hẳn hoi, thế là nàng mãn nguyện, có đủ kiêu hãnh trở về làng làm ăn. Nhưng cái ước ao ấy bây giờ càng ngày càng khó đạt. Và nguyên nhân sự thất bại không hẳn đã do ở họ. Cái điểm danh dự của người đàn bà thật lạ kỳ !

Nguyên ngược lên, gặp mắt người con gái. Chàng cười, an ủi. Cô ta cũng cười lại. Chàng đặt một bàn tay lên cánh tay cô ta, phía trên cùi chỏ. Các ngón tay của chàng hơi lún xuống thịt người con gái. Cô ta để yên, tiếp tục nụ cười, mỗi lúc mỗi lơ đãng.

Miệng của người con gái đẹp một vẻ thực thà. Hai môi trông khỏe mạnh, nhưng không gợi những ý nghĩ thuộc về nhục dục. Cặp môi ấy đã hôn hết kẻ này đến kẻ khác, và chắc chắn nhiều lần với tất cả sự tham lam ham muốn nữa, nhưng lúc này Nguyên tưởng tượng nếu áp môi khác lên, cặp môi ấy sẽ chỉ mừng rỡ sau một phút ngạc nhiên. Bình thường môi miệng ấy hướng về những công việc thực tế hơn là yêu đương : việc ăn, uống, việc nói cười... Xem môi miệng ấy cử động khi ăn khi nói, trông nó có cái đẹp đẽ của người đàn bà bình dân, giản dị và đảm đang, khéo xoay xở giữa những công việc quen thuộc mà văt vả rộn ràng.

Nguyên thân mật nắm chặt cánh tay cô ta, bóp mạnh rồi thả ra. Hai người cười xòa. Chàng hỏi :

— Lúc này có còn *gấu* nữa không ?
Vừa rồi khóa cửa đi đâu đó ?

Người con gái lắc đầu, trở lại buồn, giả tạo :

— Anh không biết, có dạo em buồn quá, uống thuốc tự tử...

— Tự tử nữa !... Nè, xung em luôn đi.

— Ghét mấy thằng cha lấu tấu lém lỉnh lắm...

— Cô nói... dạn lời quá. Thôi, kể đi. Tự tử, rồi sao nữa ?

Người con gái hơi mặt hửng, nhưng rồi phục tùng :

— Tính chết mấy lần *gỏi* chứ phải một lần sao, nhưng không lần nào chết được. Kỳ năm ngoái đây, khoảng xế trưa, trời nóng quá, em trái chiều nằm dưới đất, nằm hoài không ngủ được, nghĩ lui nghĩ tới chuyện nọ chuyện kia, buồn quá sức, em uống luôn mười viên thuốc ngủ. Em nằm mê man, nhều một đồng nhót... Kỳ đó nếu không có chị Lê hay kịp thì em chết *gỏi*.

— Hối đó đã ở chung với chị Lê rồi hả ?

— Chưa. Chị ấy tới chơi tình cờ, gặp em tự tử, đưa em vô nhà thương *gừa guôt*, ở lại săn sóc ; *gỏi* chị em nói chuyện với nhau hiệp ý, chị ấy dọn nhà tới ở chung.

Người con gái thở ra một hơi dài. Nguyên tin rằng chuyện tự vận nàng vừa kể, và tất cả những chuyện tự vận khác nếu nàng chịu kể tiếp, đều

thực cả, nhưng sự buồn rầu của nàng trông cứ có vẻ giả tạo. Chàng ngồi nhíp gót giày nhẹ nhẹ, như ngẫm nghĩ. Người con gái đứng lên..., bước lại tủ đồ ăn, bung ra một cái ngăn ga-men, uồng ừng ực. Nguyên bật cười :

— Uồng cách đó thì khỏi cần biết tới khách.

— Khách khỏi lo. Rồi sẽ có phần của khách.

Nàng lắc mạnh cái ga-men, cục nước đá lăn lóc cộc bên trong, uồng nột hệt ga-men nước. Rồi nàng lôi ra một cái bát lớn, trong có hai trái xoài ướp giữa một mớ nước đá. Nàng chia :

— Anh một trái, em một trái.

Nguyên ngó vào trong tủ đồ ăn : chỉ còn có cái bánh trắng nướng đã khuyết mất một phần ba. Lôi ăn uồng của người con gái gợi một cuộc sống câu thả. Giá nàng còn ở được bên cạnh chị Lê thì hay hơn. Chàng có cảm tưởng chán ngán trước một cảnh tiêu điều, trông trơn, trơn trọi.

Nguyên thân mật bảo :

— Em rảnh không ? Hay là chiều nay chúng mình đi ăn cơm với nhau một bữa. Đem hai cái này theo tráng miệng.

— Thôi, cảm ơn... Anh dám đi ra ngoài với em hả ?

— Kia !

— Đừng dóc ! Biết quá rồi mà. Vừa rồi, lúc gặp em, thỉnh linh thầy có bà Năm đi ngang qua anh quỳnh.

lên, lúng ta lúng túng. Bộ em không thấy sao ?

— Em tưởng tượng ra chứ việc gì tôi lúng túng ?

Người con gái trẻ môi, nói tắt :

— Anh quen con Thao hả ?

Nguyên bực tức, không đáp. Nàng nói tiếp :

— Quen nó thì quen chớ làm gì mà quỳnh lên vậy.

— Em kỳ cục quá. Quỳnh bao giờ ?

Người con gái phì ra cười. Chàng càng cáu. Nàng bảo :

— Không à ? Tại sao lúc mới gặp em đã nói qua nhà con bạn chơi mà mới rồi anh còn hỏi em khóa cửa đi đâu ? Lúc thấy bà Năm bắt gặp anh đứng nói chuyện với em, anh hoảng lên, hôn vía không còn, có nghe em nói gì đâu mà nhớ !

— Tôi chịu cô. Nhiều khi những việc tình cờ nó tự liên hệ với nhau một cách gian xảo.

Chàng cười. Người con gái xí xóa :

— Thôi. Anh một trái, em một trái !

Nàng đi lấy con dao, và trở lại :

— Lần này hãy ăn ở đây cái đã, bạn sau anh mời em đi. Chiều nay em có việc bận.

Và nàng vừa gọt xoài, vừa kể :

— Cái con Thao đó nó làm biếng trời sợ. Ngủ trưa một cây. Hôm trước bà Năm kêu mãi nó không chịu dậy, bà ấy đứng ngay giữa nhà giậm chân

khóc hu hu : « Bô ơi là bô ! », trẻ nhỏ hàng xóm bu lại coi...

— ... Kêu : bô ?..

— Ủ, ba nó mệt rồi, cho nên bà ấy mới kêu : bô không còn sống mà dạy con dạy cái... Ba nó hỏi còn sống nuôi chó béc-giê, nghĩa là mua chó béc-giê về nuôi cho mập để bán lại v. v... Anh ăn miếng này đi ! Em xắt cho anh ăn. Được rồi ! Cứ ăn đi. Háu hạ khách từ tê một chuyện...

... Khi biết Thao ở cùng xóm với chị Lê, lần đầu, lúc Thao cho địa chỉ, chàng có hơi lo. Rồi chàng bỏ qua. Sau đó, năm bảy lần đến nhà Thao, chàng không ghé chị Lê. Lần đầu, đi ngang trước ngõ hẻm chàng nhìn mây con sò và mũi tên bằng sơn đỏ trên tầm vách ván, như xin lỗi. Lần thứ hai, chàng cũng nhìn con sò và mũi tên bằng sơn đỏ. Nhưng sau này, các lần khác, không chắc có trông đến.

Từ nhà cũ của chị ra về, Nguyên càng uể oải hơn bao giờ hết. Chàng tưởng như mang nặng thêm trên đời mình cuộc sống lúng túng qua ngày của người con gái nọ mòn mỏi giữa đô thành.

Hai bên con đường rộng mà vắng, cây giá tị đứng cách quãng thưa, thân cây cao vút. Lá rụng, những chiếc lá to tướng, chao qua chao lại giữa trời một lúc lâu, bay chéo từ bên này sang đến bên kia đường, thành ra lá rụng thì ít mà cảnh rụng lá thực linh động. Chiếc lá đập xuống mặt đường dẫu khô ráo, kêu lộp bộp. Và những chiếc lá to lớn như những con hải âu

thật thê đó, sa xuống đất vẫn chưa chịu thành hẳn một thứ rác rền : bị bánh xe đạp cán rách loạt soạt, những chiếc lá như thê còn gọi cho chàng ý nghĩ về cơn gió thổi giữa trời cao mênh mông.

Nguyên thấy mệt mỏi trong cuộc sống chật hẹp. Bỗng dưng chàng nhớ đến câu nói của một nhân vật tiểu thuyết : *tất cả cái gì tôi mong ước, ấy là một ngọn đồi để nằm dài trên ấy.*

Sao có thể đuổi người ra dài đến thê ? nằm vắt qua cả một ngọn đồi ? Thê nhưng lúc này chàng cảm thấy có thê mới hả ! Chàng khao khát, ước ao một khoảng rộng, và sự khao khát phóng đại tâm vóc mình đến kích thước to lớn của thiên nhiên... Câu nói trong tiểu thuyết và sự ước ao nọ ám ảnh chàng suốt một đoạn đường dài.

Tìm đâu ra một khoảng rộng ? Nếu Nguyên cố tránh căn phòng nhỏ hẹp của mình vào lúc chạng vạng tối, nếu chàng cố tránh những phố xá chật chội ồn ào, chàng sẽ gặp những buổi chiều thường gặp ở các công viên : quá bảy giờ, khói xanh tỏa lên, các tốp nhân công và người đi dạo lần lượt ra về hết... lá khô rơi đầy các thảm cỏ... những ngọn đèn điện đầu tiên bật sáng buồn bã giữa các tàn cây, giữa khói xanh buổi chiều... một người đàn ông ngồi muện ở góc băng xi-măng, chỗ vắng, thỉnh thoảng đưa tay lên đập đánh bép một con muỗi trên bắp chân, rồi xoa lần bàn tay trên mặt da xem con muỗi đã thực nát chưa... cứ chỉ bản tiện, thăm đạm...

Chàng sẽ càng ngao ngán về cảnh tiêu điều chẳng đi đến đâu.

Nguyên đi hết đoạn đường có cây giá tị, rẽ qua đường khác, hai bên toàn những cây dầu. Trái dầu rụng lặng lẽ mà rụng nhiều, khắp nơi, mỗi trái rụng xuống rơi thong thả, vừa rơi vừa xoay tít trong không khí. Trái rụng thì lặng lẽ mà cảnh rụng trái thực là linh động. Nguyên nhớ đến những hôm xem trái dầu bay trong gió ở Trảng bom : đây là loại cây dầu song-nàng, cây to lớn, cao nghiêng ngang nên gặp những hôm trời nổi gió lớn trái dầu khô của cả một rừng dầu mênh mông bị bứt từng mớ vung lên loạn xạ giữa trời, vừa rơi tỏa xuống vừa xoay tít mù, người xem cảm thấy nôn nao lo lắng trước một cảnh tượng hùng vĩ...

Chao ôi ! Nguyên thêm ước một ngọn đồi xanh rộng rãi.

*
* *

Chị Lê cũng thêm khát ước ao một khoảng không gian.

Người đàn ông buông lỏng vòng tay. Chị nhích ra. Chị nhích sát ra ngoài cửa xe. Cửa sau của xe tắc-xi hiệu Renault bõn ngựa chỉ có thể đẩy qua đẩy lại nửa tâm kính, không thê mở rộng, gió không lùa vào được nhiều. Chị áp trán rồi nghiêng mặt áp má sát vào tâm kính cửa để nghe cái mát của bên ngoài. Chị thò bàn tay ra ngoài, xê các ngón tay ra để cho gió lọt từng lọn qua kẽ ngón tay. Đường khuya vắng người, rộng thêm ra.

THĂM CHỊ BUỔI CHIỀU

Chị thềm hít cái hơi sương ngoài đường phò vào những giờ khuya khoắt, — một, hai giờ sáng — lúc chị rời khỏi tiệm, đi về nhà.

Đêm nay, trời vừa mưa một trận, đường còn ướt, không-khí hãy còn đậm ướt. Chị muốn nhòai người ra ngoài hứng đón cho cái không-khí ấy đập ngược vào mặt, tung vào tóc mình.

Chị nhích ra quá xa, bàn tay người đàn ông tuột rơi trên nệm xe và cứ nằm yên đấy. Chị thấm cảm ơn thái độ của người nhân tình. Anh ta tử tế mà không bao giờ vỗ vập. Một người con gái mới lớn sẽ tha hồ giận dỗi, về những lúc anh ta có vẻ hồ-hững, lơ đãng. Nhưng chị Lê thì chị thấy dễ chịu. Thỉnh thoảng, chị cần được người đàn ông bỏ quên trong chốc lát. Nếu không, chị cũng đến phải làm như cáo từ một người khách niềm nở, rút lui trong chốc lát vào cuộc sống riêng của mình. Một người vào tuổi chị, ở vào hoàn cảnh của chị, thường gặp nhiều phiền bận vì cuộc sống riêng quá.

Lần này không phải là lần đầu chị đi về nhà của người nhân tình, nhưng đêm nay anh ta vừa đề nghị với chị đến ở chung với anh ta ít lâu. Như thế cũng được chứ can gì? Anh ta rộng rãi, tính tình dễ chịu, độ lượng. Còn đời chị, đã biết mấy lần thay đổi... Một chuyện như vậy có nghĩa gì. Thế nhưng chị cũng lo lắng ngại ngùng.

Chị Lê nghĩ đến đêm tân hôn. Đêm khuya, đàn dơi tranh nhau ăn trái bàng ở sau vườn kêu lóe chóc, thỉnh thoảng một trái bàng rụng xuống đất kêu đánh « bịch », tiếng kêu đục đục. Ở trong phòng, chị lo lắng. Giờ phút chờ đợi kéo dài... Anh Khảo ngồi bên cửa sổ, hút thuốc lá, hăm thấp giọng xuống, nói ba điều bảy chuyện rồi ca vọng cổ. Anh ta ca nhỏ nhỏ. Nhưng chị biết chắc rằng mọi người trong nhà không khỏi lắng nghe. theo dõi tiếng hát ấy, theo tiếng hát ấy mà lần dò đến tận chuyện riêng của chị trong cái đêm trọng đại này. Sao anh ta không thể kín đáo hơn? Khuya rồi, anh ta vẫn ca vọng - cổ, thần-nhiên sung-sướng. Khảo cũng không vỗ vập. Có lúc anh ta xoắn-xuýt vì miếng ăn, như trẻ con ham những cái nhỏ nhặt, nhưng có lúc anh ta làm như người quá thạo đời, không để cho sự xúc-động ham muốn nào lay chuyển nổi. Đôi khi sự dềnh dang bất cần của anh ta tuy thiếu tế nhị mà nó uy hiếp chị, đối với chị nó có cái bí hiểm quyền rũ. Hết hát, anh Khảo quàng tay lên vai chị kể lại cho chị nghe về cửa hàng bán rượu, bán gạo, ngô, nếp, đậu xanh... của mẹ anh ta, về người chị què, về đám tang của ông nội xảy ra từ hồi anh ta lên chín tuổi : ông chết vào mùa mưa, trời mưa tầm tã suốt nửa tháng, lúc khiêng đi chôn, hai ba người phu khiêng đang trước cùng trượt chân ngã, quan tài ông cụ bị văng ra, chúi xuống ruộng, bao nhiêu đèn cầy cắm trên quan tài lăn xuống nước trôi lênh bênh v.v... (Sau đêm ấy chẳng bao giờ chị nghe anh

Khảo nhắc lại những chuyện lần thân này nữa).

Lúc nói nhiều, anh ta quên hãm thấp giọng, và nghiêng người đè nặng lên vai chị Lê khiến chị sụn người xuống, có cảm tưởng nếu là ban ngày thì trông mình sẽ có vẻ khổ sở lộ bịch. Chị e ngại quá, không dám nói gì ... Tiếng dơi cấn nhau như thề ở sau vườn vang vào phòng chị đèn rất khuya, thật khuya. Và sáng hôm sau, anh Khảo cứ nằm lý trong phòng mà ngủ trưa, ngủ đến hơn tám giờ sáng, anh ngủ tự do, không ngưng ngưng.

Cái cảm giác khổ sở lúng túng khi bị người chồng mới cưới quàng tay đè nặng lên hai vai cứ đeo đẳng mãi, lẫn lộn với cảm tưởng lo ngại khi lần đầu tiên chị nhận thấy thề nào là sự đè nặng của một cá tính đàn ông lên cuộc đời mình. . .

... Chị Lê nghĩ đến hôm chị bằng lòng đi về nhà Tại. Chiếc xe tắc-xi gặp một cái chợ xôm hợp tràn lan ra đèn giữa đường, người tài xế bỏ số một, đi rất chậm, và bóp còi liên tiếp. Người ta tránh miễn cưỡng. Chị có cảm tưởng đám đàn bà đang họp chợ lây làm bức dọc về chị, về một lý-do không chính đáng. Tại nghiêng mình nói vào tai chị, nhưng chị nghe không rõ, chỉ thỉnh thoảng chú ý đến mấy tiếng: « ... gần đến nơi rồi ... », và chị giật mình lo lắng. Tại lại cúi xuống nói. Chị mỉm cười, gật gật đầu, nhưng không còn có lời nào vào đến tâm trí chị nữa. Cả những tiếng Tại nói bên tai, tiếng còi xe pin pin, cả những gồng gánh vương trước đầu xe và sự

chậm chạp khó nhọc của chiếc xe đều làm chị khó chịu bức mình. Chị muốn thoát khỏi hết những cái đó. Chị muốn được yên thân một mình.

Xe đậu trước một căn nhà lâu. Cửa ở tầng dưới là một dãy cửa ván nhỏ cánh, có thể xếp vào nhau cho rộng chỗ : căn nhà đáng lẽ là một cửa hàng bày ra buôn bán rất tiện, nhưng lại đóng cửa kín mít giữa buổi chiều. Tại nắm tay lại, dầm vào cửa rầm rầm bốn năm cái, rồi dừng lại chờ, không nghe có tiếng động nào trong nhà. Chàng đặt chiếc va-li xuống hè, và trước khi dầm cửa lần nữa, chàng quay mặt lại nhìn chị mỉm cười, nụ cười dịu-dàng như muốn nói : « Nhà cửa anh thề đây » ! Có lẽ chàng chờ đợi chị mỉm cười đáp lại, nhưng chàng gặp một vẻ mặt nghiêm khắc bất ngờ. Chị Lê nhận thấy sự ngạc nhiên của chàng và chị ngoảnh qua phía khác.

Tại toan dầm cửa lần thứ ba thì cửa mở. Một người đàn ông chừng trên bốn mươi tuổi, vẻ đứng đắn khiêm tốn, chào hai người. Tại thân mật chào, rồi xách va li vội vàng đi vào không cần giới thiệu chị Lê. Người đàn ông không tò mò, thân nhiên đứng lại đóng cửa.

Chị theo Tại băng ngang qua gian phòng trồng trọt. Ra khỏi cửa sau, đến một khoảnh sân rộng, cuối sân là một bờ thành cao quá đầu người. Ở góc sân có ngôi nhà nhỏ lợp bằng tôn sơ sài. Một người đàn bà và hai đứa con gái nhỏ đang ngồi xúm xít ăn ốc trong gian nhà ấy.

Tại đưa chị trèo lên thang gác lộ thiên, dừng lại ở bậc thang cuối cùng, tháo mở sợi dây thép buộc ràng rít ở chỗ khuy cửa thay thế cho ổ khóa. Hai người bước vào. Cánh cửa đóng đập theo một tiếng mạnh. Chị dừng lại cau mày, cảm thấy bị xúc phạm. Chị quay lại xô bật cánh cửa ra, và liếc mắt ngó xuống ngôi nhà tôn nhỏ ở góc sân. Nhưng dưới nhà chỉ vọng lên một tiếng muông sắt khua trong soong, rồi im lặng. Chị không nhìn thấy được người đàn bà và mấy đứa bé trong bếp. Có lẽ những người ở trong ấy cũng không thể nhìn thấy chị.

Cánh cửa lại từ từ khép ập lại. Chị đưa tay lên chặn cánh cửa, tìm cái khuy để móc nó vào vách, nhưng cửa không có khuy. Trong lòng chị tự nhiên cuộn cuộn nổi lên một cơn giận. Cái cửa thiếu khuy như tỏ cáo một lỗi sống phi lý của Tại, đáng ghét đáng giận vô cùng.

Chị đảo mắt tìm một hòn sạn, một miếng dăm để chêm vào dưới cánh cửa cho nó bị kẹt không khép vào được. Nhưng tìm mãi không có cái gì, chị bỏ tay, mặc kệ cho cánh cửa lại ập vào. Tiếng kêu vang lớn trong khoảnh sân vắng vẻ.

Trước khi tiến sâu vào, chị đứng im một lát, đưa mắt nhìn bao quát gian phòng mà chị sẽ sống với Tại, như quang cảnh này có thể cho chị một ý niệm về cái tương lai đang chờ đợi mình. Tầng lầu rộng và trống trải, có một vẻ bừa bãi khác lạ, làm cho chị bỡ ngỡ, lo sợ. Chị đuổi sức, đảo mắt

cầu cứu, tìm vu vơ một chỗ nương tựa, bầu vùi.

Chị nghe tiếng chân Tại khua phía sau tấm màn xa-tanh lớn màu trắng buông từ trên trần nhà xuống làm vách ngăn buồng ngủ. Sàn lầu lót bằng ván, tiếng giày của Tại lộp cộp rền to quá. Chị nghe tiếng giày của người đàn ông vang to, như một thái độ thiếu tế nhị, vô tình, bên cạnh những xúc động của mình. Chị càng giận người nhân tình.

Tự nhiên tiếng chân của Tại ngừng lại, hình như chàng đã đoán được ý nghĩ của chị và đang e ngại nghe ngóng. Sự im lặng thình lình trên sàn gác dội mạnh vào sự chú ý của hai người, cả hai đều cảm thấy một bất thường rõ rệt. Tại lên tiếng gọi : « Em » Chị nghe được trong tiếng kêu nhỏ ấy một vẻ ngạc nhiên lo ngại. Chị cúi đầu xuống, cắn lầy môi trên, không đáp lại. Chị bước thong thả vào buồng.

Tiếng guốc của chị một mình khua lên những âm thanh chắc chắn, dè dặt. Bất giác Tại cũng giữ hoàn toàn im lặng.

Lúc chị bước vào thì mắt chị gặp ngay mắt người yêu ngược lên chờ đợi. Chị thấy hơi nóng bừng lên mặt, như là vừa trả lời ưng thuận một lần chót. Những cảm xúc lộn xộn, vừa hồ thẹn, giận dữ, phản đối, vừa sung sướng bỗng bột cùng ứa đến một lúc. Chị vờ tìm chỗ cất cái nón, ngó loanh quanh.

Tại đứng dậy, bước ra khỏi phòng vừa đi vừa nói : « Chờ rồi em cũng

xuống rửa mặt cho mát ». Chị không trả lời, thậm cảm ơn sự lánh mặt khéo léo của chàng.

Chị đứng trong cửa sổ nhìn xuống. Năng chiếu chói sáng trên mặt đường dầu lóa cả mắt. Tiếng ồn ào dưới chợ vẳng lên, người đi lộn xộn, những mảnh lá chuối bản nhóp vút bừa bãi, những vũng nước tạt lèm nhèm, mùi tanh của cá thịt phất lên... Một cảnh chợ ở đâu đời với đàn bà cũng là một cảnh quen thuộc. Chị nhớ lại cuộc sống của nhiều năm đã qua. Ở chỗ quận lỵ của chị, chỗ mà anh Khảo làm công an, chợ cũng họp chiều, tất cả các buổi chiều. Và khi chị hay thím Ngãi đi chợ về thì thường thường nhà chị Thạch cũng vừa tắm xong cho lũ con, thả chúng nó ra đứng trước hè lộ nhỏ. Gia đình chị Thạch có tám đứa con, đẻ liên tiếp năm một. Sự săn sóc một đàn con như vậy bắt buộc người mẹ phải có một vài sáng kiến hợp lý hóa công việc; ăn cơm thì mỗi đứa lớn chăm nom mỗi đứa nhỏ, áo quần thì may một loạt, một kiểu, tắm rửa thì tất cả tám đứa một lần. Trước hiên vợ chồng Thạch rào ngăn lại, cầm đàn con không được vượt ra khỏi giới hạn đó để khỏi sợ tai nạn xe cộ. Và mỗi chiều, khi chị Lê hay thím Ngãi đi chợ về thì tám đứa trẻ ấy ăn mặc sạch sẽ, đứa đứng đứa ngồi, bầu vào những thanh gỗ hàng rào như trong một cái chuồng thưa song.

Trời chiều một chút nữa, Triêm ăn cơm xong, bỗng con đi dạo lơ ngơ từ đầu phố tới cuối phố. Triêm còn

trẻ, nhưng người ta gọi chàng bằng ông; và người già gọi chàng là « tú Triêm », vì chỉ có [mình] chàng có bằng tú tài ở chỗ quận lỵ. Chàng lạc loài, cô độc, rụt rè, không kết giao với ai, chiều chiều đi làm về, thay đồ py-gia-ma, bỗng con đi lóm thóm trước dãy phố như không trông thấy ai, như ôm riêng cái hạnh phúc của mình đi bơ vơ đui điếc giữa mọi người. Mắt chàng không dám nhìn ai cả, sau cặp kính cận thị. Chị biết « ông tú » đó rất hiền lành, lén lút mê chị, và mỗi lần chị đón lại hỏi đến đứa con thì « ông tú » lúng túng vụng về khờ dại.

Khi chợ tan thì người thợ hớt tóc ở sát bên cạnh nhà chị cũng thu dọn đồ đạc, cất vào một chiếc va ly đóng bằng gỗ, vỏ bọc bên ngoài đan bằng mây, đem va ly ấy gởi bên nhà chị, rồi ra về... Những cái đó, những kỷ niệm đó chị có cảm tưởng chúng nó như là... vừa xúng với cuộc sống của chị. Còn cảnh chợ búa ở đây... năng chiều ở đây chói chang, xa lạ.

Chị cởi áo dài ra, tìm quanh quần rồi đành vắt lên cái đinh mà Tại dùng treo cà vạt. Chị mặc vào chiếc áo cụt màu hồng nhạt; tay chị đang gài nút bỗng vấp phải một cái khuy quá chặt. Chị dừng lại, cúi xuống nhìn; giữa hàng nút đỏ xen vào một hột nút trắng lớn hơn bằng rưỡi. Tuần trước cái bàn ủi đầy quá tay đã làm đứt của chị một hột nút áo, cháu Ngân lượm chơi và quăng mất trên mái ngói nhà bên cạnh. Những chuyện nhỏ nhặt ấy đuổi theo chị đến tận nơi này.

THĂM CHỊ BUỔI CHIỀU

Chị vuốt tay từ trên ngực xuống đến bụng, rồi lại nhìn xuống áo: hột nút trắng vẫn trắng trẻo nhìn chị. Chị đau nhói trong lòng. Tự nhiên chị cảm thấy mình đã đi xa quá, chị bơ vơ quá.

Tại bước nhanh lên thang lầu đi thẳng vào phòng, vui vẻ như có điều gì muốn nói ngay với chị. Nhưng trông thấy chị, chàng ngừng lại, nghèo đầu chải tóc, thỉnh thoảng liếc mắt nhìn trộm chị. Nhiều giọt nước còn đọng trên cánh tay, trên cổ chàng, trên ngực, giữa cổ áo chàng... Nước lạnh mới tắm xong làm cho chàng tươi tỉnh, trông trẻ thêm ra. Chàng tiến đến đứng bên cạnh chị, và cái sinh lực, cái vẻ khoẻ khoắn sung sướng phô bày tràn trề trên người chàng làm cho chị bất giác lo sợ.

Tại ái ngại: « Em có chuyện gì? » Chị không nói được. Câu hỏi đó gợi sự khổ sở của chị gập thành hình. Chị muốn tuôn ra khóc.

Tại ném nhẹ cái lược lên mặt bàn, thân mật ngồi xuống bên cạnh chị. Có phải sự gần gũi đó làm cho chàng thỉnh thoảng thông cảm được tâm trạng của chị? hay có phải vì chàng vốn thành thạo tâm lý đàn bà? Chàng nắm lấy bàn tay chị nhẹ nhàng và nói.

— Hồi anh còn nhỏ, gia đình có lần thay đổi chỗ ở. Hôm dọn đến nhà mới, lúc ba má anh giăng cái võng ra mỗi người cầm mỗi đầu để cột vào móc, má anh vùng mũi lòng, ngồi khóc. Lúc sửa soạn chỗ ăn chỗ nằm người ta chợt nhớ tới cái chỗ ở đã bao

nhiều lâu vừa rời bỏ, mặc dù không làm điều gì quày...

Chị không cầm được nữa, bật lên tiếng khóc. Tại ngừng nói, quay lại, đặt tay lên hai vai người yêu, kéo chị xoay người áp mặt vào ngực mình. Sự tiếp xúc thỉnh thoảng đánh tan cảm tưởng lo ngại, mà đem lại cho chị sự yên tĩnh. Tuy nhiên, chị vẫn còn khóc, để cho nước mắt mỗi lúc mỗi làm cho mình êm dịu lần lần. Bây giờ thì chị đã có cái gì để nương tựa.

Chị nghĩ đến câu nói của Tại. Chị nhớ đến mẹ, và nhớ một thói quen của mình hồi nhỏ. Mãi đến khi lên năm lên bảy tuổi, đi dạo chơi với người lớn chị vẫn luôn luôn nắm tay người lớn để được dắt đi. Quen như thế; nhiều lúc không cô ý, tự nhiên tay chị cũng đưa lên chơi với tim bàn tay người lớn. Nhưng hôm mẹ bóng em thì chị phải nắm lấy một chéo áo của mẹ. Nắm nhẹ nhẹ, vì mỗi lần chéo áo chẳng mạnh ra, mẹ lại la rầy hay giật đi. Mẹ chị đâm ngỡ ngàng giữa chỗ đông người về cái cảnh tượng một người đàn bà đi giữa đường có đứa trẻ nâng cao tà áo lên. — Chị tìm sự nâng đỡ gì trong cử chỉ ấy? Đứa bé không tìm gì cả, nhưng bỏ bàn tay hay chéo áo ra nó thấy bơ vơ lo sợ. Dầu không hề để ý đến mẹ nó, dù vừa đi vừa ngoảnh nhìn con vẹt bơi giữa hồ sen, con châu chấu đậu trên lá cây sậy, con sáo kêu lớn trên cành cây bàng v.v. đứa bé vẫn cần tay nó không rời mắt chéo áo mẹ. Bây giờ, khôn lớn, chị vẫn còn cái lo ngại vẫn vơ đó. Chị không dám buông thả chéo áo thành

kiến của xã-hội. Rồi bỏ một thói quen, rồi bỏ cuộc sống trong phép tắc được dư luận thừa nhận để tìm theo hạnh phúc của mình, chị tự thấy hoảng hốt bơ vơ quá. Tay chị quờ quạng chơi với sờ kiếm sự nâng đỡ, sờ kiếm một chéo áo.

Một bàn tay của Tại vuốt trên đầu chị. Tại thương chị, nhưng không cùng xúc động vì cái có đã khiến chị xúc động. Chàng tỉnh táo, đứng ngoài sự xao động của người yêu. Vì thế, dần dần chính chàng cảm thấy cứ chỉ ôm ấp của mình có vẻ giả tạo, càng kéo dài càng làm cho chàng lúng túng. Chàng đi lạc dần ra xa sự xúc cảm của chị.

Chị nhận thấy vòng tay của người yêu xung quanh chị nói lỏng ra, tay chàng mềm đi. Rồi mấy ngón tay đang bầu vào vai chị đã thả ra tự lúc nào, bắt đầu gõ nhịp nhẹ nhàng xuống lưng chị như gõ lên mặt kính hay mặt bàn trong lúc bàn tay kia vẫn tiếp tục vuốt tóc chị một cách thờ ơ. Chị yên lặng, qua vai người yêu, mắt chị nhìn xuống chiếc chiếu bông cũ kỹ trên giường, phân vân giữa nhiều ý tưởng lộn xộn không chịu thành hình trong trí.

Bỗng chị nghe vang lên một tiếng « bộp » trên bức vách, một tiếng kêu bộp rỗng, khô khan. Chị ngược mắt trông lên, gặp một tờ lịch lớn bị gió phất đánh vào bià, tờ lịch của một hãng sản-xuất vỏ ruột xe hơi Nhật-Bản, vẽ hình hai cô gái đẹp bên bờ bể. Tiếng tờ lịch tăng thêm cảm tưởng

an toàn yên tĩnh xung quanh hai người trong gian phòng vắng vẻ...

Đêm ấy có trăng. Lúc Tại ghé lại nằm, chị ngoảnh mặt tránh qua phía cửa sổ, nhìn ra ngoài trời. Trong đêm khuya im lặng, chị nghe tiếng xè xè của bình điện cọ vào bánh xe của một chiếc xe đạp lẻ loi nào lướt đi vội vã dưới đường. Chị lắng tai theo tiếng xè xè đang mất hút về phía cuối đường, chị cố gắng, cố hướng tai đuổi theo, như bầu vịu tuyệt vọng lầy cơ hội cứu thoát cuối cùng..., nhưng muộn rồi: chị chợt rùng mình... Lần đầu tiên chị ngoại tình.

Qua vai người đàn ông, chị nhìn theo ngôi sao lợt lạt nháy trên trời cao thăm thẳm và sáng mênh mông. Và một vạt mây đùn lên như hình một người rạp mình cưỡi trên con ngựa đang phi, đầu tóc người kỵ sĩ nổi lên một cái bờm cao. Người ngựa lạng lẽ trôi nhanh giữa vòm trời...

Một lúc sau, Tại ngồi dậy, ở mép giường, dựa lưng vào vách. Chàng đánh một que diêm châm thuốc hút, rồi mân mê lơ đãng bao diêm rỗng trong tay. Một lát, chàng vứt bao diêm xuống sàn nhà. Chị nghe một tiếng kêu nhỏ, lại một tiếng rỗng và khô, gọn gàng.

Gian phòng lại trở về với sự yên tĩnh hoàn toàn. Chị vẫn nằm im, hé mắt theo dõi cử chỉ của người yêu. Chị nghĩ thầm! « Anh ấy hút thuốc và thu mình lại, yên lặng. Còn người chồng của mình thì mỗi lần sau đó cũng đốt một điều thuốc, nhưng lại ậm ề cựa quậy, loay hoay, cử động

THĂM CHỊ BUỔI CHIỀU

vô ích, làu nhàu, gắt gồng vu vơ... » Từ trước tới bây giờ chị chỉ biết có một người đàn ông, những thói quen nhỏ nhặt của một người đàn ông khác như mở ra cho chị một thế giới mới. Chị e dè, ngập ngừng trước ngưỡng cửa một cuộc đời mới. Chị có cảm tưởng mình nép sát xuống, và sẽ lén âm thầm theo dõi Tại, nhìn theo khói thuốc chàng thờ ra bay tỏa tan lịm trong ánh trăng, nhìn mái tóc chàng, rình rập sự im lặng khó hiểu của chàng... Chị quan sát Tại như lần mò sờ sẫm thám hiểm một hiện tượng, trong lòng hơi phập phồng một hoang mang nhẹ nhàng khó tả.

Chị nằm im nghiêng mắt nhìn một nửa đầu Tại in đen trên nền trời ngoài khung cửa sổ. Sau cái đầu ấy, đám mây hình người kỳ sĩ rã lãn ra, bờm tóc tước mỏng bay tới bởi, chiếc cằm và mũi và tay nhều dài ra, rã rời, trôi đi thành từng vệt trắng dài. Trời sáng trước mắt chị rộng quá ! rộng quá ! Có tiếng cửa nhà ai đập vu vơ trong đêm trăng, giữa cái hoang mang chơi vơi...

... Chị Lê nghĩ thầm : « Người chồng của mình đột một điều thuốc, rồi trần trố, ậm ề, cựa quậy, loay hoay, cử động vô ích, làu nhàu, gắt gồng vu vơ. Anh ấy thì cũng hút một điều thuốc, nhưng thu mình lại yên lặng, lờ đờ... Còn người đàn ông này, người hiện cùng ngồi một chiếc tắc xi với chị, tay buông lỏng vừa rơi trên đệm xe, người này thì mỗi lần như thế lặng lẽ đi tìm cái ly hợp vài ba hợp nước, rồi trở lại nằm yên... » Những

người đàn ông ấy, họ không thể biết nhau đến như thế ; họ giận nhau, họ giận chị vì chị đã thấy tất cả mỗi người trong bọn họ. Nhưng nếu họ thật biết chị, thì hẳn là họ không có gì để oán hận. Chị có cảm tưởng thân phận mình là một cái gì quá mong manh, hết sức mong manh. Một thói quen không đâu trong sự sinh hoạt thân mật của một người đàn ông, một vài chi tiết nhỏ nhặt trên thân thể một người đàn ông, cũng làm chị bối ngỡ, phân vân, e sợ vẩn vơ, như là lo ngại trước một chân trời lạ, trước định mệnh của mình. Biết bao nhiêu lần chị cố tránh mắt không muốn ngó đến những bàn chân lỏa lổ của họ, nhưng vẫn bị chúng thu hút, chị vẫn nhìn như phải tò mò thám hiểm một cái gì có quan hệ đến đời mình : thật là vô duyên cái cảnh tượng trơ trẽn của những bàn chân rút ra khỏi tất của họ : có những ngón chân rạc rời ngo ngác, có những khổ bàn chân nhu nhược, những tướng bàn chân hung tợn, có những ngón chân ngắn ngắn và nép khít lại bên nhau, khít chặt lại trông dề ghét như một thái độ rút rè cần tác quá đáng, những ngón chân ấy mà bám riết xuống mặt guốc !

Người đàn ông bên cạnh chị vừa đề nghị chị đến chung sống với anh ta ít lâu. Chị thờ ra một hơi dài. Chị muốn được khỏi nghĩ tới chuyện ấy nữa... muốn ngoảnh mặt đi. Chị đâu có muốn trông thấy... nhưng rồi chị sẽ bận bịu vì những điều thân mật nhỏ nhặt của anh ta... Ừ chà ! chị muốn được khỏi nghĩ đến gì hết, chỉ muốn phơi mặt hứng lấy cái gió mạnh

lông lộng mát mẻ của đêm khuya đập tới bời vào mặt mình.

Đàn ông, ôi chao, những người đàn ông! Có người nhìn chăm chăm vào mắt chị lúc ấy, có người đưa tay sờ nắn thăm dò. Họ rình xem từng phản ứng trên nét mặt, trên từng sợi thịt của người chị. Có người dùng sức mạnh mẽ và hơi thở của chị bị cắt đứt hực hực... Họ tìm cách kích thích, và họ muốn thưởng thức sức mạnh của họ, tác động cuồng bạo của họ, kỳ công hoạt động của họ, họ muốn bắt gặp, trông thấy sự hung hăng của họ... Họ muốn xông xáo vào những phản ứng thân mật của đàn bà, họ khoái trá trong sự xâm nhập tàn nhẫn, khai phá tung hoành, phá vỡ những bí mật ấy. Và sau cùng, có người theo dõi lúc chị mặc đồ vào với cái nhìn không thể chịu được... Thật nản!

Thế mà người đàn ông bên cạnh chị vừa đề nghị chị đến chung sống với anh ta ít lâu. Đề nghị chị phải chú ý đến anh ta hơn mọi người khác, trong ít lâu phải quan tâm, phải làm quan trọng sự ăn ở với anh ta...

Chiếc xe hãm tốc độ. Gió không còn lọt từng lọn qua kẽ tay nữa. Chị xoay người tìm khuôn mặt người đàn ông ấy. Chiếc xe ngừng hẳn. Anh ta đưa tay vòng qua người chị, mở cánh cửa xe. Chị Lê bước xuống. Người đàn ông còn chờ tài xế trả lui mấy đồng bạc. Ánh sáng của hai chiếc đèn pha chiếu vào những giọt mưa nhỏ lác rác, li ti, chiếu xuống mặt đường đầy những xác trái dẫu.

Chiếc xe rồ máy, quay đầu, quét một vòng sáng lên quãng đường la liệt những trái dẫu. Chị Lê theo sau người đàn ông, đi qua một khoảnh sân nhỏ, chân chị đạp gãy những cánh trái dẫu vênh cong lên. Và khi người đàn ông ấy bật ngọn đèn trước nhà thì chị thấy trên thềm nhà, trên các bậc cấp, đâu đó đều có trái dẫu nằm la liệt, bết xuống đất vì nước lép xép của cơn mưa vừa qua. Có lẽ không có giờ nào trong ngày mà trái dẫu nằm nhiều như vào lúc này, lúc chị đi làm về: suốt ngày chúng rơi, rơi, đổ xuống tả tơi trong sự hoạt động của thành phố, cho đến khuya chúng chống chọi đầy đường, rồi chốc nữa đây, khi số lượng chúng đã tới độ tối đa thì những người phu dọn đường đi quét dọn một loạt, đưa chúng ra ngoài thành phố.

Trong khi chị bước chân vào nhà thì trí chị víu lấy những trái dẫu, như trước kia có một lần tại chị đã đuổi vói theo tiếng xè xè của một bình điện xe đạp. Chị nhớ những trái dẫu đã rơi trên những nẻo đường quen thuộc của chị trong đô thành: Pasteur, Công-Lý, công viên Tao-đàn, bà Huyện Thanh Quan..., những trái dẫu mỗi chiều rơi trước cửa các phòng trà, tiệm nháy mà chị vừa bước chân tới, những trái dẫu mỗi sáng mội chị thức dậy trưa, rơi chạm vào cửa sổ, những trái dẫu của những ngày chị đau yếu nằm nhà, những trái dẫu khê gõ nhẹ nhàng ngoài cửa hoặc bay lọt vào tận trong phòng khiến chị nằm hiu hiu buồn, nhớ Sài Gòn mênh mang, nhớ đường nhựa rộng, nhớ cuộc

THĂM CHỊ BUỔI CHIỀU

sông rạo rực ... Chúng thành ra những kỷ niệm thâm thiết. Những trái dẫu vừa rơi vừa xoay tit hai cái cánh mỏng dính, rất xinh, có những trái lớn trông như những cái kiện lông gà, có những trái rụng héo, nhỏ như những con bướm con... Những buổi trời vừa mới tối, sau cơn mưa giông ngắn của tháng tư tháng năm, chị đến chỗ làm, bước vào sân, thấy chúng bị gió mưa thổi rụng nằm la liệt trên những vũng nước lếp nhếp, mặt hẳn cái dáng linh động của lúc bay lặn tăn giữa trời, trông tội nghiệp như những sinh vật, như những con phù du bị sa bết xuống chiến. Không, chúng lớn hơn phù du, chúng giống như... như những con mồi cánh! Con mồi cánh của những câu hát nhảm nhí:

*Vui ta la vui mừng vui mừng vui!
Mừng ta la mừng mừng mừng!*

Chị đỏ mặt như bị động chạm vào cái nết hay xấu hổ của người đàn bà. Trời ơi là kỷ niệm!

Người đàn ông vừa tắt ngọn đèn lớn, bật sáng ngọn đèn nhỏ ở cái bàn phía trên đầu giường, ngọn đèn có cái tán bằng giấy vẽ những con cá vàng rực rỡ những đuôi và vây to lớn... Gian phòng bỗng như ngọt ngọt. Chị Lê muốn thở ra được một hơi dài mệnh mang như hơi gió mát thổi trong đêm, chị ước mình sông được cái kích thước của gió rộng, thoát được ra khỏi cái ngọt ngọt của gian phòng, thoát lên khỏi những ràng buộc phiền toái không đâu của cuộc sống, thoát lên khỏi những phiền hà sâu bọ của cuộc đời, tỉ mỉ nhằng nhịt như những hạt mưa đêm. Thật nản lòng.

VÕ-PHIẾN

(trích Về Đâu)

Phiêu hành

— LÊ-ĐÌNH-PHẠM-PHÚ —

★ con tàu buồn xa vắng
bên hải đảo chơ-vơ
sóng cũng thành trầm lặng
mây thấp trời hững hờ

★ người thủy thủ trên
« boong »
vọng tưởng đến thôn làng
nơi có đàn hải điều
đan nét buồn mệnh mang

★ con tàu vù nhả khói
hoang đảo mờ hiện ra
hải khách nhìn hoang đảo
lời ca trầm lan xa

★ con tàu đi đi mãi
cho những chuyến hải hành
trời, gió, mây..., quện mãi
người trai vui tóc xanh

L. Đ. P. P.
(vĩnh điện)

Hình ảnh của mẹ

luân - hoán

Thương mến gửi chị Hoàng-Thị-Liêm
HỘI-AN

Lần nhớ mẹ là lần vào thăm chị
đăm đăm nhìn mái tóc phủ mù sương
nét hiền dịu pha ít nhiều qui phái
còn hiện sâu trong đôi mắt đẹp buồn
bàn tay nhăn chị mang dòng nước nhỏ
mát lòng em ngọt hồn mẹ muôn đời
lời âu-yếm ấm vui từng nếp áo
bọc quanh người em thấy bột mỡ xôi
nặng chiều xuống chín vàng như bếp lửa
chị vo tròn hạt gạo chiu tình thương
nồi cơm đó thơm ngon dòng sữa mẹ
nuôi lớn em vào đời lắm gió sương
thân chồng chất tuổi trời còn vụng dại
làm cách nào để chị hiểu lòng em
nếu khóc được cho nước thành thác lũ
chết đuối hồn mang tình chị nồng thêm
bóng tối ngã mừng giăng đầy tâm sự
giường lạc loài thương nỗi nhớ mong-mênh
em nằm đó nghe chị cười theo giấc ngủ
tưởng mẹ về hôn nhẹ xuống thân em

L. H.



Vết tích

— HOÀNG-KHANH —

Với thánng ngày dài như rừng núi
Với linh hồn lạnh như súng gươm
Tôi nhìn gã tiểu phu bỏ củi
-Tiếng rìu kêu chát chúa tâm hồn

Những đêm buồn đời vì sao lạc
 Tai văng nghe tiếng vợ n trên ngàn
 Ngày mai quân vào vậy đất giặc
 Khi núi đường xa ướt ngụy hàn
 Chiến trận mở dần vào núi biếc
 Rừng sâu đầy vết tích đao binh
 Ba năm chinh chiến đi biển biệt
 Đêm chợt chiêm bao cảnh thái bình
 Chiều đã phai dần trên núi đỏ
 Đèo cao nối tiếp những đèo cao
 Đường xa nặng trĩu niềm cô lữ
 Sáu chiến chinh đầy như ánh sao
 Với tháng ngày buồn như rừng núi
 Với linh hồn tanh như súng, gươm
 Tiếng súng ròn tan như bỏ củi
 Người ơi! Sáu nát cả tâm hồn

63 H. K.



Chúng nó thương nhau từ mười sáu tuổi
 Như cánh đồng mở rộng đón phù sa.
 Tình thơ ấu quyến nhau tìm an ủi
 Nhớ sớm, thương chiều, mây ngũ đứng lân la
 Tuổi hăm một, hăm thi hành quân dịch
 Và người yêu đôi chín ngóng bơ vơ
 Mây lời phở còn khắc lời ly biệt :
 — « Thôi, anh đi ! » — « Mặc năm tháng, em chờ ! »
 Nhưng loạn lạc, có gì là vĩnh viễn
 Biết bao nhiêu thành quách ngã, điêu tàn.
 Nên lời hứa mỏng manh đầu bọt biển
 Mà ân-tình vụt đổi với thời gian.
 Mãn công tác, hăm trở về xóm cũ
 Niềm vui chung lắng xuống giữa buồn riêng
 Người con gái bây giờ là thiếu phụ
 Ấm con nhìn anh linh trẻ qua hiên.
 Một buổi sáng qua nhà, nghe tiếng hát
 — « À à ơi, nín ngủ, bé Hương ngoan ».
 Hăm đứng sững với môi buồn man mác
 Ai đem tên của hăm tặng con nàng !

NGUYỄN-NGÃ

THỜ DÀI

t ú y - h ò n g

NẾU bọn học trò hiểu mình thì những bài luận văn của chúng đừng kéo dài ra nữa. Lớp đệ-thất mà hầu hết bài nào cũng giảng đầy bốn trang giấy học-trò. Nói mãi là thời buổi bây giờ con người chỉ chuộng những thứ văn chương ngắn, ngắn mà chúng không tin. Những câu què, câu gậy mình vừa gạch vừa rên, thêm mấy cái lỗi chính tả nữa, thật là ngứa ngáy khó chịu.

Tôi tưởng là mình cao tay ấn lăm rồi khi trị chúng, nói với chúng như thế này :

— Thân-Trọng-Khanh ! Cô dặn mấy lần rồi mà suốt bài luận chỉ đếm được hai cái chấm, thật là một bài văn nghệt thờ, thác loạn. Đây này, các em nghe một câu văn, chỉ một câu thôi. Viêm ! đứng lên bịt mũi Khanh lại. Tất cả lớp hãy nín thờ, cô nín thờ với các em. Khanh hãy đọc to lên, không cho thờ, nếu đọc dứt

câu mà chúng ta nín thờ được thì lần sau được tiếp tục viết dài...

Xấp luận dày bằng cả công-phu và lương tâm nhà giáo, chấm lai-rai cả tuần. Thật là đau mắt, nhức đầu, mỏi lưng, chán đời. Tôi xếp tên những học-trò yêu xuống cuối xếp để nín mình ngồi chấm lâu hơn như hồi còn bé thường chôn những miếng ăn ngon trong đáy chén.

Trên trời trăng tròn một vòng, đẹp và trong như học-trò tôi thường tả trong bài luận. Muỗi chích rất hai bàn chân nhét dưới gầm bàn. Tôi chịu khó chấm cho đến bài của Quốc-Viêm.

Bài của Viêm lạc đề. Ý-tưởng của hắn tung-tăng chạy chơi ngoài đề-tài. Cô giáo bảo « hãy tả một cơn mưa dông và nói cảm tưởng » mà hắn gạt cả mưa gió ra ngoài hết tuy bài làm có go ngắn lại !

« Trời đang nắng chói, cây cối đứng sững ra như nghe bài hát suy-tôn. Bỗng dưng mây đen từ mùa đông năm ngoái trở về trộn xám bầu trời. Gió ào-ào nổi lên hất tung cát bụi vào mắt... Rồi mưa.

« Trong nhà, em vừa vẽ tranh tô màu vừa nhìn xa gần. Em cảm thấy buồn hình như có vài giọt mưa đang khóc nhẹ trong lòng em. Bỗng từ ngoài ngõ, một cô gái nhỏ, nhỏ bằng em gái của em, cúi đầu chạy vào đụt mưa dưới mái hiên. Nàng đứng cách em không đầy hai thước. Đầu tóc búp bê Nhật-Bản vươn ngoài cửa sổ. Em nảy ra ý vẽ một đầu tóc con gái nhỏ. Cô kiểu mẫu đang nồn-nao nhìn từng giọt mưa. Em hòa ba ly nước màu : màu tím, màu đỏ, màu nâu ... rồi vung tay, chấm phá. Càng vẽ càng lúng túng. Vẽ tay vẽ chân thì rất dễ. Cái đầu người ta không thể cắt ra được mà đặt lên giấy để đồ. Em cứ ham-hổ vẽ nhưng càng vẽ càng tức. Nổi xung, em xếp hết giấy tờ lại, đập hai tay xuống bàn thật mạnh và hét tướng :

— Ta thèm muốn một cái đầu con gái.

« Đầu tóc hung nhỏ quay ngay lại, hai hạt mắt đen nhân lồng cuống quýt chạy tròn và chụp nhìn em rồi đậu trên những ly nước màu. Vụt một cái cô em phóng thân ra ngoài trời mưa như con sẻ non. Em ngẩn-ngờ tìm hiểu. Thôi chết ! Cô bé nghe lời nói tàn-bạo của em rồi hốt hoảng nhận lầm ba ly nước màu ra những thứ khác. Cô em dám cho rằng ly nước màu tím là thuốc độc, ly nước đỏ, là màu máu, máu nóng và ly màu nâu phải là ly rượu. Chắc nàng yên trí rằng em đang say, say rượu, say máu và say giết. Có thể mới bỏ

em mà chạy chửi. Gan đàn bà ! Đàn bà ai cũng tội cả !

« Mưa tạnh. Em vội chạy ra vườn xem lại cảnh vật. Mọi thứ đều tươi mát vì mới tẩm. Một con rắn mới thấy tạnh mưa mò đi kiếm ăn dưới gốc thanh trà. Bỗng lão mèo đen xông ra chực vồ. Em hoảng hốt lấy đá ném mèo giải thoát cho rắn mới. Rắn thoát chết chạy về hướng đông-nam để em đứng tần-ngần mơ-màng những chuyện trả ân huyên-bí...»

Tôi thở thật kêu. Không biết ngả nào mà cho điểm nữa. Thật là ly-kỳ hấp-dẫn. Thường ngày Viêm viết được, lâu lâu mới điên lên một lần ; hẳn biết mình hay cười.

Hắn biết tính mình hay cười.

Bài luận của Quốc-Viêm là con người của hắn. Nhìn Viêm ngồi nghe giảng bài tôi thương hắn triệt để. Hai mắt xoay đủ mọi chiều, hẳn còn nghe bằng mắt và bằng đầu. Nhìn hai lỗ tâm-hồn ấy, mình dò được lối diễn-xuất của mình có vào sâu tầm hiểu biết của học-sinh không ? Mỗi lần tan lớp, Viêm tiễn tôi ra cửa bằng hai hạt mắt đen quyến-luyến. Đã bao lần, hai chấm sao nhỏ ấy chong sáng một thời quá-vãng của tôi. Tôi thấy lại cái nhìn của anh Khôi, tôi gặp lại lũ bạn vui nhộn.

* *

Anh Khôi ! Hễ em ngồi lâu thì tê một chân. Mỗi lần như thế, em ngồi dè lên bàn chân khốn-khổ ấy sợ máu đi qua đau đớn thấu gân, da, thịt. Nhưng anh lại rút chân em ra thật dài, anh lấy tay vỗ nhẹ vào bàn chân và vuốt từ đầu gối trở xuống. Bàn tay anh đẩy máu di-chuyển đều hòa

trong thân-thể em. Em nhăn-nhúm mặt lại để anh đau đớn với em.

Anh Khôi chần giắt một bầy em nhỏ. Nhưng ngày tản-cư sống không biết sợ. Đạn reo veo-veo nhưng không một viên nào đến gần chúng tôi cả. Tây đồ bộ là công việc của họ, không can-dự chi đến phần vui của chúng tôi cả. Chú tôi có rủ thêm mấy gia-đình bạn về lánh-nạn ở nhà thờ. Bảy tám gia-đình sống chung dồn được một bầy trẻ nhỏ. Tôi mười sáu tuổi chần nhưng vẫn còn nguyên con nít dại khờ, suốt ngày rong chơi phờ-phạc cả người, quên nhìn xuống bộ ngực đã trưởng thành. Các cha mẹ sợ con em thất học nên rước anh Khôi về dạy chữ, dạy hát và làm trọng-tài cho những xích-mích gây gỗ tuổi thơ. Thầy giáo dạy học và dỗ em nhỏ. Gần ba chục trẻ, nhưng lớp võ-lòng anh Khôi lãnh thêm phần việc vú em. Chúng tôi bám lưng anh sát nút, anh đặt ra nhiều câu chuyện đời xưa nay khiến lũ trẻ mê-man quên quấy rầy cha mẹ. Chính-phủ, hoàng-đế đều thua, anh Khôi là nhất hết cả. Anh bảo sau này tôi sẽ làm cô giáo nên thường buộc tôi phải đứng lên giữa sân tìm nghĩ một cái gì kể trước đám đông. Bao giờ tôi cũng kể chuyện đời xưa, chữ Quốc-ngữ người Pháp mới đặt ra sau này, nhưng trong chuyện đời xưa của tôi, con zéro có từ thuở trời đất còn gần nhau, có đường đi lên xuống xuyên qua những vòm mây năm màu. Ngọc-Hoàng muốn đem văn-hóa nhà Trời xuống trần-gian ngu-muội nên truyền Kim tinh xuống trần làm một thầy đồ dạy chữ nghĩa. Lúc ấy quả đất còn ở thời kỳ sơ khai, khí u uất ngày đêm xông lên mờ-mịt nên quỷ xú lẫn lộn với người ta. Thấy con người cấp sách đi học, lũ quỷ cũng bắt chước,

cũng lều chõng, cũng tráp sách; nhưng hoang hạng nhất là quỷ, chúng phá thầy, giỡn thầy, chọc bựa nhất là những anh khóa có vợ trẻ ở nhà. Ông thầy khổ-sở, đầu hàng lũ học trò du-đăng, ông khóc như mưa rào, trốn về Trời xin từ chức, vái tạ cái nghề đày-đọa tinh-thần đó. Trời muốn bỏ tù ông hay đày ông hóa thành con vật chi cũng được nhưng đừng sai ông gõ đầu quỷ. Trời bổi rồi. Thái-bạch châu bên cạnh mau miệng tâu xin cho nhà giáo một món bửu-bối. Đó là một cái vòng sắt trăm màu hấp-thụ tinh-khí âm-dương, ngày đêm đun trong lò bát quái của Thái-Thượng Lão-Quân, khi thầy niệm chú tung vòng sắt lên trời, bửu bối sẽ bay thẳng lên, tròng vào đầu quỷ sứ siết mạnh, thật mạnh, nhức nhối vô cùng, đau gấp mười chiếc vương miện trên đầu Tôn-Hành-Giả nữa. Bọn quỷ trâu lăm, thế mà cũng trở nên mềm, có kỷ luật và học-hành tiến-bộ trông thấy. Tuy nhiên đã là học trò thì làm sao khỏi vấp phải tội lỗi. Thỉnh thoảng vẫn còn vài kẻ chơi quấy bị chụp vòng sắt lên đầu. Nghiệm ra, nhiều khi chỉ vì một sơ xuất nhỏ nhặt nhưng đầu vẫn chịu cực hình y như kẻ trọng tội, nên một hôm toàn thể học sinh đồng qui xin thầy áp dụng luật, phân biệt tội nặng tội nhẹ để trừng trị cho cân xứng. Giáo sư mỉm lòng, định rằng từ nay hễ ai mà bê-bối thì phạt treo; thầy sẽ ghi vào sổ một vòng tròn làm dấu, đếm được nhiều vòng sẽ trị sau, vòng sắt sẽ chụp lên đầu... Kể từ ngày ấy, mọi ông thầy trên thế-gian đều bắt chước cái lệ ghi vào sổ điểm từng vòng, từng vòng mà ngày nay gọi là con số không.

Nhưng anh Khôi có một kẻ không phục; đó là Điều, 19 tuổi, lớn nhất bọn. Hắn bắt đầu luyện tập thân-thể i-ach, sáng nào cũng dậy sớm chạy bộ vài vòng quanh xóm làm bầy chó cao hứng đuổi theo sủa vang dậy. Ai cũng quở. Da dẻ Điều ăn nắng đen như bánh đường Quảng-Ngãi biệt hiệu hắn là « Điều đường đen ». Hắn hay làm quan-trọng như trên trái đất chỉ mình hắn là đáng kể. Tôi cứ nhõn-nhờ làm con nít cho hắn khinh. Điều là một chàng thi-sĩ nhưng hắn không bao giờ làm thơ ca tụng mẹ. Tôi phục người lớn, tôi thương những hộp phấn, những thỏi son, những chiếc kẹp giắt-tóc, và tôi cũng thương vẻ đẹp không son phấn của mẹ Điều, tám nhan sắc non bốn mươi, với hai con mắt trử-tình, vòng môi cong cong và không tái ngay cả những buổi sáng mai ngủ dậy. Tôi thích nghe cha Điều nói chuyện thời-thể nhất là lúc ông bàn về người dân Tây. Mẹ Điều sợ Tây sảng hồn sảng vía. Ông cha bao giờ cũng suy bụng ta ra bụng người :

— Minh gặp Tây cũng như gặp tri-kỹ. Tụi Pháp nhất là sĩ-quan, họ trọng người trí-thức lắm. Tôi mà nói tiếng Tây ra thì thù hóa bạn, họ nể mình, bắt bắt tay mình ngay và còn có cả biscuit, champagne ăn uống lu bù nữa... một chốc là thả về...

Điều nghiêm giọng :

— Ba à, anh Khôi có giấu lựu đạn trong người. Anh quyết ném tụi Tây trước khi bị bắt....

Bà kêu to :

— Có đời thuở nào trứng mà dạy khôn cho mền... Mà không có lỗi?...

Không có cha chúng mày thì chúng mày đổ nhà.

Điều đọc sách, ngâm thơ và nhìn trăng luôn luôn. Những buổi trưa nắng sớm cỏ, hắn cởi áo cụt hi-hục vẽ tranh đồng quê. Nhìn Điều sáng nào cũng tập thở, tập chạy, bà mẹ thắc-mắc.

— Mày tập dừ rứa mà cái bụng còn chưa chắc... đúng rồi, lúc bé mày bú sữa sũa sống khi tao có mang thằng Trai.

— Mẹ, sữa sống có phải là lúc người mẹ đang có thai đứa em mà thằng anh hay con chị còn đeo bú mẹ... phải không? Cha mẹ ích-kỷ lắm...

Tôi thấy Điều vô tích sự và lẻ-loi như cây đu-đu đực. Nghe giọng ngâm thơ của hắn thì hay nhưng nhìn thì mất hết cảm tình. Hai tay hắn từ từ dang rộng và giựt giựt mãi để bế nàng Thơ; tất cả mắt, miệng, cằm, môi đều rung động, vẻ trên trên, khác với lúc Điều học bài, lúc nói chuyện; mặt Điều như mê đi. Khi hồi tỉnh, thấy tôi chăm-chú nhìn, Điều gọi đến tâm sự :

— Cỏ May ơi, ta cô đơn nên tâm-hồn như chết héo. Lúc còn bé tí, Cỏ May có bú sữa sống không? Mẹ ta bận có mang em Trai nên ta phải bú sữa vữa. Cha mẹ thật ích-kỷ chỉ biết thương yêu riêng mình, quên nghĩ đến con, dành cả phần con, phá hư bầu sữa của con... cái bao tử của ta chừ còn ọc-ạch...

Trong lúc Điều lừng đùng cô độc, thì chúng tôi chơi bời mê-mệt. Có lúc cả bọn chơi chung và có lúc phải chia ra hai phe trai gái riêng rẽ. Thằng Danh, bắt đầu thoát xác con nít vì giọng nó bẻ ồm ồm, hai đầu gối luôn luôn « lảnh sọ » trầy

da rớm máu cả đời, nhiều khi khô đen như hai miếng cơm cháy, chụp tắc-kè hay không chỗ chề. Buổi trưa trời nắng độc, cây cối đứng trơ ra, thằng Danh dẫn cả bọn giặc non sục sạo lưng kiếm tắc-kè cùng làng. Biệt tài của hắn là thộp ngay cổ mà mấy cái gai dưới đầu con vật vẫn còn nguyên, không bao giờ bị cắn ngã hậu. Danh đề cổ tắc-kè ra, lấy một nhúm bông gòn nhúng vào rượu để lau chùi mình mấy khử trùng. Cái đuôi con vật rời rít kêu cứu. Khi trên mình tắc-kè không còn một loại vi trùng bệnh tật truyền-nhiễm nào nữa, Danh mới phết vào một lớp keo thật dày rồi tỉ-mỉ lấy bông gòn dán lên, đắp áo bông cùng mình con vật chỉ chừa hai mắt cho chú kè chiêm-ngưỡng cuộc đời. Danh lấy hai cái lông chim chấm « côn » găm lên cổ kè, điệu như hai chiếc lông trĩ trên mũ minh-tinh màn bạc. Xong đâu vào đấy, Danh mới lấy cu-lơ nước hòa màu vẽ vào, tô lục chuốt bóng cho thân-phận tắc kè.

Danh muốn sưu-tầm đủ loại tắc kè : cao bồi, thợ săn, tu-sĩ. Cứ phết keo, phích bông gòn, vẽ tô màu rồi tưởng-tượng theo ý mình. Mấy chú tắc-kè con gai góc khó xài, góc cạnh phức-tạp khó dọn bông, Danh đợi đến đêm đi săn thần-lần thể vào nhưng thần-lần hề đụng đến là đứt đuôi và da bụng thần-lần trắng hếu, mềm xèo rờ mà lợm tay.

Con Ty-Ty rửa thằng Danh là hung-thần. Sao nữ tay đối tác phong, hình-dạng tắc kè để rồi đây đồng bào không ai còn biết gốc tích chúng nữa. Làm người ta mất gia-đình, mất tổ-quốc, mất nhân-loại, mất cả bản-thân mình nữa. Ty-Ty ngồi hàng giờ trước lồng nhốt tắc-kè. Lũ

tù-nhân của Danh không hề biết xót-xa cho số-phận mình. Chúng đấu võ hơn thua nhau cả ngày, rớt từng mảnh bông, chúng cắn chùng nhau từng miếng. Danh giá chi chuyện ở tù mà huynh-đệ còn tương-tàn, nhân đạo ở đâu ? hạnh phúc ở đâu ? Ty-Ty không biết ai là chàng, ai là nàng. Lũ tắc-kè cũng không nhận ra nhau dưới lớp bông. Muốn « yêu » và được « yêu » thì phải biết ai thuộc âm, ai thuộc dương. Bị bắt buộc quên chuyện ái-tình nên chúng đánh nhau cho đỡ buồn, đánh toi bời, húc vẹo cả lồng, khó mà tìm được một tắc kè nghệ-sĩ sống thuần bằng tâm hồn. Cuộc đời ngang đây thật hết sạch mọi sinh thú.

Cuộc vui kéo dài không hết, không khí đồng quê bỏ khỏe, gió đồng quê lành-mạnh, chúng tôi đi ngủ khi gà vịt lên chuồng. Trời chạng vạng, thằng Bô tổ chức cuộc đua vịt. Hắn cắt giấy, viết chữ số lên trên, rồi dán vào lưng bầy vịt và cả tụi vừa vây kín vừa xua đàn vịt chạy nước rút. Lũ vịt không ham đoạt cúp cứ nép vào nhau vừa chạy, vừa hỏi thăm nhau rộn đám.

Nhưng khi bọn con trai đánh trận cò lau thì phái yếu không cần tham dự vì Đinh-Bộ-Linh đẹp chưa yên mười một sứ quân đã thềm lấy vợ. Thằng Sĩ làm mai xông vào đám con gái kéo bừa một ả....

Xung quanh tôi, Tây đã đổ bộ rầm-rầm. Nếu không có người lớn can thiệp thì những ngày tản cư hoàn-toàn dùng để chơi. Mẹ mắng tôi là đứa vô tâm vô tạng. Ý mẹ muốn rút tôi ra khỏi cuộc vui, mẹ không tin tôi còn nhỏ nữa. Chị Vân hơn tôi có hai tuổi mà đã đầy đủ thước tắc người lớn — tôi muốn nói đến chu-vi cửa buồng

ngực. Anh Khôi giơ dây côm đùm côm vạt trốn chạy cùng làng. Thỉnh thoảng tôi có chong tai nghe những việc làm độc ác và dơ bẩn của Tây lính nhưng biết xong lại trả về cho người lớn. Bây giờ mẹ, các cô, các bà trong nhà chia nhau chun vào sống tạm với những người nghèo. Mẹ bắt cóc tôi theo một bên chân. Nhà thờ tổ gần như bỏ hoang hàng ngày. Các bà mẹ quệt than và mờ hóng lên mặt, lên tay chân, tóc tai thì vầy vò cho rối nùi, mượn áo quần nhóp mặc vào. Mẹ kéo tôi và chị Vân vào bếp vạt hết đầu tóc chỉ còn chừa một cái chóp, đánh bóng da mặt và cổ, bằng lọ nghệ, kẻ khóc mắt bằng bột nghệ, tay chân như trét dầu hắc. Bọn trẻ nhìn tôi sấm tuồng rồi nhận xét riêng với nhau :

— Bác Tham gái sợ Tây bắt Cỏ May về làm con nuôi ...

Nhưng lúc nghe báo động, mẹ kẹp hai chị em bên nách, tay chân run giật, miệng lầm nhảm cầu kinh Phật Bà. Tay mẹ trét nhọ thêm lên mặt, bết tro thêm vào áo quần tôi. Mẹ dí ngón tay trở vào trán tôi dặn đừng bèn mảng về nhà thờ tổ. Tôi thềm chơi đến khô nước miếng. Đội lốt lọ-lem ban đầu thì hay hay nhưng dần cô-độc như cây trụi lá. Tôi rình tuột tay mẹ là chạy ra với lũ bạn hiền. Bọn hấn phải quần áo và kỳ-cọ mặt mày cho tôi. Mẹ cầm roi mây quất loạn xạ cả tụi.

Một hôm, mẹ ngủ trưa mê mết, Điều nháy mắt chỉ chỗ dụ tôi sang chơi bên nhà thờ Tổ. Tôi lủi theo hấn, vốc nước ao rửa mặt vội vàng. Trưa nay nội bọn giải-tán đi đâu cả trừ con Thanh phơi bụng nằm chơi trên tấm phản dưới nhà ngang. Điều bảo tôi phải chân lên ngồi

bên Thanh và yêu cầu giữ yên lặng để hấn vẽ chân-dung « Ruột thịt ». Chúng tôi ngồi coi Điều vẽ thật lâu, nốt ruột sợ mẹ, đến khi bàn chân mặt của tôi bắt đầu tê thì một tên lính Tây ngắt ngưỡng đi vào. Điều và Thanh văng mình chạy. Bàn chân trái không tê cũng cứng sững, tôi bại cả toàn thân, ngồi dấn trên tấm phản. Sự kinh hãi đột-ngột quá, không hét được, cũng không khóc được khi tôi còn kịp thấy Điều ngoái mặt lại nhìn tôi ...

Từ đó Điều không nhìn tôi nữa...

Trước đôi mắt đục lệ của mẹ, và hơi thở oán hờn của cha, tôi liên tiếp đổ tội cho Điều... Còn anh Khôi nữa, ai bắt anh phải nhìn tôi như thế. Tia mắt anh vừa ngọt vừa chua vừa nồng vừa lạnh. Ai có làm chi đâu mà anh buồn giận. Bao giờ tôi cũng vô tội, vô trách-nhiệm. Ai thương tôi như cha mẹ ruột thì còn phải cay đắng với tôi suốt đời. Điều đổ tôi trốn đi chơi, anh Khôi qui tội hấn. Tôi tìm thiên-hạ để rình nghe chuyện.

— Đứng vào địa vị em, chắc anh cũng bỏ chạy như em mà thôi.

— Vì anh không có trong giờ phút đó nên anh phải hứng chịu sau này... Em có tập võ... Nếu em bình-tĩnh đứng lại thì được hai người. Cả em và Cỏ May có thể vừa chống lại vừa kêu cứu... Không có chi níu chân em lại cả.

Điều như hằm hè từ bên trong :

— Nóng quá... chịu Trời không nổi... Anh Khôi ạ... Cái thân-thể ấy cũng chưa nhàu nát đâu và cái tâm hồn ấy chưa biết nhục đâu... Nếu có một người đàn ông chịu hy sinh... một tình thương sâu rộng. Chỉ cần một người đàn ông để cuộc

đời bắt đầu lại... Vết tích sẽ tiêu-tan. Anh đã thử lại anh chưa? Anh có chịu được không? Anh có dám... cứu không?

— Nói chi mà dūr tợn... Tất cả vẫn còn đây... còn quý như xưa... lòng thương vẫn còn nguyên. Tôi không khổ vì tôi vẫn thương. Tôi dành lấy trách-nhiệm, nhận đón một sự tiếp-tục cho tôi và cho hấn... Tôi chỉ bắt đầu yêu thương hơn mà thôi không có việc gì xảy ra thêm cho đến ngày hồi cư. Chúng tôi giải tán, mỗi người tìm về nhà cũ. Tôi gặp lại Điều dưới mái trường Kadé đối mặt với trường Déca Thanh học. Tản cư trôi không mấy năm, việc học cầm lại trễ nải, tôi trùn lưng lại học lớp thấp so với số tuổi khá bọn mà tôi vẫn bung bít dẫu quanh. Bạn cùng lớp công kênh mình lên làm chị. Điều già đấng lại vì còn phải chịu thêm hai năm mắc kẹt trong tù. Thời gian pha thuốc hóa trang, da Điều xếp nếp in như những đường chỉ tang nổi lên nằm hai bên miệng. Vai Điều so lệch, hai mắt tối thăm-thăm mệt chán. Không còn chi nữa, không còn chi để nói được đó là chàng trai ham thể thao bị chó rượt chạy quanh xóm năm xưa nữa.

Trong lớp học, tôi chỉ trẻ hơn Giáo sư. Vì thiếu người nên đôi khi cũng cần làm duyên với thầy. Bọn con trai chỉ thích trụt xuống hàng em, họ thôi nhìn mình. Những tình cảm sôi nổi mơ mộng chỉ để riêng cho bọn em út tham dự với nhau. Thiếu vui, thiếu an-ủi, chỉ có cô-đơn để buồn duyên, buồn phận. Tâm hồn tôi càng ngày càng khô càng rộng. Già tự mấy chỗ đó. Nhưng cô em gái của tôi — các em của chị — trẻ đẹp và nhiều điều kiện thuận lợi. Họ xưng hô với tôi rất lễ phép

như thể ở nhà cha mẹ họ có dạy bảo. Nhưng tiếng «dạ», tiếng «em» ngọt ngọt sắt và mềm mỏng quá khiến tôi muốn biến thành đàn ông. Nhưng tôi không muốn làm chị, làm bà ngoại ai cả. Mấy lần tôi định bảo Thúy:

— Mình không xứng-đáng với tiếng «dạ» mè-ly của Thúy. Thúy không «dạ» với mình thì cũng chẳng ai chết cả. Cứ để bọn con trai nhìn vào cũng biết ai già hơn ai rồi mà. Kêu mình bằng chị cũng đủ lễ-phép rồi.

Còn Điều, vì tình bạn lâu năm, Điều cũng dành cho tôi chức chị. Ngày xưa mà được thế thì quá sướng. Điều làm giấy khai-sinh lại trụt mấy năm nên làm em cũng xứng đáng.

Ngoài ra mấy anh lớp trên cũng chịu khó xông vào làm em tôi vô điều kiện, vì tôi có em gái đẹp, tiếng kêu-sa của Thanh lầy lùng trường Déca. Tôi là một bà chị có không biết bao nhiêu em trai, em gái ở đời. Các «cụ» nhờ tôi giúp đỡ khẩn-thiết. Thanh chê tôi bị đàn-ông lợi-dụng, bị đàn ông điều-khiển, tự hạ uy-thể của mình. Theo Thanh, chữ lợi-dụng chỉ để dành riêng cho đàn bà dùng. Đàn ông phải hiểu chữ ấy bằng hành-động nghĩa là phải sai được, nhờ được, phục vụ được.

Thanh còn thắc-mắc thêm:

— Chị thì thôi, ai chị cũng sợ hết... Thanh há,... nếu có chú oắt con nào đang nở lòng nở dạ được đi song đôi với Thanh ngoài đường, hoặc được hồng-phúc nói chuyện tay đôi với Thanh thì Thanh phải suy-nghĩ, nặn óc làm sao tìm cho ra một vài công chuyện để bắt anh chàng chạy, để sai, tỉ-dụ như đi mượn cho quyển

sách, mua hộ cho hộp thuốc, vẽ dùm cho «em tôi» một bức địa-đồ... sai... để mà trả đũa việc hấn lợi-dụng mình để đi song đòi hoặc nói chuyện với mình... vì chưa am hiểu chữ lợi-dụng nên hễ anh chàng nào nhờ giúp đỡ, tôi đều cười bày cả hàm răng trên :

— Muốn làm em rể à?... Cứ nạp đơn đi...

Thanh tưởng như chấp thuận lá đơn tưởng-tượng của Điều. Hồ sơ đương sự xét ra không gồm một thân-thể to bản, thiếu hẳn điều-kiện tiền bạc của cha mẹ, lại không có chứng-chỉ văn-bằng nào cả. Hấn chỉ nạp cho Thanh cái khổ người bệnh-hoạn tổn tiền thuốc, và mấy tập thơ chép tay tự hấn làm tác-giả.

Tôi khuyên Thanh trước mặt Thúy :

— Thà chết còn hơn lấy đồ nợ, đã từng bị tù rồi, đã từng bị pháp-luật thích đầu...

Cách hai ngày sau, Điều chặn tôi giữa giờ ra chơi, hấn nói bay cả nước miếng và hơi-thở miếng vào mũi tôi :

— Không biết phận... Còn treo cao giá... trong trắng quá, nguyên lành quá... hừ... ở tù hai năm cũng chưa đọa bằng sa vào một tay thằng Tây... người ta đã tha cho mà còn tuyên-dương người ta... Tôi bảo thật, chỉ cuộc đời chai sạn này họa may mới buông tha cho tấm-thân tí vết kia thôi...

Tôi nhìn Điều trân trân, tay cấu vúi vạt áo, chân tôi bước lui, tôi không nói được, không mở môi ra được. Cái miệng Điều, một chiếc răng cửa sứt mẻ đầy bọt đen, hai cái môi màu tro xéo qua xéo lại

dữ hơn nọc rắn, chôn sống cuộc đời tôi ở đây. Nước mắt quá nhiều và chảy ra quá dễ, tôi khóc mấy ngày cũng không hết, khô cổ xin cha mẹ nghỉ học không được. Vừa khóc vừa ngấu-nghiến chương trình học công và học tư, cuối năm tôi thi đỗ bằng tú-tài phần một.

Những loạt dư luận xô-bò, mấy cô em gái cùng lớp đọc lại những lời Điều cho những ai chưa nghe rồi chắc lưỡi tội nghiệp. Họ không thương hại bằng im-lặng, họ phổ-biến ra hết cả rồi mới than thở, oán thù dùm cho tôi. Một thân, một phận mà mấy kẻ đem rao. Có những đêm ướt sũng nước mắt tôi đã nguyện rửa cho Điều đau một bệnh gì rồi chết đi, tôi đã cầu trời cho Điều bị động-viên cho rồi.

*
* *

Và tôi vẫn kéo dài cuộc đời tôi ra mãi, cuộc đời một mình với nỗi cô đơn. Đừng hiểu lầm « một mình » là tro-trụi cha chết mẹ chết, người ta thường nói « một mình » với « hai mình ».

Chung diện, tâm bỏ hao-hốt quá nhiều, nhưng thân-phận tôi vẫn hăm lạnh như phải làm tu-nữ. Thì giờ dùng để chôn chôn vào việc làm tốt. Buổi sáng đánh phấn nước, trưa về chùi; chiều đi làm đánh phấn bột, tối lại phải rửa mặt để giữ-gìn làn da. Cái cô gái bốn chục xuân thì trong « aimez-vous Brahm » đánh phấn cho thiên-hạ coi, có hai người đàn ông đòi thương cho được. Năm ngón tay nghề nhồi phấn trắng nhuyễn đến nỗi thiên-hạ chịu tìm không ra vết tích nhân-tạo. Năm ngón tay ấy không dám điểm phấn hồng trên hai gò má sợ già.

Sáng nào cha tôi cũng mắng vài câu điểm tâm :

— Cứ chăm lo sửa-soạn, sáng nào đi dạy cũng trễ lên trễ xuống, rồi họ đổi cho lên Cao nguyên mà diện với ba anh Phụng.

Tôi chợt lo-ngại vì cả tuần nay làn da mặt không còn mượt nữa, ruột già không tìm ra chất gì để bài-tiết, chứng táo bón làm hư da mặt, phình eo, và tròn bụng, Chiều nay phải dùng một thực-đơn cà rốt và đu-đu chín đã !

Sáng nào bác xích lô ngoài ngõ cũng kéo hai lần chuông chiều hồi, Từ nỗi lo-ngại cho da mặt đến nỗi sợ trễ giờ chào cò cùng cái nhìn hứa-hẹn của ông Hiệu-Trưởng. Ngồi trên xích lô để nhận thấy mình vừa cô đơn, vừa chậm tiến, vừa chia rẽ với quần-chúng. Thời buổi phụ-nữ ào ào nổ máy vélo mà hai chân tôi chỉ biết cày bộ một mình. Đi bộ cũng là một cách tập thể-thao. Nhiều hôm lòng xe xích-lô bỗng rộng vì tôi thả long hai mắt cho nhìn những người đàn bà trẻ hơn tôi rất nhiều, son môi quét đỏ trái tim, phôi phôi ngồi bên tay lái của chồng. Người ngoài đường thường gọi lầm tôi là bà nhất là mấy ông xích-lô.

Thu nhỏ người lại, tôi không xếp được thế ngồi trịnh-trọng an bài, chồng chân lên nhau, hai tai chững-chặc vòng dưới ngực. Cách ngồi yếm-thể, lẻ-loi là me-mé dựa thành xe, lưng dựng thẳng, hai tay ngượng nghịu không biết vòng.

Tôi đến trường bằng xích-lô sáng chiều, tiếc tiền đau thắt ruột.

Sáng nay, bọn nam giáo sư duyên-dáng đứng vầy chuyện ở cửa ra vào. Bà thư ký

phát lương nhìn tôi một cái dài để tính giá bộ đồ tôi đang mặc cộng với tiền may tối đa là bao nhiêu. Tháng nào tôi cũng tặng bà năm bảy cát bạc tiền lương lẽ không thối lại được.

Đoàn ngồi chằm bài chút thời gian rảnh trước khi vào lớp. Nghe miếng gót giày ngấn, nhò của tôi chàng hất cổ lên cười rồi vút viết. Chiếc miệng cười khéo, nổi rõ màu hồng trắng của môi và răng. Đàn ông mà môi hồng và ướt nước miếng. Phổi của những anh con trai ăn uống điều-độ, không hề chơi khuya thường tươi và non. Tôi dán mắt vào nụ cười của chàng, nụ cười mà các chị cùng trường kháo nhau là dùng để quảng cáo thuốc đánh răng tuy đôi lúc các cô chợt cảm thấy tim mình phải chao qua chao lại vì nó.

Tôi đứng trước mặt Đoàn lấy lược vuốt lại tóc. Nếu tôi ngồi thì cái bàn sẽ che mất nửa vẻ đẹp của thân hình. Đoàn đứng lên đến ngồi vào cái ghế xáp vào nửa người tôi, tôi thấy được những chấm đen trên mũi chàng. Mái tóc chàng dương rờ, nếu chàng không choàng cà vạt thì không lớn hơn học-trò tôi mấy. Tôi chợt buồn nghĩ đến lời Trang :

— Đoàn nó bảo mày đáng đầu chị nó.

Tôi cảm thấy nhụt cả nhuệ khí, vội bước ra tìm Niệm kéo đi đến lớp. Trong trường, tôi và Niệm thường hay liều mạng tra cười dõn bắt cần đời, bắt cần thiên-hạ. Chúng tôi vừa đi vừa cùng người vào nhau mà cười. Đến cửa lớp, cả hai phải đứng lại cười cho xẹp bụng mới dám vào với học-sinh. Uy-thể nhà giáo buộc mình phải dấu răng thật kỹ trước mặt trẻ.

Đầu giờ dạy mà lơ cười thì xong. Dạy học trò con trai la hét rộ người nhưng có đứa nhớ ơn dai. Nữ sinh chỉ ngoan ngoan hiền lành được lòng mình khi còn học. Ra trường là không hề đến thăm thầy, gặp nhau chào hỏi khó-khăn.

Đoàn tâm-sự với tôi bằng những lời ví-von rất điển :

— Bọn mình là những chị gà mái ấp trứng thuê. Ngày mai lũ chim sẽ bay thẳng, không bao giờ quay lại tìm hơi ấp trứng cũ. Chim đại bàng thì vỗ cánh càng xa... Còn một cách nói nữa là tôi với chị là những cô lái đò, mỗi năm đưa một đò học-sinh. Bọn hấn tuần-tự nhờ mình đưa sang từng con sông, từng niên-khóa, nhưng khi niên học tan chúng phải rời bến, thứ đếm được mấy đứa còn giữ hình ảnh cô lái đò. Khách sang sông tầm-thường như những bộ đồng-phục họ mặc.

Tôi nuốt nước miếng :

— Anh nói hay lắm... nhưng này cô lái, chắc cô đã cảm nhiều nữ khách...

Tôi tìm niềm vui giữa đám học-trò đồng-phục, xa những đứa con mình không đau dạ để ra, mình nhin còm vì giận chúng. Làm đàn ông khỏe, sự nóng giận sẽ nguội lặn sau cái tát tai. Tôi chỉ được một cách trả thù học-trò là đem bài thật khó ra giảng khiến chúng ngồi ngơ ngơ như ngỗng đực.

Nhưng, những con chim của thành phố một ngày kia sẽ bay đi, mình ngó theo và thấy tất cả chẳng còn chi.

Phải là mẹ, là con, thật sự mới hoàn-toàn của nhau. Tôi vẫn nhận tất cả

học-trò, là con để làm oai với chúng, tôi dặn :

— Phải xưng hô với cô bằng con, hề mà xưng em thì cô cho Zéro.

Tôi nhìn cái khuy bấm cuối cùng trên áo dài của Trang ; Trang dày da bụng có thai đứa con đầu tay nhưng áo dài vẫn chưa chịu nói kích ra. Tôi xoa xoa bụng Trang :

— Mừng lắm nghe.

Trang cãi phắt :

— Mệt bất chết, ... mình với anh ấy sống có tình yêu... cần chi phải có con mới buộc dây thân-ái.

Tôi cãi lý :

— Trước sau chi cũng phải có con. Mình muốn thấy con trưởng thành khi mình còn làm việc được.

Tôi muốn một đứa con nuôi cũng được, để tém dẹp bớt những thì giờ buồn tẻ. Tay không, vào đời lâu rồi mà vẫn tay không. Không ai chia cho chút bận rộn làm mẹ nên suốt ngày cứ nhìn ngắm mình trong gương. Tôi thương thằng bé Guigoz mút tay đêm ngày, tôi săn sóc những đứa cháu ngoại của mẹ tôi.

Tôi nhìn thấy Đoàn lảng vảng ở xa, rất xa, xa như số tuổi chênh-lệch ngược giữa tôi với chàng. Đừng nhìn người ta nữa đi ! phải nhìn xuống áo quần mình, nhìn những chiếc khăn tay chặm chặm mồ-hôi ướm rịn trên lớp da mặt đắp phấn trắng. Những chiếc áo dài thì giao cho thợ ; còn quần..., nhưng đường lai tôi đều đập máy. Phải có những cái chặm nhẹ của người khác phái trên trán, trên mắt, trên môi mới chuyển nổi

hãng hái vào gân, vào bắp thịt tay để người phụ nữ chăm chỉ cầm kim luôn, hoặc vắt, từng mũi nhỏ nhấn đều đặn, làm khéo với đời. Bốn đường viền khăn tay cũng may máy, sẵn vải cứ ngồi lên đập. Nhưng người ngồi thêu khăn tay trông thật yêu đời, rất nên chụp hình.

Có cái chi đó mới tỉ mỉ ngồi rua từng chữ ; có trao về ai đó mới cầm cùi ngồi vắt tai bèo trên mép khăn tay chứ. Nhiều khi ngán quá, ngán cả may máy nữa, chỉ còn nước đi phố mua khăn hộp. Cha tôi vô ý để tàn thuốc cháy lưng quần đã hai năm, mất yếu, nên mẹ sai tôi mang mãi mà tôi vẫn hện lần, hện hồi. Quần cha yêu kính lưng ống hai năm còn để đó.

Tôi không có gì để cầm trong tay giữa cuộc đời này nữa. Tiền bạc lẽ tiêu vật cũng phải xin mẹ. Đầu tháng đếm trợn số lương đưa mẹ giữ, mình vẫn nghèo như khi còn làm học trò mà mẹ vẫn hỏi thăm luôn :

— Tiền nhuận bút kỳ này đã lãnh chưa.

Tay tôi dang ra chơi với, Đoàn còn lảng vảng ở xa để tôi tom góp hi vọng, Đoàn còn chạy quanh co cùng tôi đuổi bắt; tôi đã bước vòng mọi ngã và tôi đã nắm gì chưa trong tay ? Nhiều đêm không khóc nhưng nước mắt sống ứa ra sau cái ngáp, tôi thầm gọi Đoàn : Anh Đoàn, nếu yêu em thì đừng đi quanh nữa, đừng đuổi bắt nhau như hai cái kim đồng hồ nữa. Anh hãy cho em đi con đường ngắn nhất, con đường độc-đạo của tình-yêu.

Thấy Đoàn có lui tới, chị tôi thắc mắc :

— Ai mà đến chơi luôn rứa... cũng cần lắm.

Tôi phủ-nhận :

— Cán chi nổi.. thằng con nít... em út mình.

Chị cười ngò-vực :

— Thiên-hạ bây giờ đều là con nít... Con nít đi dạy, biết yêu đương. Làm cô giáo rồi cũng vẫn còn con nít.

••

« Nội cô-đơn chỉ đến chỗ nào một người. Cha có mẹ, mẹ có cha, hai bên có chung một bầy con đông đảo và một ngôi nhà bên sông. Cha xa mình thấy rõ. Bây giờ cha không hề để ý đến mình nữa dù chỉ chút ít, cha đem cả tâm-trí vào việc sửa chữa nhà cửa, vườn tược cha làm to nhưng cha không chịu giao-thiệp để tìm « người » cho mình. Đã đến lúc mình cầu cứu cha mẹ một cách tiêu-cực. Cha không thấy thái-độ bất-bạo-động lâu nay của mình hay sao ? Tính cha độc-tài lắm lắm, may mà chính-phủ không cho cha làm việc chính-trị. Cha chỉ chuyên cai-quản mẹ và chúng mình. Sao cha không tìm « ai đó » để đẩy bớt mình đi cho rộng nhà. Uy-quyền cha bủa nặng lên cấp dưới tức là mẹ và chúng mình. Bởi đó cha không biết phải cô-đơn là buồn chịu không nổi. Chúng mình có nhau, mình có mẹ để thổ-thẻ còn cha thì chênh-vênh trên địa-vị người cha. Tính cha khó lắm, không chơi với bạn nào cả, chỉ biết tích-cực làm nhà, làm cửa, xây bến. Đã hai tháng nay mà cái nhà ngang còn đập phá lung-tung, cha còn đang tuyển lựa thợ nề, tìm cho ra một người thợ nề lý-tưởng. Điều-kiện thật khó-khăn : ông thợ nề phải có hạnh-kiếm tốt, đời tư trong sạch. Mấy ông

bây-bừa cha mình nạt cho lui hết. Cha cứ lo tìm tay thợ lý-tưởng cho nhà cho cửa mà chưa chịu tìm người không lý-tưởng cho con gái lớn. Cha mẹ cứ tưởng con gái mà có nghề có nghiệp trong tay là được rồi...»

... Tôi khóc dằng dai. Nhưng chỉ máu đỏ gợn dậy trên lòng mắt. Tôi sửa soạn đồ nghề rửa mặt đi ngủ. Những giọt « nước hoa hồng » vẩy vào mắt cay cay. Trước khi uống thuốc an-thần, tôi còn phải thoa lên đôi môi một lớp sáp bóng nuôi dưỡng. Tôi nghe trong người thiếu đủ mọi thứ sinh-tổ. Hai lòng bàn tay ướt nhẹt mồ hôi. Mình đau tim. Trên tờ tuần báo Phụ-nữ nọ một chị có chỉ bảo cách giữ gìn cho bàn tay luôn luôn khô ráo. Những con chó bông xồm dậy một loạt truyền tin nhau sửa hoặc tru náo cả khu vực. Nhà cầm quyền chưa nghĩ đến việc đàn áp những kẻ phá rối an ninh trật tự ban đêm đó.

Đêm nào cũng nghĩ ngợi dành phần giấc ngủ. Đèn trong nhà tắt hết, tôi quơ

tay tìm bóng trắng men đến bên giường. Phải chồm qua người con em để vào nằm trong, tôi đá vào bụng nó một cái. Nó chưa ngủ, vừa gài lại mùng vừa cắn nhằn :

— Đợi thật khuya mới bò vào đập toác cả mùng. Muỗi vô cần u mặt mày. Chẳng thà muỗi cắn chân tay, cứ nhè cần sưng mặt người ta lại tưởng mình có mụn...

Còn hai năm nữa. Tuổi ba mươi lăm. Hết thời học bán quân sự.

Chính phủ sắp chê mình già đây. Chính phủ mà còn để cho mình cô đơn nữa hưởng chi ai.

— Anh Khôi, em ba mươi ba tuổi rồi, tóc anh chắc đã có sợi bạc. Không biết bây giờ anh ở đâu. Chỉ có anh, anh mới thương và chịu chấp nhận em thôi...

Đêm 12-6-63.

TÚY-HỒNG

LƯU Ý BẠN ĐỌC
BÁCH-KHOA :

VƯỢT THÁC

TUYỂN TẬP 7 TRUYỆN NGẮN
ĐẶC SẮC NHẤT CỦA VŨ-HẠNH

Sẽ được phát hành khoảng hạ tuần tháng 8 năm 1963. Dành riêng cho bạn đọc yêu sách đẹp có một ấn-bản đặc biệt, in trên giấy trắng mịn, có trước số và chữ ký tác giả. Bạn nào muốn có bản đặc biệt, xin đặt mua ngay từ bây giờ. Mỗi cuốn giá 100\$ (ở Saigon) hoặc 110\$ (gửi đi các Tỉnh).

Thư mua sách và ngân phiếu, xin đề tên :
Ông TRẦN-PHONG, số 38, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

3 | Người tìm tuyệt đối

Lời giới thiệu

Những phương-tiện ở đời
Không đáp xúi bài toán
Hắn quyết chỉ ra đi
Trong cô đơn vô-hạn.

Ta mặc áo xanh vào núi sâu,
Quên không gian tím mặt buồn rầu.
Gió bên ghềnh đá ru cây-cỏ,
Suối vọng mơ-hồ, nhạc uồn mau

Duyên kiếp trần-gian trả hết rồi,
Mà còn mắc nợ cũng lường thôi.
Ta không lịch-sử, không danh-tính
Nhập mộng hư-vô, bỏ nẻo đời.

Dầu đạo từ xưa lá phủ mờ,
Đẹp lời cầu-nguyện chỉ trong mơ.
Ta đi, chỉ biết ta đi tới,
Tay máu buông-hờ mây tiếng tơ.

Mây bay

Rồi một sớm mùa thu
Hắn lạc vào xứ mộng
Có chim xanh trong mù
Và bóng người Im-Lặng.

Ai vỗ, ai ca khúc Cổ-Bôn ?
Bây giờ ta hát điệu lên non !
Lôi dây xa lạ từ muôn thuở
Trời ngát hương hoa, ngợp cả hồn.
Chim xuân nào ca
Theo gió thu ?

Âm - thanh xanh xanh biển - biệt trong
sương mù

Bên ngàn êm ru...
Một chiếc lá con
Nằm trên cỏ non,
Hương đêm qua còn nồng ướp bên mình,
Quên buồn lắng thính.
Trời mông-mênh là trời mông-mênh !
Dáng ai đi xa vắng xuân tình,
Mơ-hồ cảm-giác, huyền-hoặc tâm-linh.
Ôi, lẫn-lộn sắc hư cùng màu thật.
Bờ thân thể bỗng vỡ trào ngây-ngất !
Áo xiêm nào mờ ảo trí chiêm bao ?
Ta nghe như hên liễu nhập thân đào,
Không gượng nữa đành từ từ ngã gục.
Trong muôn điệu bàn tay ta tiếp-xúc
Bàn tay nào mát rượi thấu xương da ?
Trên vai người một thoáng chim sa.....

Lời giới thiệu

Gót giầy mòn lý-tường,
Lang-thang rồi lang-thang.
Bao lý do lâm-lẫn
Chia xé mảnh tâm can
Chim xanh cất tiếng dịu-dàng :
Khuyên chàng hỏi lại lòng chàng,
thế thôi.

Chim xanh :

Đau-thương xáo-động đáy tâm-thần,
Linh-hồn nhân-loại đã vong-thân
Nền trần xuân xanh sâu nếp nghĩ,
Chú ơi, môi thắm lạnh vô-ngân.

Sai lầm nét nhạc,
Đề mắt giai-nhân,

Tách lia xã-hội,
Hết tin toàn-năng.

Người xa cội rễ bao lần
Áo xuân thôi cũng phai dần ước mong.

Hắn :

Trần gian đã mất,
Ta chỉ còn an-nghỉ trong cô-đơn.
Người là ai, nhìn mặt ta quên buồn?
Chim xanh nữa, tiếng ca lên bốn hướng!
Từ sơ-sinh, ta say tìm lý-tưởng
Gót giày mòn qua mây nẻo thần-linh
Ôi, đôi bờ dẫn-vật, trí mong-manh.
Đã bắt lực, đành cúi đầu lặng-lẽ
Sao hôm nay muốn đem lòng kẻ-lẽ?
Trong mắt người vời-vợi mắt người yêu
Và hiện-thân ta trán hẹp đăm-chiêu.
Ôi, áo-giác cả bàn tay đang nắm,
Từng nếp áo gợn sóng cuồng say-đắm
Người là ai như rượu ngọt lưu-ly?
Ta nghe tim hồi-hộp điểm gì
Sao bỗng nhớ trần-gian kỳ-lạ?
Lá vàng bay, lá vàng bay lá-tá,
Con đường này heo hút đến nơi đâu?

Chim xanh :

Gôi người yêu đã vương sầu,
Xin mau trở lại bên cầu tương-tư.
Không nơi nào, chẳng bao giờ,
Sức người thoát khỏi cõi bờ trần-gian.
Đã mang thân-phận lỡ-làng,
Đừng chia địa-ngục thiên đàng làm chi.
Và lắng nghe, và lắng nghe

Muôn trùng ánh-sáng rú nhau về,
Ca chiến-thắng trong bóng đen vô-thức.
Trong nội-giới, ngàn âm-thanh náo nức,
Hợp tâu vang giai-diệu phá thành sầu
Vượt biên cương lời nói, tiên chiêu sầu
Như rượu ngọt thắm nhuần từng mạch máu.

Người hãy hướng suy-tư vào tự-tạo,
Sẽ phá-tan ma-lực giết lòng son

Hắn :

Ta nghe tự đáy linh hồn,
Suối mơ TUYỆT-ĐỐI bắt nguồn tương-lai.

Ôi, nao-nao hàng lệ nóng,
Trong tâm-tư xôn-xao niềm cảm-hứng
Ta hiểu rồi chân lý sông yên vui.
Nàng là ai, nàng là ai?
Áo xuân thanh-thoát, ngọc-hài băng-khuâng.

Vành môi quen thuộc lạ-lùng,
Nhưng lòng quá-quyết chưa từng gặp nhau
Tóc xanh dẹt mộng trời nào
Người đem về đẹp chiêm bao hẹn-thế.

Chim xanh :

Nàng đừng ngờ-ngác sơn-khê,
Người thơ giác-ngộ quay về lời xưa.
Nỗi-niềm thắc mắc tự bao giờ,
Người vừa tìm gặp giữa lòng mơ.
Còn chúng ta, chúng ta ư?
Đền từ xứ lạ, bây giờ lại đi...

(còn tiếp 1 kỳ)

SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

Quan niệm và sáng tác thơ... (1)

Tên đầy đủ quyền sách như sau :
*«Quan niệm và Sáng tác Thơ theo
lời thi-nhân và học-giả phương Tây»*

Cái tên có phần dài, có phải vì thế mà nhà xuất bản khó trình bày cho nó nên thơ. Và vì nó — tôi muốn nói cái bìa — nặng về phạm tục, nên một anh bạn đứng tuổi, cũng nòi thi sĩ, đã nói với tôi : « Rồi tôi phải đi đóng bìa mới chịu được ». Đó là một cách đề tỏ nỗi giận ... cái bìa và cũng đề tỏ lòng trọng ... quyền sách.

Trước đây bạn đọc đã có dịp được biết quan niệm sáng tác của một số

nhà văn, nhà thơ trong nước, qua cuộc phỏng vấn năm 1961 của Bách-Khoa, nay hẳn bạn đọc sẽ hài lòng khi được nghe một số thi nhân hoặc lừng danh thế giới, hoặc nổi tiếng ở một quốc gia nào, xưa có, nay có, nói lên những băn khoăn thắc mắc, giải bày những cảm nghĩ của họ về điểm kia cạnh họ ... đối với Thơ, trong quan niệm cũng như trong sáng tác.

Các nhà phê bình được dịp « đi một vòng chân trời », hiểu những « nỗi lòng » của một số « nạn nhân » của mình, cũng rõ ý kiến những đồng nghiệp của mình xưa, nay ở tận trời Tây, hẳn cũng thấu được nhiều điều bổ ích.

(1) Dịch-giả : ĐOÀN THÈM

Nhà xuất bản : Viện Đại Học Huế.

Nói chi đến các nhà thơ là những người trong cuộc ! Dù họ không từng đặt thành vần để, sáng tác như chim hót ve ngâm, suối reo nước chảy, hay đã theo hẳn một đường lối hoặc phân vân ở một ngã ba nào đi nữa, thì nghiêng ngả tâm sự của bao kẻ đồng hội đồng thuyền, thế nào cũng nảy ra năm ba tia sáng.

Nơi đây, hẹn hò có đến tám mươi nhà thơ của mọi thời (từ Pháp sang Anh, từ Anh qua Mỹ trở lại Ý, từ Ý tạt qua Hung, qua Tiệp, qua Nga ...), và hội họp mười bảy vị thực giả các nước.

Lần dở món quà khá nặng này của nhà thơ kiêm nhà biên khảo họ Đoàn, các bạn sẽ được hơn một dịp vui thích hay sùng sốt, khoái trá hay bất bình, chớ ít khi thần nhiên được. Những nhận xét, ý kiến, cảm nghĩ... đã được xếp đặt theo từng vần để, rồi kẻ sanh trước nói trước, kẻ đến sau nói sau... để các bạn thấy những ý kiến, cảm nghĩ đó, khi thì nắm tay nhau đi song song như đôi tri kỷ, khi va chạm nhau như hai lưỡi gươm thù, khi quấn quít lấy nhau như hai mái tóc ngắn dài hẹn nhau từ mây kiếp.

Dẫu sao, ta cũng nhận thấy một đặc tính của cuốn sách này. Ở nhiều sách dịch khác, chỉ thấy lời dịch-giả; và dịch-giả chỉ việc coi nguyên văn mà dịch ra một lẽ. Nhưng ở đây, trước khi dịch, dịch-giả đã phải đọc rất nhiều sách, lựa lọc ra những điều đáng chú ý, xếp

đặt cho thành chương thành mục, rồi mới dịch. Nghĩa là vừa soạn vừa dịch, nên đúng hơn thì phải gọi dịch-giả là soạn-dịch-giả.

Đây, mời bạn hãy lướt qua mục « *Thơ là gì ?* »

Carl Sandburg, con người thi sĩ Thụy-Sĩ di cư sang Hoa-Kì này, từng làm đủ nghề, hạ một câu lạnh như tiền :

« *Thơ là cách bắt chước tiếng người kêu la khi bắt được một triệu mĩ-kim và khi đánh mất số tiền đó* ».

Thì một nhà thơ chính công Hoa-Kì, từng vẽ tranh, viết báo, lại tuôn ra nào hoa, nào suối :

« *Đó là giấc ngủ triền miên của dòng suối xanh không bao giờ cạn, nếu không như vậy, chẳng có mơ mộng nào trên thế gian để gột rửa lòng ta.* »

« *Đó là bông hoa trông thấy lần đầu, và bông hoa còn đương tìm kiếm...* »

Và còn « *Đó là...* » ba lần nữa, để rồi kết luận :

« *Thơ cũng huyền diệu như Trời* ».

Có bạn nào cho « *đòi* » như thế là quá... dài, là không cân xứng chăng ? Thì nhà thơ Pháp Alfred de Vigny đã sẵn sàng :

« *Thơ là sự Đẹp tuyệt trần của sự vật, và sự chiêm ngưỡng Đẹp ấy trong li tưởng* ».

Trên đây, chỉ mới có mục đầu : *Thơ là gì*, và chỉ trích ra ba ý kiến. Còn bao nhiêu ý kiến ngộ nghĩnh,

độc đáo, trái cựa hay... lập dị khác mà các bạn sẽ gặp ở mục sau trong phần dành cho các thi nhân tỏ bày ý kiến mình :

Hồn thi nhân — Lãnh vực và mục đích thơ — Thi nhân và xã hội — Thi nhân và thời gian — Thiên tài và công phu — Thi hứng và hoạt động sáng tác — Các nguồn thơ — Thi nhân và ngôn ngữ — Thơ và văn xuôi — Thê nào cho nên thơ — Kỹ thuật sáng tác — Làm thơ cho ai ?

Phần thứ hai đề cho các nhà phê bình, triết nhân, học giả có uy tín đứng khách quan mà góp ý. Mời các bạn nghe qua đôi vị bàn, xét về « *Thê nào cho nên thơ* ».

Joubert bảo :

« *Những câu thơ hay, là những câu nào thoang thoảng như âm như hương* ».

Còn Alain :

« *Một bài thơ hay, nảy nở dần dần như một trái chín...* »

* * *

Một nhà phê bình sẽ đặt trọng tâm vào việc đòi chiều phần dịch với nguyên văn. Trong phạm vi một bài giới thiệu ngắn, kẻ viết bài này chỉ đưa ra vài nhận xét phớt qua.

Dịch giả đã tỏ ra cẩn trọng trong việc này, và người đọc thấy soạn giả đã thực hành điều mình thừa trước : « có nhiều chữ không thể dịch thật đúng nghĩa thường và nghĩa chung ở các tự điển, phải chêm chước cho hợp với ý riêng trong câu, vậy ở trường

hợp này, xin chú thích nếu cần để dễ phân biệt; cũng xin chú giải khi gặp các điển tích, hoặc lại cần chua cả câu dịch sát nghĩa từng chữ, để lột đặc tính hoặc sự kì dị cò ý của những thi nhân viết trái lệ thường ».

Về văn là thê, còn về thơ, thì « ... dịch giả không dám có tham vọng dịch cho hay, chỉ cò cho đúng ý, vì mục đích cuốn sách này là trình bày ý kiến, chớ không phải là phơi vẽ đẹp chất thơ của thê nhân ».

Con *Shinx*. Dịch : quái vật đầu người mình sư tử, rõ nghĩa thì có rõ, song không gọn bằng hai tiếng : sư nhân hoặc nhân sư, rồi nếu thấy cần thì chú thích ở dưới.

Le Parnasse, làm người đã dịch là Thi-Sơn; mấy chữ : « đình Tao Đàn » của Đoàn quân quen thuộc và gợi ảnh hơn nhiều.

Sau hết, có một thắc mắc « ngoài đề » này của vài bạn từng làm thơ, mới đây có, mà từ thời tiền chiến cũng có. Nó như sau :

Đoàn quân đã chọn, đã sắp, để hiến cho chúng ta quan niệm về Thơ của bao thê hệ thi nhân Âu, Mi cô kim, nhưng vốn là kẻ từng dan díu với nàng Thơ, từ lúc nàng trắng trong màu cổ điển cho đến khi nàng rắc rối vị tự do, thì sao chẳng cho thiên hạ biết mình « lòng riêng riêng những mền ai ? »

Hay là dịch giả không muốn làm dài thêm bài tựa với cái tôi của mình ?

Để các bạn thơ nói trên khỏi còn thắc mắc, và nghĩ rằng bạn đọc Bách-Khoa hẳn cũng muốn biết chủ trương về Thơ của nhà thơ quen biết họ Đoàn, nên kẻ viết bài này lại quấy rầy người thơ đang bận với ... « Hòa âm ».

Thì đây, trả lời của tác giả « *Từ Thức* » :

« Có đường lối gì, thì đường lối ấy đã dẫn tới những tập thơ xuất bản rồi, không thể nào lợi dụng dịp viết về người để nói về mình ; họa chăng chỉ có điều cần nói, là bởi lần thân đi tìm đường cho mình,

đã phải ngấm đường của người khác từng qua, nên mới dò và góp lại những ý-tưởng đã đem dịch ; chắc hẳn nhiều bạn cũng tò mò như mình, nên muốn cho các vị yêu thơ đỡ mất thời giờ lục lọi. Chớ ý riêng thì thì kẻ đèn làm chi ? Và lại ý đó đã thay đổi và có lẽ còn đổi thay nữa, nên, nếu nói ra thì biết đâu sau này lại không phủ nhận ? »

Thì ra tác-giả « *Tìm hiểu...* », « *Tim Đẹp* » tựu chung vẫn còn là một « *Kẻ tìm đường* »...

NGUYỄN-NGU-Í

Phụ nữ với hôn nhân

Nguyễn-Ngu-Í thuật

Sáng chủ nhật 7-7-63, hội « Thanh niên thiện chí » có tổ chức tại đình đường hội Việt-Mĩ, 55 đường Mạc-Đĩnh-Chi, một buổi nói chuyện đặc biệt. Đề tài : *Phụ nữ với hôn nhân* ; thuyết trình viên : bà Nguyễn-Thị-Huệ, tiến sĩ chánh trị học, giảng viên tại trường Đại-học Sư-phạm và tại Đại-học viện quốc-gia Hành-chánh.

Để tài cuộc nói chuyện cũng như tên hội đứng ra tổ chức khiến hầu hết người đến nghe là thanh niên nam nữ đang độ xuân thì. Và tự nhiên là đình đường chật chỗ.

Vô đề, diễn giả vội rào đón trước. Vấn đề đã quan trọng, lại có phần sôi nổi, nói ra đã là việc khó khăn, trước một cử tọa mà đa số là thanh niên đầy máu nóng, thề mà bà không viết bài sẵn,



Bà Nguyễn-Thị-Huệ

chỉ ghi dàn bài cùng đại ý. Chắc hẳn là lời sẽ không hoa mỹ. Song bà lại nghĩ : trong niên khóa, học sinh, sinh viên lo làm bài để nộp cho giáo-sư, còn giờ, đương lúc nghỉ hè, giáo-sư lại phải làm bài để trình bày cho sinh viên và học sinh nghe, cho nên, đề cuộc « trả thù » được trọn

vẹn, bà mong rằng câu chuyện bà « nói » sẽ có nhiều... sơ hở để các bạn học sinh và sinh viên có dịp « cô-lê » lại giáo-sư !

Và bà hóm hỉnh lấy Kiều :

« Đánh liều lời thật lẽ chán,

« Thử xem câu chuyện xoay vần đến đâu ! ».

Và câu chuyện bắt đầu bằng câu hỏi :

Phụ nữ là gì ?

Bà không trả lời, mà để cho các văn hào và... chữ nghĩa Đông, Tây đáp hộ.

Hán tự đã ghép chữ *nữ* (gái) với chữ *trữ* (chối) để tạo ra chữ *phụ* (vợ) : phụ nữ có bốn phận... quét nhà, rửa chén. Người Cao-Li và người Việt đã từng mượn chữ Trung-Hoa làm quốc tự thì cũng đồng một quan niệm về vai trò của nữ giới : quanh quẩn trong nhà.

Ở Nhật, vợ gọi là *okusama*, có nghĩa là người ở hậu phòng.

Ở Tàu và ta, những tiếng *nội nhân*, *nội trợ* định rõ phạm vi hoạt động của người đàn bà đã kể vai « gánh vác giang san nhà chồng ».

Người Anglo-Saxon ở phía trời Tây cũng gọi là *Wife*, phân tích ra ta thấy có hai ý niệm : nối liền và dặt cửi. Cũng quanh đi quẩn lại trong gia đình !

Đây mới là coi thường. Người ta còn khinh thường phụ nữ. Ta thường nghe câu « Đàn bà khó dạy », và người Bà-La-Môn có câu : « Giáo hóa một

người đàn bà là đưa dao cho một con khỉ ». Một nhà văn Mi đã « đề cao » phụ nữ như sau : « Phụ nữ là người rất có khả năng về Sô học : luôn luôn họ hơn hai giá tiền áo họ may, hơn ba tiền lương của chồng, chia đôi tuổi của họ và cộng 5 tuổi người bạn thân nhất ! ».

Nhưng may thay, cũng có người thầy rõ nổi thiết thời quá đáng của người đàn bà làm vợ. Ở Anh, vào hậu bán thế kỉ XIX, John Stuart Mill đã lên tiếng, đại khái : « Những đau khổ vô nhân đạo xảy ra trong vô số trường hợp mà những cá nhân phụ nữ bị lệ thuộc những cá nhân nam giới, rất đau thương rùng rợn khiến ta không thể bỏ qua. Luật nô lệ trong hôn nhân là một sự phản bội quái dị đối với tất cả lệ luật của thế giới văn minh. Đây là trường hợp duy nhất mà một người với tất cả khả năng này nở tự nhiên bị lệ thuộc vào một người khác. Không có nô lệ nào khác trước mặt luật, trừ ra... bà chủ nhà ! Sự cải thiện đạo đức của nhân loại chỉ bắt đầu khi nào có sự bình đẳng giữa đôi vợ chồng ».

Rồi diễn giả xét qua những luật về hôn nhân ở các nước lân cận nước ta : Ấn-Độ, Trung-Hoa, Triều-Tiên, Nhật-Bản, nhất là hai nước Ấn và Hoa mà ta từng chịu đậm đà ảnh hưởng, về văn minh cũng như về tín ngưỡng.

Ở Ấn-Độ, thân phận người phụ nữ thật là đáng thương. Tục lệ nơi đây bắt người con gái làm vợ rất sớm,

những cô dâu dưới... 5 tuổi là điều thường thấy, cũng như những bà mẹ đang còn trong tuổi ấu thơ.

Một người kịch liệt chống lại nạn tảo hôn này là ông Sarda, từ 1927, ông đã tranh đấu để một đạo luật về hôn nhân ra đời, đạo luật Sarda ban hành ngày 1 tháng 10 năm 1929, cấm thiếu nữ dưới 14 tuổi lấy chồng. Sáu tháng sau, luật này mới bắt đầu áp dụng. Một hiện tượng xảy ra : do lời tuyên truyền của giới thầy cúng lạc hậu, người ta triệt để lợi dụng khoảng thời gian luật chưa áp dụng để cưới nhau rất đông vợi vàng. Kết quả là :

Trước kia, có 8 triệu rưỡi người vợ dưới 15 tuổi, thì sau đó có đến 12 triệu ! Số người chồng dưới 15 tuổi đã tăng từ trên 3 triệu lên tới 5 triệu rưỡi. Đặc biệt hơn nữa, số những người vợ dưới... 5 tuổi lại tăng gấp bốn

Ta thấy luật lệ đành nhường bước cho tục lệ. Mãi đến khi Ấn-Độ thu hồi độc lập, chính phủ Ấn mới ban hành luật hôn nhân vào năm 1955, định tuổi gái lấy chồng là 15, tuổi trai lấy vợ là 18.

Nhưng chẳng riêng gì ở Ấn-Độ, ở đâu cũng thế : luật lệ là một chuyện, mà tục lệ, thành kiến lại là một chuyện, nhất là ở các nước Á-Đông, vốn từ ngàn xưa trọng nam khinh nữ.

Nước Trung-Hoa cũng thế. Tại cái « thế giới » đứng ở một chỗ này, nơi phát xuất câu bất hủ. « Một trai rằng

có, mười gái rằng không », năm 1931, Quốc dân đảng đã ban bố một đạo luật cho đàn bà được hưởng gia tài, tuyên bố hôn nhân không phải là một việc mua bán, mai dong không được nhận tiền, phải có sự ưng thuận của đôi lứa gái, trai, gái 15 tuổi, trai 17 tuổi mới được kết hôn ; luật lại cấm trai năm thê bảy thiếp.

Nhưng nhìn thực tế, người quan sát nào cũng thấy sự thật chưa phải là thế.

Rồi khi Quốc dân đảng nhường Trung-Hoa đất liền cho Cộng sản đảng, thì nam nữ bình quyền, phu thê bình đẳng là khẩu hiệu được ở đầu miệng cán bộ phụ nữ. Luật hôn nhân ra đời năm 1950, để xác nhận vợ cũng là chúa như chồng và trai gái lấy nhau thật là dễ dàng. Nhưng mà ly dị nhau cũng thật là mau chóng. Người ta kể đến 400.000 vụ ly dị trong năm 1952.

Và dưới chế độ mới, người làm vợ có được hạnh phúc chăng ? Gia đình phải phân tán, để phục vụ cho đảng. Chồng làm một nơi, vợ làm một nơi, con gởi vào kí nhi viện. Tiếng « tổ âm » lui vào quá khứ ! Nỗi bất bình âm ỉ khắp nơi khiến nhà cầm quyền phải « xét lại » chủ trương thật nhưn tâm của mình.

Nhìn qua phụ nữ Đại-Hàn và Nhật Bản thì sau thế chiến thứ nhì, họ được bình đẳng với chồng, trên pháp luật đầy, nhưng nhìn vào đời sống hằng ngày của họ, ta có thể nói hầu hết chị em phụ nữ hai nước này vẫn

chưa bình đẳng với chồng trên thực tế. Ở Á Đông, dường như luật lệ bao giờ cũng nhân nhượng tục lệ.

Nhìn các nước bạn láng giềng xong, diễn giả trở về nước Việt. Bà nói trước là sẽ xét vấn đề theo khía cạnh tâm lý và xã hội, chớ không đứng về mặt luật pháp.

Bà nói : « Luật pháp có thể bảo đảm tài chánh cho người vợ bị phụ tình, nhưng không thể bảo đảm hạnh phúc của họ về mặt tình cảm ».

Thân phận và bốn phận của người vợ ở xã hội ta trước đây được diễn giả nhắc đến bằng ca dao, gia huấn, cổ thi.

Gặp lúc chồng phải đi theo tiếng gọi của non sông, thì khách má hồng ở chôn phòng the.

Ngọt bùi thiệp dõ hiền nam,

Dạy con đèn sách thiệp làm phụ thân.

Người vợ lúc nào cũng quên mình, chỉ nghĩ đến chồng, hết mực chiều chuộng chồng, chiều chuộng cả trong việc mà đàn bà rất kị :

Chồng giận thì vợ làm lành,

*Miệng cười chúm chím rằng anh giận
gì.*

Thưa anh, anh giận em chi

Có muốn vợ bé em thì cưới cho.

Lắm khi bị điều đứng vì chồng hư đốn, người vợ không chịu được, phải phân trần cùng bạn hữu :

Chồng em nó chẳng ra gì.

Tổ tôm sóc đĩa nó thì chơi hoang

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Tôi học Vocabulaire bằng văn lục bát**, lớp Đệ-Thất, tập I và lớp Đệ-Lục, tập I của ông Trần-Năng-Thế. Mỗi cuốn có 32 trang, giá 8đ.

— **Toát yếu lớp Nhất** của Trần-Văn-Thuận, do Sống Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 232 trang, gồm toát yếu các môn học lớp Nhất, mỗi bài đều có kèm theo dàn bài và câu hỏi, giá 35đ.

— **Xung-đột trong đời sống quốc tế** của Nguyễn-Hiến-Lê dịch theo « La vie internationale — Conflits » (Encyclopédie française — Larousse) do Viện Đại-Học Huế xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 500 trang gồm 4 phần : quốc gia và đế quốc — Quần-chúng và nhân-vật lịch-sử — Tình trạng bắt quân trong sự phát triển về nhân khẩu và kinh tế trên thế giới. Giá 75đ.

Trân trọng cảm tạ các tác giả, các nhà xuất-bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

*Nói ra xấu thiếp hổ chàng,
Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà.*

Những lời than thở ra đây thoát ra từ cửa miệng những thiếu phụ mà trước kia, lúc sắp sửa về nhà chồng, được mẹ dặn đi dặn lại bốn phận đối với mẹ chồng, đối với chồng, đối với bà con bên chồng, cho ta thấy hạng thiếu phụ nói trên đã gặp cảnh tức nước vỡ bờ.

Chúng ta hẳn còn nhớ lời « Mẹ khuyên con lúc về nhà chồng » trong bài kinh nghĩa của Lê-Quý-Đôn :

*« Về nhà chồng phải kính phải răn,
chớ có trái lời chồng con nhé !*

*«... Con ơi, nhập gia tùy tục, mẹ nhủ
cho đạo chi thường, xuất giá tòng phu,
con phải giữ nhà chồng chi phép ».*

hay trong một bài gia huấn khuyên danh :

*« Nghèo khó ân cần thà tạc,
« Cơ hàn cần mẫn viêng thăm ».*

Được chuẩn bị làm dâu làm vợ, được dạy cách đối xử với bà con bên chồng như thế, mà đã phải thốt những lời oán trách như trên, thì ta cũng thấy dầu bản tính vốn e dè, dầu giáo dục gia đình dạy phải luôn luôn cam chịu, dầu nền luân lí có chủ trương chống chúa vợ tôi, nhưng một khi bị áp bức quá nhiều, bị thiệt thòi quá đổi, người phụ nữ nước ta trước đây cũng dám phản ứng ra mặt.

« Vậy thì hôn nhân chỉ do cha mẹ đòi bên sắp đặt, không thêm biết ý kiến của mình, là điều ta nên bác bỏ.

Ta đã thấy tai hại của nó thế nào, các bạn có xem qua phim « Lương-Sơn-Bá Chúc-Anh-Đài » đã rõ.

Diễn giả cũng không tán thành quan niệm kết hôn tự do. Cô và cậu gặp nhau, yêu nhau, rồi tự do sống chung với nhau, không đem xia gì cha mẹ, thì khó mà được hạnh phúc bền lâu. Vì quá ích kỉ. Vì có thể mù quáng trong việc chọn bạn đời.

Quan niệm lí tưởng về hôn nhân,... theo bà, là nên dung hòa. Có cha mẹ, mà cũng có mình. Hoặc do cha mẹ định trước, rồi hỏi ý kiến con sau, hoặc con chọn người bạn trăm năm trước, rồi sau trình với cha mẹ. Sự thỏa thuận giữa cha mẹ và con cái trong vấn đề này là một bảo đảm chắc chắn cho hạnh phúc lứa đôi.

Hôn nhân đi trước, tình yêu đến sau, hay yêu nhau rồi mới lấy nhau, diễn giả cho hai quan niệm này, cái nào cũng có cái lí của nó cả.

Vấn đề hôn nhân với sinh lí cũng được diễn giả xét đến, vì « bàn đến hôn nhân mà không nói đến sinh lí là một điều thiếu sót ». Bà cho rằng sinh lí là một điều kiện cần cho hôn nhân, nhưng mà chưa đủ. Lấy nhau chỉ vì nhu cầu sinh lí, thì tình sẽ sớm nhạt phai. Đa số thiếu nữ Hoa-Kì thấy hạnh phúc gia đình họ đổ vỡ vì họ đã quá chú trọng về sinh lí trong hôn nhân. Với năm tháng, nhu cầu này sẽ bớt đi, và người ta cần hợp tác tình, cần chung chí hướng, nghĩa là phải được bổ túc bằng những nhu cầu tinh thần. Không, thì không có hạnh phúc.

Nhưng ngược lại, khi người ta yêu nhau vì lí tưởng, thì người ta có thể sung sướng và chẳng cần đến nhu cầu sinh lí. Và diễn giả đem... mối tình của Kim-Trọng Thúy-Kiểu làm bằng chứng.

Chàng Kim đã chẳng nói :

- « *Bây lâu đây bề mò kim,*
- « *Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa?*
- « *Ai ngờ lại hợp một nhà,*
- « *Lọ là chần gỏi mới ra sắt cầm.*

Và Nguyễn-Du đã chẳng kể :

- « *Hai tình vẹn cả hòa hai,*
- « *Chàng trong chần gỏi cũng ngoài cầm*
thơ.

Làm thế nào để tạo và giữ hạnh phúc gia đình ?

Diễn giả đứng vào địa vị người phụ nữ mà lần lượt xét đến.

Theo bà, thì người vợ phải hiểu chồng và kính nể chồng. Đó là hai yếu tố dành để tạo hạnh phúc lứa đôi. Còn nghệ thuật để giữ hạnh phúc ấy là người vợ luôn luôn mềm dẻo. Đàn ông [bản chất vốn cứng, mà đàn bà lấy rắn để đôi chọi lại, thì chỉ có đổ vỡ. Nhưng không phải vì vậy mà người đàn bà tự cho mình là liễu yếu đào thơ. Phải bỏ hẳn thành kiến này, để không còn tự ti mặc cảm, không còn tánh i lại vào đức lang quân.

Một yếu tố khác trong việc bảo toàn hạnh phúc gia đình, là sự đồng đẳng. Muốn được thế, người vợ cũng nên gánh phần trách nhiệm về tài chánh gia đình. Cho nên bà chủ

trương phụ nữ nên có một nghề. Điều này cần cho nàng dâu mà cũng cần cho bà mẹ chồng. Lắm bà mẹ chồng đã phá nát hạnh phúc gia đình của con mình, vì ăn không ngồi rồi, chỉ biết có tình đòi với con, nay thấy con mình san sẻ tình thương với vợ, sanh ra ganh tức, rồi xem dâu như kẻ thù. Còn người vợ chỉ lo có việc nhà để sanh ra tánh ngôi lê đôi mách, hoặc xoi mói, cần nắn chồng, quan trọng hóa những việc tầm thường.

Một xã hội lí tưởng cho phụ nữ là một xã hội tổ chức sao cho người đàn bà được làm việc ngoài xã hội nửa ngày, còn nửa ngày lo việc gia đình. Để lỡ sau này, người đàn bà

Chia buồn

Chúng tôi vừa được tin buồn :

CỤ TRẦN-VĂN-QUANG

thân phụ của Ông TRẦN-XUÂN-MINH, Hội-Trưởng Hội Thờ-Thao Viện Hối-Đoái, vừa thất lạc ngày 21-7-1963, tại tư thất số 128, đường Phan-Thanh-Giản, Saigon.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Bà Trần-Văn-Quang, Ông Trần-Xuân-Minh và tang-quyển ; và cầu-chúc linh hồn Cụ sớm tiêu-diêu miễn cực-lạc.

Ban Trị-Sự và toàn thể Hội-viên
Hội Thờ-Thao Viện Hối-Đoái

có mặt hạnh phúc ở gia đình, thì còn có thể tìm được an ủi ở ngoài xã hội. Người phụ nữ sống cần phải thương, không phải chỉ thương riêng một người đàn ông, mà có thể thương chung một công việc vị tha nào, hay một quần chúng vô danh. Không có nơi để gởi tình thương, người phụ nữ sẽ khô, cần. Bà cho rằng đời với phụ nữ, quan niệm về hạnh phúc giống như việc cho nước hoa : người cho nước hoa thề nào tay cũng được thơm ít nhiều. Cho nên phụ nữ lập gia đình, cần có một nghề, để rùi gặp cảnh cạnh tranh lạnh cơm chẳng ngon, có thể tự sống được và khỏi thấy mình mất tất cả, và đời còn ít nhất là một lẽ sống khác.

Bà cũng có nhắc đến «Luật gia đình» nói đến cái hay của nó là khiến chúng ta — nam như nữ — hết sức thận trọng trong việc hôn nhân, và nó bảo đảm quyền lợi vật chất của người vợ bị phụ bạc, nhưng mà trên đời, không có luật nào bảo đảm được hạnh phúc gia đình, không có luật nào làm bớt nỗi đau khổ tinh thần của người vợ bị chồng đã hướng về nẻo khác.

Cho nên, bà xin có lời nhắn nhủ với các bạn trẻ hiện diện hãy hết sức dè dặt trong việc chọn bạn đời. Bà nghĩ cái tuổi chín chắn để lập gia đình là : nam, từ 30 tuổi trở lên ; nữ : trên 25 tuổi, và cả nam lẫn nữ nên có nghề để thêm phần bảo đảm cho hạnh phúc. Tất cả phụ nữ, sang hèn gì, cũng có quyền được hưởng hạnh phúc trong hôn nhân, nhưng trong khi chưa đi đến hôn nhân, chị em nên tự

hỏi mình có xứng đáng để hưởng hạnh phúc ấy sau này không. Bà cũng không quên khuyên bạn gái nên để ý đến những cái tướng là nhỏ nhặt, nhưng ảnh hưởng không ít đến hạnh phúc lứa đôi, như vì quá lo việc nội trợ, mà không sẵn sóc đến dung nhan, như chồng đã mệt vì việc ở sở, ở xưởng hay ở ngoài xã hội, về nhà gặp phải người vợ mặt nhăn nhăn, cần nhăn vì một cơ không đâu... làm người chồng đã mệt lại mệt thêm, nên tìm an ủi ngoài ngưỡng cửa gia đình.

Sau đó là cuộc thảo luận. Vì thì giờ ít, nên ban tổ chức phải kết thúc cuộc trao đổi ý kiến trong khi lâm thính giá thanh nam còn đưa tay xin nói. Điều đáng để ý là bốn người chắt vẫn diễn giả đều là bốn bạn trai. Chẳng hiểu các bạn gái vì quá e lệ hay vì chưa nghĩ đến hôn nhân một cách... thiết thực nên chỉ ngồi nghe và mỉm cười. Và trong bốn bạn chắt vẫn diễn giả đã trình bày, như : Người vợ hoạt động ngoài xã hội có ảnh hưởng gì đến hạnh phúc gia đình không ; tuổi nào nên lập gia đình ; một bạn (của người hỏi) đang chọn vợ trong số các thiếu nữ có nghề, như thế có nên tán thành không ?

Với câu hỏi : « Ý kiến bà về vấn đề hạn chế sinh sản », diễn giả cho rằng đời với nước ta, nó chưa thành vấn đề, nhưng ở Ấn-Độ, ở Nhật-Bôn, nó là một vấn đề sống chết. Riêng về bà, bà tán thành việc hạn chế sinh sản, để cho con cái được nuôi dạy chu đáo hơn, và để cho người đàn bà còn thì giờ hoạt động

cho xã hội. Đáp lại câu hỏi nên thực hành việc ấy cách nào, thì diễn giả cười : « Đòi với một quốc gia, thì tùy theo phương tiện của quốc gia ấy ; còn đòi với cá nhân, thì tùy theo sáng kiến của cá nhân ấy ».

Người nghe ra vẻ trước, diễn giả và ban tổ chức ra sau, thế mà còn có một số thính giả mày râu nán chờ diễn giả để lẻo đẹo đi theo hỏi : chúng tôi tình cờ nghe được cuộc đối thoại

vấn tất này xin ghi lại đây để kết thúc bài tường thuật.

— Thưa bà, lập gia đình, tình yêu và sinh lí, nên xem cái nào nặng, ?

— Có phải câu hỏi vì cậu định cưới vợ ?

— Dạ phải.

— Rất tiếc là tôi chưa cưới vợ lần nào nên không biết trả lời cho cậu sao đây.

NGUYỄN-NGU-Í thuật

Sau tập truyện ngắn Cũng đành của Dương-Nghiêm-Mậu và tập thơ Giữa lòng cuộc đời của Quách-Thoại. Chúng tôi hân hạnh phát hành tác phẩm thứ ba do tạp chí VĂN-NGHỆ xuất bản

NIỀM TIN | *truyện dài của VĨNH-LỘC* *mẫu bia của họa-sĩ DUY-THANH*

● Một tác phẩm có khuynh hướng nhân bản tiến bộ ● Một tập truyện đã từng làm say mê thích thú độc giả của TUẦN BÁO ĐỜI MỚI khắp Trung, Nam, Bắc ● Tập truyện dài đầu tiên do tạp chí VĂN-NGHỆ xuất bản ● Đã phát hành tại các nhà sách lớn trên toàn quốc.

ĐÍNH CHÁNH

— Bách-Khoa số 157, mục Sinh hoạt, trang 100, cột 2, chú thích (1) : **U. P. Z.** xin sửa là **U. P. I.**

Mục Phỏng vấn, tr. 108, cột 1, dòng 7 d : « nốt nhạc **đều** » xin sửa : « nốt nhạc **đều** » ; trang 109, cột 2, dòng cuối : « ngành quốc **gia** » xin sửa : « ngành quốc **nhạc** » ; trang 112, cột 2, dòng đầu : « đề **chú** » xin sửa : « đề **chút** » ; trang 113, cột 2, dòng 7 : « cái gì **đọ** mển » xin sửa : « cái gì **đẽ** mển » ; trang 114, dòng 23 : « **cách** đề » xin sửa : « **sách** đề » ; trang 117, cột 5, dòng 15 : « Pháp **lúc** tức là » dư chữ **lúc** ; trang 118, cột 2, dòng 23 : « **là** thích » xin sửa : « **và** thích ».

— Bách-Khoa số 155, mục « Phỏng vấn giới nhạc sĩ », tên thật nhạc sĩ Hùng-Lân là : Hoàng-Văn-**Hương**.

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BACH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thê thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

● Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

● Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

nguyễn-ngu-í

phụ trách

Bách-Khoa

phòng văn giới nhạc sĩ

IX



★ NGUYỄN-VĂN-THINH

Sinh năm mậu thân (1908) tại Bình-Hàng-Tây, tổng Phong-Nám, tỉnh Sa-Đéc (Nam-Việt).

Học quốc nhạc từ năm 14 tuổi.

Chuyên về đàn Tì bà, đàn Nguyệt-cầm và đàn Tranh (Thập lục).

Ở trong ban tài tử Cao-Hoài-Diệu (khoảng 1930), một trong những ban tài tử cổ nhạc có tiếng nhất ở miền Đông Nam-Việt lúc bấy giờ.

Trình diễn quốc nhạc tại sân khấu Philharmonique (hiện giờ là trường quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ) với một nhóm trí thức và nghệ sĩ, năm 1938...

Sau 1945, ở trong nhóm tài tử do ông Cao-Hoài-Sang lãnh đạo.

Ở trong ngành Giáo-dục từ năm 1928.

Năm 1959, được biệt phái qua trường quốc gia Âm nhạc, làm trưởng ngành quốc nhạc kiêm giám học cho đến nay.

● Riêng về bộ môn Nhạc cổ truyền thuộc loại nhạc thính phòng, (ở Nam gọi là nhạc tài tử, ở Trung gọi là ca nhạc Huế), vốn đề đờn nghe trong vòng thân mật chớ không thể đem trình diễn nơi công cộng. Nay, nếu ta muốn trình diễn cho quần chúng thì cần phải lập một ban hòa tấu đông nhạc sĩ, đủ các loại nhạc khí cổ truyền và sắp xếp thứ lớp riêng biệt cho mỗi cây đàn như thể thức của các ban hòa tấu ngoại quốc.

● Cho đến bây giờ, nhạc ta chưa có một lối kí âm pháp nào có thể gọi là đàng hoàng. Ta mong các nhà am hiểu rành rọt quốc nhạc và nhạc Tây phương sẽ chú tâm tìm tòi và trao đổi ý kiến để soạn một phương pháp kí âm thống nhất.

I.— Tôi chuyên về quốc-nhạc.

Tôi hiểu quốc-nhạc có hơi khác. Tôi cho đó là nghệ-thuật cấu-tạo âm-thanh để diễn tả tình-cảm, chí-hướng của dân-tộc.

Theo tôi, quốc-nhạc hiện được phổ-biến dưới bốn hình-thức sau đây :

- 1.— Nhạc-lễ.
- 2.— Nhạc thính phòng (còn gọi là nhạc tài-tử).
- 3.— Nhạc sân-khấu ca-kịch.
- 4.— Nhạc đài phát-thanh.

Nhạc lễ và nhạc thính phòng cùng chung một căn-bản, nhưng loại nhạc sau đã được sắp xếp cho có lớp lang, thứ-tự, bài bản phân minh.

Còn nhạc sân-khấu và nhạc đài phát-thanh tuy mượn nguyên-tắc ở nhạc thính phòng song lại chế biến kéo dài ra

II.— Tôi bước vào ngành nhạc cổ-truyền do một sự ngẫu-nhiên.

Lúc mười bốn tuổi, tôi đương học lớp Nhất Trường Tiểu Học Thủ-Dầu-Một (tức Bình-Dương bây giờ), thì có một thầy đờn tam tiếng miền Đông, ông sáu Dung, đến ở khít vách nhà tôi. Ông thường đờn một mình. Tôi qua nhà ông để nghe đờn, lấy làm thích thú. Được vài lần, tôi đánh bạo xin ông cho đờn thử những đoạn ông thường tấu. Tôi thử đờn nhái đôi bản vắn, trước với cây kìm, sau với cây tì bà.

Ông rất ngạc-nhiên, vì biết tôi chưa từng học đờn với ai cả.

Ông mới nói với ba tôi, cho ông dạy tôi đờn, vì ông thấy tôi có thiên tư về nhạc.

Từ đó, tôi tiếp-tục học với nhiều thầy khác, như với nhạc sư tám Hạnh, nhạc sư sáu Thới...

Và tuy tôi sau đó, tốt nghiệp Trường Sư Phạm Nam-Kì, tôi phải đi dạy học, nhưng lúc rảnh rang, nhất là trong dịp nghỉ hè, tôi thường đi đến các tỉnh khác

trong Nam để học hỏi thêm với các bậc đàn anh danh tiếng. Nhờ đó mà tôi thu thập được nhiều bài bản ở nhiều địa-phương.

Từ lâu, tôi đã nghiên-cứu quốc-nhạc để tìm phương-pháp cấu-tạo các bài bản của cổ-nhân. Và tôi để ý : giữa những luật cấu-tạo quốc-nhạc với những luật về thơ xưa và họa cổ, có nhiều chỗ liên-quan. Do đó, tôi mới tìm thấy ngũ âm (hò, xự, xang, xê, cồng) thuộc ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) và thuộc ngũ sắc (trắng, xanh, đen, đỏ, vàng). Như hò thuộc về kim và màu trắng. Và vì thế mà có sự tương sanh tương-khắc, nghĩa là có những âm đi với âm này thì hợp, mà đi với âm khác thì chọi. Chẳng khác nào có những màu hòa với nhau coi được; trái lại có những màu hòa với nhau thì chói mắt.

Như ngũ hành và ngũ sắc, ngũ âm ngoài luật tương sanh tương khắc, còn chịu luật chế và hóa. Tỉ như hai âm đã hợp (sinh) với nhau, ta ghép vào một âm thứ ba, thì tính chất hợp của hai âm trước sẽ hoặc tăng thêm hoặc giảm bớt; cũng như hai âm đã chọi (khắc) với nhau, ta ghép vào một âm mới, thì ba âm hoặc sẽ hòa với nhau hoặc càng chọi nhau nữa.

Tôi phân tách các bài bản của cổ nhân, thì thấy người xưa đã áp dụng những luật sanh, khắc và chế, hóa trên đây.

Tôi đã sáng tác những bài bản mới trên nguyên tắc của cổ nhân để lại hoặc chỉnh đốn những bài bản xưa đã bị nạn tam sao thất bản. Có một số bản sáng tác hiện được phổ biến như : *Song phi hồ điệp*, *Chinh phụ li tình*, *Thanh dạ đề quyên*, *Thập bát thủ* (Lục thủ trường, Lục thủ đoản, Lục thủ tấu)...

Còn về hoạt động nghệ thuật, tôi có kể qua ở phần tiểu sử, nhưng tôi giữ một kỉ niệm đặc biệt với buổi trình diễn tại rạp Philharmonique. Nguyên năm 1938, ông Nguyễn-Văn-Tuyên diễn thuyết để cổ động cho « Âm nhạc cải cách » tại rạp Philharmonique (1). Ông đã đề cao tân nhạc, điều này chẳng nói làm gì, nhưng ông lại chê cổ nhạc quá lời, khiến giới mộ điệu nhạc cổ truyền phản ứng lại ngay. Trong số đó, có tôi. Tôi cùng với một số anh chị em tài tử trí thức (có hai bác sĩ Châu và Nhã) và nhà nghề hợp nhau để trả lời lại ông Tuyên bằng cách trình diễn quốc nhạc, cũng tại sân khấu nói trên. Đây là lần đầu mà giới cổ nhạc ra mắt công chúng với những bản nhạc, bài ca có tổ chức hẳn hoi. Ban nhạc gồm có : hai cây cò, một cây tranh, một ống tiêu, một đàn độc huyền, một đàn tam, một đàn kìm, (nguyệt), một đàn] tì và một đàn cầm-sắt.

Thính giả đến nghe rất đông, tán thành bài thuyết trình của bác-sĩ Nguyễn-Văn-Nhã nói về những cái hay đáng bảo tồn của nhạc cổ và hoan nghinh cuộc trình diễn. Báo chí thời bấy giờ có tường thuật đầy đủ và ngợi khen sáng kiến nói trên. Tôi xin gửi đến quý báo bức ảnh chụp buổi hòa tấu đáng nhớ ấy, gọi là để ghi lại chút kỉ niệm vang bóng của một thời khá xa mà trong số đó, có hơn phân nửa đã ra người thiên cổ.

*
* *

(1) Sau đó, ông có ra Bắc, diễn thuyết tại Hà-Nội và Hải-Phòng cũng cùng một mục đích như ở Sài-Gòn. (Lời chú của Nguyễn-Ngu-Í)



Buổi trình diễn đầu tiên về ca nhạc cổ truyền tại sân khấu rạp Philharmonique (Sài Gòn 1938) Từ trái : Tám Đuôi : Cò (chết), Ba Đồng : Cò, Châu V. Sáu : Tranh (chết), Sáu Thót : Tiêu (bị che, chết), Cò Tư Cẩn-Được : Ca, Tư Dươn : Độc Huyền (chết), Cò Hai Qua : Ca, Cò Ba Nhơn : Ca (chết), Tư Kiều : Tam (chết), Ng. V. Thịnh : Nguyệt, Bác-sĩ Châu : Tì Bà (chết), Bác-sĩ Nhã : đàn Sắt Cầm

III.— Vốn là người của cổ nhạc, tôi chỉ xin phát biểu ý kiến về ngành mình mà thôi.

Tôi nghĩ ta nên vừa phục hưng nhạc Việt vừa cải cách nó.

IV.— Để phục hưng nhạc Việt, tôi có ý kiến là nên sưu tầm tất cả bài bản cổ truyền hiện đương phân tán ở các địa phương. Xong rồi, ta mới tuyển chọn và chỉ giữ những bài bản xét thấy có chân giá trị, và loại bỏ những bài bản không giá trị. Sau đó, nên nhờ các cơ quan ngôn-luận giải thích những cái hay, những đặc điểm của các bài bản đã tuyển chọn, tổ chức một ban hòa tấu, rồi nhờ ban hòa tấu này phổ biến trên làn sóng điện của

các đài phát thanh trong nước. Có được như thế người nghe mới hiểu, mới thích.

Tôi lại có ý kiến này về việc trình diễn quốc nhạc.

Riêng về bộ môn Nhạc cổ truyền thuộc loại nhạc thính phòng, (ở Nam gọi là nhạc tài-tử ; ở Trung gọi là ca nhạc Huế) vốn để đờn nghe trong vòng thân mật, chớ không thể đem trình diễn nơi công cộng. Nay, nếu ta muốn trình diễn cho quần chúng, thì cần phải lập một ban hòa tấu đồng nhạc sĩ, đủ các loại nhạc khí cổ truyền, và sắp xếp thứ lớp riêng biệt cho mỗi cây đàn, như thể thức của các ban hòa tấu ngoại quốc. Chớ còn dùng nhiều đờn cùng một loại để đờn một bài, cốt ý

cho lớn tiếng, thì tôi nghĩ có lẽ là thất sách.

Muốn thành công trong việc phục hưng cổ nhạc, thì Chánh phủ nên nâng đỡ một cách thiết thực, và giới yêu chuộng cổ nhạc sốt sắng tham gia những việc mà tôi vừa trình bày, tức là: sưu tầm, tuyển chọn, phổ biến.

Còn ưu điểm của cổ nhạc là đối với dân tộc, nó rất dễ hiểu, nó đủ sức gây xúc cảm hoặc thích thú trong lòng của người Việt.

Khuyết điểm quốc nhạc thì khá nhiều.

Quốc nhạc ta chỉ dạy truyền ngón, mà không có phương pháp kí âm. Mỗi người học đờn ghi câu nhạc theo ý riêng của mình.

Các thầy dạy đờn cổ nhạc phần nhiều thiếu lương tâm. Như họ chỉ chuyên một cây đàn nào đó, mà khi có học trò đến xin học cây đàn khác, thì cũng dạy càn để thủ lợi và để giữ thể diện. Vì thế mà các bản nhạc riêng cho mỗi loại đàn càng ngày càng xa bản gốc.

Cho đến bây giờ, nhạc ta chưa có một lối kí âm pháp nào có thể gọi là đàng

hoàng. Ta mong các nhà hiểu rành rọt quốc nhạc và nhạc Tây-phương sẽ chú tâm tìm tòi và trao đổi ý kiến để soạn một phương pháp kí âm thống nhất.

*
* *

V. — Tôi rất lạc quan về tương lai quốc nhạc.

Một trong những lí-do, là hiện trường Quốc-gia Âm-nhạc đã đào tạo được một nhóm sinh viên quốc nhạc đã thành tài và nhóm này đã họp lại để lập một ban hòa tấu, đủ cả hai hình thức xưa, nay. Ban này đã trình diễn quốc nhạc tân thể và quốc nhạc cổ thể và gây được nhiều cảm tình. Một lí do nữa là quốc nhạc vẫn còn được đặc dụng trên sân khấu ca kịch nước nhà, mà môn ca kịch vốn được đa số quần chúng ưa thích, từ thành thị cho tới thôn quê. Lại thêm, theo chỗ tôi được biết riêng, hiện có một nhóm trí thức rất sẵn sàng nâng đỡ và giúp phương tiện để phổ biến nền nhạc cổ truyền của dân tộc Việt.

NGUYỄN-VĂN-THINH



★ **LAM-PHƯƠNG.**

Tên thật : Lâm-Đình-Phùng.

Sanh ngày 20-3-1937 tại làng Vĩnh-Thanh-Vân, tỉnh Rạch-Giá (Nam-Việt).

Chuyên về Tân nhạc.

Bắt đầu sáng tác từ năm 1952.

Đã xuất bản : Chiều thu ấy (1952), Khúc ca ngày mùa, Chuyển đờ vĩ tuyến, Đoàn người lữ thứ, Nhạc rừng khuya, Tình cổ đô, Tình anh lính chiến, Chiều hành quân, Kiếp nghèo, Duyên kiếp (1961),



Kiếp tha hương (1961), Tiền người đi (1962), Mộng ước (1962), Đèn khuya (1963), Rừng xưa (1963)...

Hiện cộng tác với ban thoại kịch Kim-Cương.

● Tôi cố nói lên trong tác phẩm những rung động của tôi — một người học sinh, một quân nhân, một người dân... trẻ — nhờ chúng chân thành, nên các bạn trẻ thấy đó như tiếng nói của lòng, của trí mình.

● Tôi vẫn nuôi tham vọng một ngày gần đây sẽ là tác giả những bản nhạc lớn, nên tôi vẫn tìm tòi học hỏi, nhạc Tây-phương cũng như quốc nhạc.

● Tôi mong sao đến lúc tôi đủ sức sáng tác những ca khúc lớn, những bản đại hòa tấu, thì chừng ấy, đa số quần chúng nước ta đã có thể thưởng thức loại nhạc này.

... Tôi bắt đầu vào chuyện :

— Sống ở đô-thành chen chúc mà anh sáng tác được bản nhạc thanh thoát ca ngợi cảnh người và cuộc sống ở đồng quê, hẳn anh đã giữ nhiều kỉ-niệm ấm êm ở nơi sản dã?

Người nhạc-sĩ trẻ tuổi có gương mặt thư sinh ấy hơi nghiêng tới, mắt ánh niềm vui :

— Chắc anh muốn nói tới...

Tôi mỉm cười mà hát mấy câu đã một thời nằm trên môi học-sinh lớn, nhỏ :

« *Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát-ngát*
« *Anh trăng thanh chiếu qua làng xơ-xác...*

— Quả có thế. Tuổi thơ tôi êm đềm trôi ở chốn đồng quê, và cuộc sống quay cuồng ở đô-thị vẫn không làm tôi quên được nơi chôn nhau cắt rún. Và bản nhạc « *Khúc*

ca ngày mùa » với hai câu mở đầu anh mới hát, tôi đã làm lúc tâm-hồn tha thiết hướng về quê...

— « *Khúc ca ngày mùa* » có phải là sáng tác đầu tay của anh không?

— Không phải, anh à. Tôi bắt đầu sáng tác từ năm 1952.

— Tức là lúc anh...

— Lúc tôi được mười lăm tuổi.

— Thế anh được ai dìu dắt mà sớm tài như vậy?

Anh cười.

— Anh dạy quá lời. Tài tôi đâu có gì. Chẳng qua tôi gặp nhiều may mắn. Tôi nhờ nhiều bậc đi trước chỉ vẽ trong bước ban đầu, nhất là hai bậc đàn anh Hoàng-Lan và Lê-Thương đã tận tình dìu dắt.

— Nhưng đó mới là một cái may.

— Cái may thứ nhì : anh Trần-Văn-Trạch hết lòng nâng đỡ tôi trong buổi ban đầu, và ban Sầm-Giang của anh đã trình bày những sáng tác của tôi ở sân khấu cũng như ở đài phát thanh.

— Có người mà cũng có... anh nữa chớ. Được dìu dắt và nâng đỡ tới đâu, mà anh không có gì đặc biệt trong các sáng tác, thì anh làm sao nổi tiếng và được bạn trẻ hoan nghinh.

— Có lẽ vì các bản của tôi thường có tính chất đơn giản, nhẹ nhàng, nét nhạc có cái gì là lạ.. Rồi gặp lúc phong trào thanh niên có phần sôi nổi, các bản nhạc

của tôi hợp với tâm tình bạn trẻ, nên tôi được hoan nghinh.

« Được người cùng lứa với mình hoan nghinh, còn có gì sung sướng trong đời nghệ sĩ cho bằng. Điều này thúc đẩy tôi vào hẳn con đường nghệ thuật, chớ trước kia, tôi còn phân vân. Có thể ví tôi như hạt giống may mắn được gieo vào đất tốt ».

Anh thôi nói như nhớ lại điều gì.

— À, còn điều may mắn này nữa. Lúc bấy giờ, bài hát được phổ biến trên làn sóng điện một cách tự do...

— Còn bây giờ thì hạn chế?

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) *Bạn chuyên về nhạc gì? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.*

2) *Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào. Và tập luyện ra sao? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc...)*

3) *Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt?*

4) *Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất.*

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) *Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì?*

6) *Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.*

— Phải. Trước kia, một bài hát mà đài phát thanh xét là hay, hoặc thính giả ưa thích, thì được phát thanh nhiều lần trong tuần. Bây giờ thì không thể nữa: một tuần chỉ được hát một lần thôi. Mà như anh đã biết, không gì phổ biến Tân nhạc mạnh và xa bằng đài phát thanh. Nghe đài phát thanh giới thiệu thường, thính giả mới tìm mua bản nhạc để học theo, kẻ để đờn, người để hát. Nhờ đó nhà xuất bản và anh em sáng tác mới hăng hái mà hoạt động.

— Ngoài các đài phát thanh, còn có gì « đẩy » Tân nhạc tiến tới ?

— Đại nhạc hội. Chính các đại nhạc hội đã góp một phần đáng kể trong việc giới thiệu anh em Tân nhạc với công chúng, và làm cho phong trào Tân nhạc lên.

Thấy anh im lặng hơi lâu, tôi hỏi :

— Thế còn các phòng trà không giúp được Tân-nhạc chút gì sao ?

— Có, nhưng mà ít quá, nên kể như không có. Anh mà tưởng người ta đến phòng trà là vì thích nhạc, thì hơi bé cái lắm đấy. Không mấy ai nghe một bài hát mới ở phòng trà, rồi sau đó, tìm mua bản nhạc ấy. Khách hàng của phòng trà là khách đến để giải khuây, để giết thì giờ, hoặc vì ghiền cái không-khí nơi ấy.

— Chớ không phải vì ghiền các cô ca sĩ

— Cái đó cũng có. Nhưng đến để gọi là thưởng thức Tân-nhạc thì quả là không !

— Thôi, ta hãy để yên phòng trà với khách hàng của họ. Trở về anh đây. Anh nói anh bắt đầu sáng tác từ năm 1952,

nghĩa là tới nay được mười một năm rồi; vậy trong mười một năm ấy, anh hoàn-thành bao nhiêu tác-phẩm ?

— Hoàn-thành thì nhiều, song xuất-bản thì được ba mươi hai bản.

— Ba mươi hai bản trong mười một năm, trung-bình ba bản trong năm. Có đủ nuôi sống người sáng tác chớ ?

Anh lắc đầu, cười.

— Người sáng tác nhạc ở nước ta phải kiếm một, hai nghề mới đủ sống.

— Xin anh cho biết anh sáng tác có theo một hướng nào không ?

Anh nghĩ ngợi một chập.

— Tôi không biết trả lời sao cho anh. Nhiều bạn thấy các bản nhạc của tôi được anh chị em học-sinh và thanh-niên ưa-thích, thì cho tôi đã chọn hướng sáng tác rồi: nói lên những buồn vui, ước mơ của lớp tuổi trẻ hiện-thời. Nhưng thật ra, tôi sáng tác cho tôi, hoặc do hoàn cảnh gây nên, hoặc vì tâm-hồn xúc-động. May mắn cho tôi là những mơ-ước, buồn vui riêng tư đó lại cũng là những vui buồn mơ-ước của các bạn trẻ đồng lứa cùng thời. Như bài « *Kiếp nghèo* », thành hình trong lúc chật vật vì cuộc sống.

— Thế thì anh sáng tác theo cảm-hứng. Nhưng trước kia là thế, chớ sau này...

— Sau này, theo chủ trương văn nghệ của Chánh phủ, anh em Tân nhạc — cũng như anh em nghệ sĩ các giới khác — có bốn phận sáng tác theo một vài đường lối, nên tôi...

Thấy anh tìm chữ, tôi cười, tiếp tay với anh.

— .. Nên anh không còn tự do bay nhảy như xưa ?

Anh cười, chống chế.

— Sao lại không còn, anh. Nhưng mà bay nhảy trong những khu vườn mới, lạ mà mình chưa mấy quen.

— Xin hỏi anh một điều không mấy vui nhé. Anh có mấy bản nhạc bị cấm, anh có buồn không ?

— Không buồn sao được, anh. Cũng như nghe con mình bị kêu án « cấm cổ » vậy mà. Nhưng rồi nhìn lại hoàn-cảnh nước ta hiện giờ, mình phải vui lòng nhận lấy. Huống chi đâu phải chỉ riêng mình...

— Nhưng có điều tôi lấy làm lạ, là chính-quyền cấm những bài hát thuộc loại tình-cảm quá « ướt-át » mà dường như chỉ cấm những bài sau này, còn có bài thời tiền chiến cũng rên rỉ, cũng đem lại chán chường, áo nảo cho người nghe, mà vẫn được tự-do trình bày...

— ... như bài « Giọt mưa thu » của Đặng-Thế-Phong chẳng hạn ?

Tôi gật đầu, anh nói :

— Tôi cũng để ý điều này, nhưng cũng chẳng hiểu tại sao ?

Tôi bỗng hỏi anh :

— Phần nhiều bản nhạc của anh được bạn trẻ hoan nghinh, anh có hiểu vì sao không ?

Câu trả lời không để đợi :

— Vì chúng hợp với tuổi trẻ.

Thấy tôi có vẻ chưa hài lòng, anh nói thêm :

— Như tôi đã nói với anh, tôi cố nói lên trong tác-phẩm những rung động của

Sách Báo Mới

Bách Khoa đã nhận được :

— **Tự - do cá - nhân** của TRẦN-THỨC-LINH, do nhà sách Khai-Trí xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 332 trang, gồm có những mục mà mọi công dân rất cần hiểu biết để bảo vệ tự-do cá-nhân như : bắt người ; giam người ; khám nhà, lục xét, tịch thu ; hỏi cung v.v... giá 70đ.

— **Những án - lệ quan trọng** (Dân-luật, luật nghĩa vụ) do TRẦN-THỨC-LINH và NGUYỄN VĂN-THỌ trích dịch, viện Đại-Học Huế xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 443 trang, giá 70đ.

— **Chiều quê hương** truyện ngắn của HUY-TRÂM do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 172 trang gồm 12 truyện ngắn, giá 38đ.

— **« Hoa thiên - lý »** tập truyện ngắn của DUYÊN-ANH do Giao-Điền xuất bản và gửi tặng. Sách dày 204 trang gồm 10 truyện ngắn, giá 42đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

tôi — một người học sinh, một quân nhân, một người dân.. rẻ — nhờ chúng chân thành, nên các bạn thấy đó như tiếng nói của lòng, của trí mình. Tôi lại dùng nhịp điệu trẻ trung của nhạc Tây-phương mà diễn tả, nhưng với tâm-hồn cổ hữu của dân-tộc.

— Anh có chịu ít nhiều ảnh hưởng nhạc cổ-truyền của ta ?

— Có, anh à. Và từ thuở ấu thơ. Các tác-phẩm sau này của tôi đều bắt nguồn từ những bài bản quốc-nhạc miền Nam. Hiện tôi đang học cổ-nhạc, để sáng-tác mình không mang màu sắc ngoại lai. Tôi nghĩ ta nên mượn của nhạc Tây-phương phần kĩ-thuật, còn ta nên sáng tạo với tâm hồn riêng biệt của dân-tộc ta.

— Như vậy anh không tán thành việc phổ-biến nhạc Tây-phương ?

— Không tán thành lúc này đây. Bởi một việc làm như vậy không hợp với trình độ công chúng hiện nay. Họ không thể thưởng-thức các bản nhạc cổ - điển Tây-phương hay các bản đại hòa tấu, thì lập giàn nhạc, trình diễn cho họ nghe, e rằng chỉ mất công, mất của, mất thì giờ. Vả lại, trừ phi ta «bắt» công chúng phải nghe những bài nhạc lớn Tây-phương thì chẳng nói làm gì, chớ quần-chúng thích nhạc vốn là học-sinh và quân-nhân, thì họ đâu có hiểu rành nhạc Tây-phương để mà ủng-hộ.

— Riêng về anh, anh có cho rằng chỉ sáng tác những ca khúc như hiện nay là đủ, hay anh còn có... tham vọng gì khác ?

Anh nghiêng mình về trước, nhìn thẳng vào tôi :

— Đã phụng-sự cho Nghệ-thuật, mà tự bằng lòng mình, thì là phụ Nghệ-thuật rồi.

Tôi vẫn nuôi tham vọng một ngày gần đây sẽ là tác-giả những bản nhạc lớn, nên tôi vẫn tìm tòi học hỏi, nhạc Tây-phương cũng như quốc-nhạc. Chớ các bài hát nhỏ bây giờ, dầu có được hoan-nghinh đến đâu, cũng mới là phần ABC của nền nhạc mới, mà người nhạc-sĩ nào chẳng mong để lại một vài công trình gì dài hơi, bề thế hơn là những ca khúc nhỏ.

« Tôi mong sao đến lúc tôi đủ sức sáng tác những ca-khúc lớn, những bản đại-hòa tấu, thì chừng ấy, đa số quần chúng nước ta đã có thể thưởng-thức loại nhạc này ».

Đường trước cửa nhà anh bắt đầu huyền ảo : học trò đến trường, công chức đến sở, các gánh hàng rong lên tiếng rao mời. Tôi đứng dậy.

— Chút nữa quên hỏi anh : tương lai Tân-nhạc, anh thấy nó thế nào ?

— Tôi chưa trả lời được. Vì hiện-thời, Tân-nhạc đứng yên một chỗ. Tương lai nó còn tùy ở thời cuộc. Nhưng có điều tôi có thể trả lời anh ngay, là Tân-nhạc thiếu nâng đỡ, không như quốc-nhạc hay nhạc Tây-phương.

Bất tay người nhạc-sĩ được bạn trẻ mến yêu này, tôi còn hỏi thêm câu chót :

— Đúng địa-vị một nhạc-sĩ sáng tác, anh thường ôm ấp... mộng gì ?

Anh cười trong ánh mắt.

— Mộng... ba điều này được thực-hiện : một là bản nhạc mình ra đời đúng với sự đòi hỏi của số đông, hai là bản nhạc ấy được trình bày đúng với tinh-thần của nó, ba là được đài phát-thanh phổ biến.

NGUIEN-NGU.Í viết lại

BÁCH KHOA CLVIII

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

ách-Khoa vừa nhận được :

- Trở về (Huỳnh - Trân) Gió lộng (Nguyễn - Văn - Thông) Văn thơ thương nhớ (Nguyễn-Thanh-Đặng) Hồn nghĩa sĩ... (Lê-Kiên-Mẫu) Từ xưa, Đường dài... (Mặc - Tường) Trước mặt (Nhất-Thủy) Dáng em ngồi suốt tóc (Huỳnh.Thanh-Tòng) Yêu (D. Kh) Trong mùa thu... (T. C.T.) Chuyện dọc đường, Chiều mưa đô thị... (Dương - Văn - My) Quê tôi... (N. Đức - Dũng) Tình mộng nghìn xưa, Đôi nạng (Nguyễn N ọc-Thuận)

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường

hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

- **Bạn Hoàng-Đông-Phương.**— Đ nhận được thư và mấy bài thơ. Cuối bài thơ bạn nói trong thư thì tên tác giả gồm 3 chữ viết tắt ; lúc máy chạy được một số khuôn thì 2 chữ sau rớt mất nên còn có một chữ đầu và mấy vết chấm. Tuy nhiên một số lớn báo vẫn còn đủ cả 3 chữ. Nếu bạn muốn lấy các số đó xin liên lạc với Tòa soạn.

Rất trông đợi các truyện ngắn, truyện dài nói trong thư. Tòa soạn mong được gặp lại càng sớm càng hay để thảo luận về việc cộng tác lâu dài.

QUY-VI HÃY DÀN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY DÀNH CHỮ LẪM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES



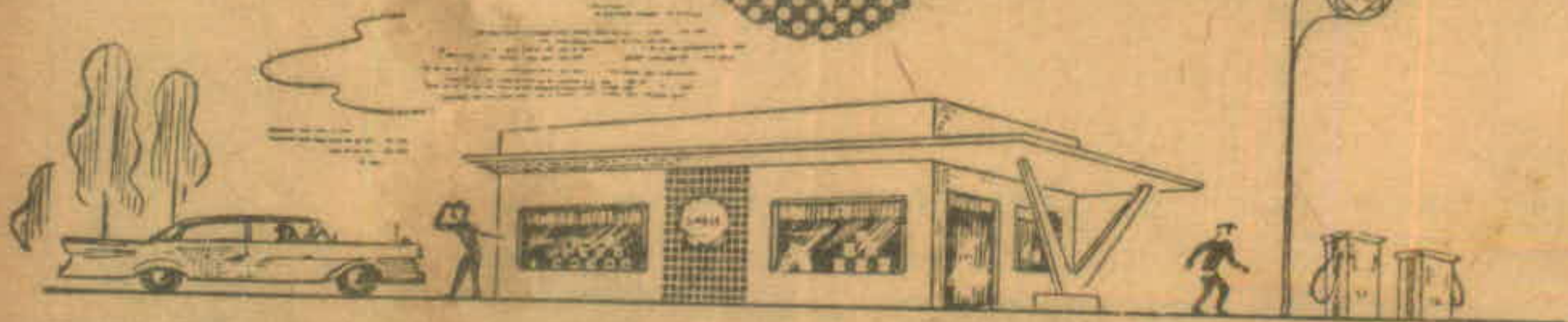
LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI ĐỀ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Siền — Téléphone : 200.821 — SAIGON

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ



hơn 50 năm tại Việt-Nam 